



HIỆP ĐỊNH KHUNG
VỀ ĐỐI TÁC VÀ HỢP TÁC TOÀN DIỆN GIỮA
MỘT BÊN LÀ NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM VÀ
MỘT BÊN LÀ LIÊN MINH CHÂU ÂU VÀ CÁC QUỐC GIA THÀNH VIÊN

FRAMEWORK AGREEMENT
ON COMPREHENSIVE PARTNERSHIP AND COOPERATION BETWEEN
THE EUROPEAN UNION AND ITS MEMBER STATES, OF THE ONE PART,
AND THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM, OF THE OTHER PART

Ấn phẩm thực hiện bởi Bộ Ngoại giao Việt Nam
và Phái đoàn Liên minh châu Âu tại Việt Nam
Issued by the Ministry of Foreign Affairs of Viet Nam
and the EU Delegation to Viet Nam

Hà Nội, tháng 10 năm 2012
Hanoi, October 2012

MỤC LỤC

| | |
|---|----|
| 1. Lời nói đầu của Bộ trưởng Bộ Ngoại giao Phạm Bình Minh.... | 3 |
| 2. Lời nói đầu của bà Catherine Ashton - Đại diện Cấp Cao của Liên minh châu Âu | 5 |
| 3. Hiệp định khung về đối tác và hợp tác toàn diện | 7 |
| 4. Phụ lục 1: Quan hệ Việt Nam – Liên minh châu Âu | 72 |
| 5. Phụ lục 2: Giới thiệu về Liên minh châu Âu..... | 80 |
| 6. English version | 84 |

Ấn bản này được ra đời với sự trợ giúp của Liên minh châu Âu. Các tác giả chịu trách nhiệm hoàn toàn về nội dung của ấn phẩm này và dưới bất kỳ phương thức nào, những nội dung này cũng không được coi là phản ánh quan điểm của Liên minh châu Âu. Các cơ quan của Liên minh châu Âu và bất kỳ người nào đại diện cho các cơ quan này cũng không phải chịu trách nhiệm về việc sử dụng những thông tin có trong ấn phẩm này.

Thiết kế và in ấn: Luck House Graphics

GPXB số 621/QĐ-LĐXH

Chấp nhận ĐKKH số 83-2012/CXB/283-318/LĐXH

Mã số: 283-318
26-12

LỜI NÓI ĐẦU CỦA BỘ TRƯỞNG BỘ NGOẠI GIAO PHẠM BÌNH MINH



Hiệp định hợp tác và đối tác toàn diện Việt Nam – EU (PCA) được ký kết ngày 27/6/2012 là minh chứng sống động cho sự phát triển toàn diện và sâu sắc của quan hệ Việt Nam và EU trong hơn 20 năm qua và là một dấu mốc quan trọng, đưa quan hệ giữa Việt Nam và EU lên tầm cao mới, đó là mối quan hệ đối tác bình đẳng và hợp tác toàn diện, phù hợp với mức độ liên kết sâu rộng và tầm vóc của EU trong thế kỷ XXI, cũng như thế và lực ngày càng tăng của Việt Nam sau hơn 25 năm đổi mới và hội nhập thành công.

Quan hệ Việt Nam – EU trong thời gian qua phát triển tích cực và toàn diện. EU đã trở thành một trong những đối tác quan trọng hàng đầu của Việt Nam trên nhiều lĩnh vực, đặc biệt là hợp tác phát triển, thương mại và đầu tư, hỗ trợ tích cực cho quá trình phát triển và hội nhập quốc tế của Việt Nam.

Với việc ký kết Hiệp định PCA, chúng ta hoàn toàn có cơ sở lạc quan về triển vọng quan hệ Việt Nam – EU trong thời gian tới. Hiệp định PCA đã mở rộng và làm sâu sắc nhiều lĩnh vực hợp tác mà Việt Nam có nhu cầu và EU có thế mạnh, trong đó có hợp tác phát triển, kinh tế thương mại, giáo dục – đào tạo, khoa học – công nghệ, nông nghiệp, y tế, du lịch. Điều này góp phần tạo thuận lợi để Việt Nam tăng cường hợp tác cùng có lợi

với EU trong quá trình triển khai Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2011 – 2020. Hiệp định PCA cũng tạo tiền đề quan trọng để hai bên bước vào đàm phán Hiệp định thương mại tự do (FTA) và hợp tác hướng tới sớm công nhận quy chế thị trường của Việt Nam.

Bên cạnh đó, Hiệp định PCA không chỉ điều chỉnh quan hệ song phương giữa Việt Nam và EU mà còn bao hàm hợp tác tại các diễn đàn khu vực và quốc tế, hợp tác đối phó với các thách thức toàn cầu. Trên cơ sở đó, việc phát triển quan hệ với Việt Nam tạo điều kiện thuận lợi để EU thúc đẩy quan hệ với các nước trong khu vực Đông Nam Á trong bối cảnh tại đây đang diễn ra nhiều chuyển biến nhanh chóng, cấu trúc khu vực đang được định hình với vai trò trung tâm của ASEAN. Về phần mình, Việt Nam có điều kiện thuận lợi để tiếp tục mở rộng và làm sâu sắc hơn nữa quan hệ đối tác với tất cả các nước thành viên EU, qua đó triển khai một cách hiệu quả đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, hòa bình, hợp tác và phát triển; đa phương hóa, đa dạng hóa quan hệ quốc tế; là bạn, đối tác tin cậy và thành viên có trách nhiệm trong cộng đồng quốc tế.

Phạm Bình Minh
Bộ trưởng Bộ Ngoại giao
Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam

LỜI NÓI ĐẦU CỦA BÀ CATHERINE ASHTON - ĐẠI DIỆN CẤP CAO CỦA LIÊN MINH CHÂU ÂU

EU có những lợi ích lớn trong sự thành công của công cuộc đổi mới tại Việt Nam. Việc ký kết Hiệp định Đối tác và Hợp tác (PCA) thế hệ mới giữa Việt Nam và EU là một mốc lịch sử quan trọng trong quan hệ EU-Việt Nam và là một minh chứng cho tầm quan trọng ngày càng tăng nhanh của quan hệ Việt Nam-EU. Nó cho thấy cam kết của EU trong việc xây dựng một quan hệ đối tác hiện đại trên diện rộng và cùng có lợi với Việt Nam.

Kể từ khi thiết lập quan hệ ngoại giao vào tháng 10 năm 1990, quan hệ giữa Việt Nam và EU đã phát triển rất nhanh chóng, đi từ trọng tâm ban đầu là thương mại và viện trợ sang một quan hệ đối tác mang nhiều tính chính trị hơn, rộng rãi và đa dạng hơn. Hiệp định PCA mới, dựa trên cơ sở các mối quan tâm và nguyên tắc chung như bình đẳng, tôn trọng lẫn nhau, nền pháp trị và quyền con người, sẽ mở ra một kỷ nguyên mới trong quan hệ song phương. Hiệp định sẽ mở rộng thêm phạm vi hợp tác của chúng ta trong các lĩnh vực như thương mại, môi trường, năng lượng, khoa học và công nghệ, quản trị công hiệu quả, cũng như du lịch, văn hóa, di cư, chống khủng bố và cuộc đấu tranh chống tham nhũng và tội phạm có tổ chức.

Hiệp định PCA cũng sẽ cho phép Việt Nam và EU, hai đối tác cùng chia sẻ mối quan tâm chung về một hệ thống dựa trên nguyên tắc đa biên vững chắc và các thiết chế quản trị toàn cầu mạnh mẽ, tăng cường hợp tác hơn nữa trong những thách thức khu vực và toàn cầu, trong đó có biến đổi khí hậu, chủ nghĩa khủng bố và việc hạn chế vũ khí hủy diệt hàng loạt, tất cả những vấn đề mà Việt Nam sẵn sàng đóng một vai trò ngày càng quan trọng hơn.

Hiệp định PCA tập hợp sự tham gia của EU và tất cả các nước thành viên EU, mang đến những cơ hội để tăng cường tính gắn kết và sức mạnh tổng hợp giữa các chính sách của EU và giữa các chính sách của EU với chính sách của các nước thành viên riêng lẻ. Chính phủ Việt Nam và EU đã xác định được một số ưu tiên cần hành động ngay trong khuôn khổ PCA. EU về phần mình cam kết sẽ đảm nhiệm đầy đủ phần của mình trong việc thực hiện Hiệp định cũng như sẽ tận dụng mọi khả năng hợp tác mà Hiệp định sẽ mở ra.

Chúng tôi mong đợi các nguyên tắc thương mại và đầu tư được thiết lập trong khuôn khổ PCA sẽ sớm được hoàn thiện bởi Hiệp định Thương mại Tự do Việt Nam-EU (FTA), một hiệp định cũng sẽ đưa thương mại và đầu tư hai chiều lên những tầm cao mới.

Catherine Ashton
Đại diện Cấp Cao của Liên minh châu Âu về Ngoại giao và Chính sách An ninh

HIỆP ĐỊNH KHUNG VỀ ĐỐI TÁC VÀ HỢP TÁC TOÀN DIỆN GIỮA MỘT BÊN LÀ NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM VÀ MỘT BÊN LÀ LIÊN MINH CHÂU ÂU VÀ CÁC QUỐC GIA THÀNH VIÊN

Một bên là nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, dưới đây gọi là “Việt Nam”,

Và một bên là Liên minh châu Âu, dưới đây được gọi là “Liên minh”

và

Vương quốc Bỉ,

Cộng hòa Bun-ga-ri,

Cộng hòa Séc,

Vương quốc Đan Mạch,

Cộng hòa Liên bang Đức,

Cộng hòa E-xtô-ni-a,
Ai-len,
Cộng hòa Hy Lạp,
Vương quốc Tây Ban Nha,
Cộng hòa Pháp,
Cộng hòa I-ta-li-a,
Cộng hòa Síp,
Cộng hòa Lát-vi-a,
Cộng hòa Lit-va,
Đại công quốc Lút-xăm-bua,
Cộng hòa Hung-ga-ri,
Man-ta,
Vương quốc Hà Lan,
Cộng hòa Áo,
Cộng hòa Ba Lan,
Cộng hòa Bồ Đào Nha,
Ru-ma-ni,
Cộng hòa Xlô-ven-ni-a,
Cộng hòa Xlô-va-ki-a,
Cộng hòa Phần Lan,
Vương quốc Thụy Điển,
Liên hiệp Vương quốc Anh và Bắc Ai-len,

Các Bên tham gia Hiệp ước về Liên minh châu Âu và Hiệp ước về Chức năng hoạt động của Liên minh châu Âu, dưới đây được gọi là “các Quốc gia Thành viên”,

Dưới đây được gọi chung là “các Bên”,

XÉT ĐẾN mối quan hệ hữu nghị truyền thống giữa các Bên và mối quan hệ chặt chẽ về lịch sử, chính trị và kinh tế gắn kết các Bên,

XÉT THẤY các Bên coi trọng tính toàn diện của mối quan hệ hai bên, như được thể hiện trong, nhưng không hạn chế bởi, “*Kế hoạch tổng thể về quan hệ giữa Việt Nam và Liên minh châu Âu cho đến năm 2010 và định hướng đến năm 2015*” của Việt Nam năm 2005 và các cuộc thảo luận tiếp sau đó giữa các Bên,

XÉT THẤY các Bên cho rằng Hiệp định này là một phần của mối quan hệ rộng lớn hơn và gắn kết giữa các bên thông qua các thỏa thuận mà các bên cùng tham gia,

TÁI KHẲNG ĐỊNH cam kết của các Bên đối với các nguyên tắc chung của luật pháp quốc tế cũng như các mục đích và nguyên tắc của Hiến chương Liên hợp quốc, và việc tôn trọng các nguyên tắc dân chủ và nhân quyền,

TÁI KHẲNG ĐỊNH sự tôn trọng của các Bên đối với độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ và thống nhất quốc gia của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam,

TÁI KHẲNG ĐỊNH sự gắn bó của các Bên với các nguyên tắc quản trị tốt và đấu tranh chống tham nhũng,

TÁI KHẲNG ĐỊNH mong muốn thúc đẩy tiến bộ kinh tế xã hội vì người dân, tính tới nguyên tắc phát triển bền vững và các yêu cầu về bảo vệ môi trường,

XÉT RẰNG Tòa án Hình sự quốc tế là một tiến triển quan trọng đối với hòa bình và công lý quốc tế, nhằm truy tố có hiệu quả các tội ác nghiêm trọng nhất gây quan ngại cho cộng đồng quốc tế,

XÉT THẤY các Bên chia sẻ quan điểm rằng việc phổ biến vũ khí

hủy diệt hàng loạt là mối đe dọa nghiêm trọng đối với an ninh quốc tế và mong muốn đẩy mạnh đối thoại và hợp tác trong lĩnh vực này. Việc nhất trí thông qua Nghị quyết 1540 của Hội đồng bảo an Liên hợp quốc đã nhấn mạnh cam kết của toàn thể cộng đồng quốc tế trong việc đấu tranh chống lại việc phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt,

GHI NHẬN sự cần thiết đẩy mạnh giải trừ quân bị cũng như các cam kết không phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt theo các nghĩa vụ quốc tế áp dụng với các Bên,

BÀY TỎ cam kết đầy đủ của các Bên trong việc đấu tranh chống mọi hình thức khủng bố phù hợp với luật pháp quốc tế, bao gồm luật nhân quyền và nhân đạo và trong việc xây dựng các văn kiện và hợp tác quốc tế có hiệu quả để bảo đảm xóa bỏ hoàn toàn các hình thức khủng bố, và nhắc lại các Nghị quyết có liên quan của Hội đồng bảo an Liên hợp quốc,

GHI NHẬN tầm quan trọng của Hiệp định Hợp tác ngày 7 tháng 3 năm 1980 giữa Cộng đồng Kinh tế châu Âu và In-đô-nê-xi-a, Ma-lai-xi-a, Phi-líp-pin, Xinh-ga-po và Thái Lan – các nước thành viên của Hiệp hội các Quốc gia Đông Nam Á (ASEAN), sau đó được mở rộng ra đối với Việt Nam vào năm 1999, cũng như Hiệp định Hợp tác giữa Cộng đồng châu Âu và nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ngày 17 tháng 7 năm 1995,

GHI NHẬN tầm quan trọng của việc tăng cường mối quan hệ hiện tại giữa các Bên với mục tiêu nâng cao hợp tác giữa các Bên, và mong muốn chung của các Bên nhằm củng cố, làm sâu sắc và phong phú thêm mối quan hệ trong các lĩnh vực cùng quan tâm trên cơ sở tôn trọng chủ quyền, bình đẳng, không phân biệt đối xử, tôn trọng môi trường tự nhiên và cùng có lợi,

GHI NHẬN quy chế của Việt Nam là một nước đang phát triển và tính đến trình độ phát triển tương ứng của các Bên,

THỪA NHẬN tầm quan trọng của hợp tác phát triển đối với

các nước đang phát triển, đặc biệt là các nước có thu nhập thấp và thu nhập trung bình thấp, nhằm tăng trưởng kinh tế vững chắc, phát triển bền vững và thực hiện kịp thời, đầy đủ các mục tiêu phát triển được quốc tế công nhận, bao gồm các Mục tiêu Phát triển Thiên niên kỷ của Liên hợp quốc,

THỪA NHẬN những tiến bộ Việt Nam đã đạt được trong việc thực hiện các Mục tiêu Phát triển Thiên niên kỷ và triển khai Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội cũng như trình độ phát triển hiện nay là một nước đang phát triển có thu nhập thấp,

XÉT THẤY các Bên đặc biệt đề cao các nguyên tắc và quy định điều chỉnh thương mại quốc tế trong Hiệp định thành lập Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO), cũng như yêu cầu áp dụng các nguyên tắc và quy định này một cách minh bạch và không phân biệt đối xử,

GHI NHẬN vai trò đặc biệt của thương mại đối với phát triển và tầm quan trọng của các chương trình ưu đãi thương mại,

THỂ HIỆN cam kết đầy đủ đối với việc thúc đẩy mọi khía cạnh của phát triển bền vững, bao gồm bảo vệ môi trường và hợp tác hiệu quả chống biến đổi khí hậu cũng như thúc đẩy và thực hiện hiệu quả các tiêu chuẩn lao động được quốc tế công nhận mà các Bên đã phê chuẩn,

NHẤN MẠNH tầm quan trọng của hợp tác về di cư,

KHẮNG ĐỊNH mong muốn đẩy mạnh hợp tác giữa các Bên dựa trên các giá trị chung và cùng có lợi, phù hợp với các hoạt động trong khuôn khổ khu vực,

GHI NHẬN rằng các điều khoản của Hiệp định này thuộc phạm vi Phần 3, Chương 5 của Hiệp ước về Chức năng hoạt động của Liên minh châu Âu ràng buộc Vương quốc Anh và Ai-len như là hai Bên tham gia riêng biệt, hay nói một cách khác, ràng buộc Vương quốc Anh và Ai-len như là một phần của

Liên minh châu Âu, phù hợp với Nghị định thư (Số 21) về chính sách của Vương quốc Anh và Ai-len trong lĩnh vực tự do, an ninh và tư pháp quy định trong Phụ lục kèm theo Hiệp ước về Liên minh châu Âu và Hiệp ước về Chức năng hoạt động của Liên minh châu Âu. Quy định trên được áp dụng tương tự với Đan Mạch, phù hợp với Nghị định thư (Số 22) đi kèm những Hiệp ước trên về chính sách của Đan Mạch,

ĐÃ THỎA THUẬN NHƯ SAU:

CHƯƠNG I TÍNH CHẤT VÀ PHẠM VI

Điều 1

Các nguyên tắc chung

1. Các Bên khẳng định cam kết đối với các nguyên tắc chung của luật pháp quốc tế như được quy định trong các mục đích và nguyên tắc của Hiến chương Liên hợp quốc (LHQ), được tái khẳng định trong Tuyên bố của Đại hội đồng LHQ ngày 24 tháng 10 năm 1970 về các Nguyên tắc của luật pháp quốc tế liên quan đến quan hệ hữu nghị và hợp tác giữa các Quốc gia phù hợp với Hiến chương LHQ và các điều ước quốc tế liên quan khác. Các nguyên tắc đó bao gồm, nhưng không giới hạn bởi, vấn đề pháp quyền và nguyên tắc tự nguyện thực hiện cam kết quốc tế với thiện chí (*pacta sunt servanda*); và đối với việc tôn trọng các nguyên tắc dân chủ và nhân quyền, như quy định trong Tuyên ngôn của Đại hội đồng LHQ về nhân quyền và những văn kiện quốc tế về nhân quyền có liên quan mà các Bên là thành viên, làm cơ sở cho các chính sách đối nội và đối ngoại của hai Bên và tạo thành một yếu tố thiết yếu của Hiệp định này.

2. Các Bên khẳng định cam kết tăng cường hợp tác nhằm đạt được một cách đầy đủ các mục tiêu phát triển được quốc tế công nhận, bao gồm các Mục tiêu Phát triển Thiên niên kỷ, phù hợp với các nghĩa vụ quốc tế chung và có hiệu lực đối với các Bên. Đây là một yếu tố thiết yếu của Hiệp định. Các Bên cũng khẳng định các cam kết của mình đối với Đồng thuận châu Âu về Phát triển năm 2005, Tuyên bố Pa-ri về Hiệu quả Viện trợ thông qua tại Diễn đàn Cấp cao về Hiệu quả Viện trợ năm 2005, Chương trình hành động Ác-ca-ra thỏa thuận tại Diễn đàn cấp cao lần thứ ba về hiệu quả viện trợ, và Tuyên bố Hà Nội về hiệu quả viện trợ năm 2006 nhằm nâng cao hơn nữa hiệu quả hợp tác phát triển, thúc đẩy tiến bộ về viện trợ không kèm điều kiện và có các cơ chế viện trợ để tiên đoán hơn.
3. Các Bên khẳng định cam kết thúc đẩy mọi khía cạnh của phát triển bền vững, hợp tác đối phó với các thách thức của biến đổi khí hậu và toàn cầu hóa, đồng thời đóng góp vào các mục tiêu phát triển được quốc tế công nhận, bao gồm các Mục tiêu Phát triển Thiên niên kỷ.
4. Các Bên nhất trí rằng việc thực hiện tất cả các hoạt động hợp tác theo Hiệp định này cần tính đến trình độ phát triển, nhu cầu và năng lực tương ứng của mỗi Bên.
5. Các Bên khẳng định rằng thương mại đóng vai trò quan trọng đối với phát triển và các chương trình ưu đãi thương mại giúp thúc đẩy phát triển tại các nước đang phát triển, trong đó có Việt Nam.
6. Các Bên nhất trí rằng việc hợp tác theo Hiệp định này phải phù hợp với pháp luật, các quy tắc và quy định của các Bên.

Điều 2

Các mục tiêu hợp tác

Với mục đích tăng cường quan hệ song phương, các Bên sẽ tiến hành đối thoại toàn diện và tăng cường hơn nữa hợp tác trên tất cả các lĩnh vực cùng quan tâm. Những nỗ lực của các Bên sẽ tập trung cụ thể vào việc:

- (a) củng cố hợp tác song phương và tại các diễn đàn và tổ chức khu vực và quốc tế liên quan;
- (b) Phát triển thương mại và đầu tư giữa các Bên vì lợi ích chung;
- (c) Thiết lập hợp tác trong tất cả các lĩnh vực liên quan tới thương mại và đầu tư cùng quan tâm, nhằm tạo thuận lợi cho các luồng thương mại và đầu tư bền vững, chống và loại bỏ các rào cản đối với thương mại và đầu tư một cách nhất quán và bổ sung cho các sáng kiến khu vực EU-ASEAN hiện tại và trong tương lai;
- (d) Tiến hành hợp tác phát triển hướng tới xóa nghèo, thúc đẩy phát triển bền vững, đối phó với các thách thức đang nổi lên như biến đổi khí hậu và bệnh truyền nhiễm, làm sâu sắc thêm cải cách kinh tế và hội nhập vào nền kinh tế thế giới;
- (e) Tiến hành hợp tác trong lĩnh vực tư pháp và an ninh, bao gồm hợp tác pháp quyền và pháp luật, bảo vệ dữ liệu, di cư, chống tội phạm có tổ chức, rửa tiền và chống ma túy bất hợp pháp;
- (f) Thúc đẩy hợp tác trong các lĩnh vực khác cùng quan tâm, bao gồm nhân quyền, chính sách kinh tế, dịch vụ tài chính, thuế, chính sách công nghiệp và doanh nghiệp vừa và nhỏ, công nghệ thông tin và truyền thông, khoa học và công nghệ, năng lượng, vận tải, qui hoạch và phát triển đô thị

và vùng, du lịch, giáo dục và đào tạo, văn hóa; biến đổi khí hậu; môi trường và tài nguyên thiên nhiên; nông nghiệp; lâm nghiệp; chăn nuôi gia súc, ngư nghiệp và phát triển nông thôn; y tế; thống kê; lao động, việc làm và các vấn đề xã hội; cải cách hành chính công; hội và các tổ chức phi chính phủ; ngăn ngừa và giảm nhẹ thiên tai; bình đẳng giới;

- (g) Tăng cường và khuyến khích sự tham gia của cả hai Bên vào các chương trình tiểu khu vực và khu vực cho phép sự tham gia của Bên kia;
- (h) Tiến hành hợp tác chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt và phương tiện phòng, chống buôn bán bất hợp pháp súng nhỏ và vũ khí nhẹ dưới mọi khía cạnh; giải quyết các hậu quả của chiến tranh;
- (i) Thiết lập hợp tác về chống khủng bố;
- (j) Nâng cao vai trò và hình ảnh của các Bên tại các khu vực của nhau qua nhiều hình thức, bao gồm trao đổi văn hóa, sử dụng công nghệ thông tin và giáo dục;
- (k) Thúc đẩy sự hiểu biết giữa người dân với người dân, thông qua, nhưng không giới hạn bởi sự hợp tác giữa các thực thể như các chuyên gia cố vấn, học giả, doanh nghiệp và giới truyền thông, qua các hình thức như hội thảo, hội nghị, giao lưu thanh niên và các hoạt động khác.

Điều 3

Hợp tác trong các tổ chức quốc tế và khu vực

1. Các Bên cam kết trao đổi quan điểm và hợp tác trên các diễn đàn và tổ chức khu vực và quốc tế, bao gồm LHQ và các cơ quan và tổ chức trực thuộc, đối thoại ASEAN-EU, Diễn đàn Khu vực ASEAN (ARF), Hội nghị Á-Âu (ASEM), và Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO).

2. Các Bên cũng nhất trí thúc đẩy hợp tác trong các lĩnh vực này giữa các chuyên gia cố vấn, giới học giả, các tổ chức phi chính phủ, giới doanh nghiệp và truyền thông, thông qua tổ chức các hội nghị, hội thảo và các hoạt động khác liên quan, với điều kiện sự hợp tác này được hai bên đồng thuận.

Điều 4

Hợp tác song phương và khu vực

1. Đối với mỗi lĩnh vực đối thoại và hợp tác trong Hiệp định này, bên cạnh việc quan tâm đúng mức tới các vấn đề trong khuôn khổ hợp tác song phương, các Bên nhất trí tiến hành các hoạt động liên quan ở cấp song phương hoặc khu vực hoặc kết hợp cả hai khuôn khổ. Khi lựa chọn khuôn khổ phù hợp, các Bên sẽ tìm cách tối đa hóa ảnh hưởng và tăng cường sự tham gia của tất cả các bên quan tâm, đồng thời tận dụng tối ưu các nguồn lực sẵn có, có tính đến tính khả thi về mặt chính trị và thể chế, và đảm bảo sự gắn kết với các hoạt động khác có sự tham gia của cả Liên minh và ASEAN. Sự hợp tác này có thể bao gồm việc hỗ trợ hội nhập và xây dựng cộng đồng của ASEAN, khi thích hợp.
2. Khi thích hợp, các Bên có thể quyết định mở rộng hỗ trợ tài chính cho các hoạt động hợp tác trong các lĩnh vực được nêu trong hoặc liên quan tới Hiệp định này, phù hợp với các thủ tục và nguồn lực tài chính của các Bên. Cụ thể, sự hợp tác này có thể hỗ trợ việc thực hiện những cải cách kinh tế xã hội của Việt Nam, và có thể bao gồm các biện pháp xây dựng năng lực như tổ chức các chương trình đào tạo, hội nghị và hội thảo, trao đổi chuyên gia, chia sẻ các nghiên cứu và các hoạt động khác mà các Bên nhất trí, phù hợp với các chiến lược viện trợ phát triển của nhà tài trợ.

CHƯƠNG II HỢP TÁC PHÁT TRIỂN

Điều 5

Nguyên tắc chung

1. Mục tiêu trọng tâm của hợp tác phát triển là đạt được các Mục tiêu phát triển Thiên niên kỷ, cũng như xóa nghèo, phát triển bền vững và hội nhập vào nền kinh tế thế giới. Các mục tiêu hợp tác phát triển phải tính đến các chiến lược và chương trình phát triển kinh tế - xã hội của Việt Nam. Các Bên thừa nhận rằng hợp tác phát triển giữa hai Bên là chìa khóa giúp giải quyết các thách thức phát triển của Việt Nam.
2. Các Bên nhất trí thúc đẩy các hoạt động hợp tác phù hợp với quy trình và nguồn lực tương ứng của mỗi Bên.

Điều 6

Mục đích hợp tác

Mục đích của chiến lược hợp tác phát triển giữa các Bên sẽ bao gồm, nhưng không bị giới hạn bởi:

- (a) Đạt được tăng trưởng kinh tế bền vững;

- (b) Thúc đẩy phát triển con người và xã hội;
- (c) Thúc đẩy cải cách và phát triển thể chế;
- (d) Thúc đẩy sự bền vững môi trường, khả năng tái tạo và các biện pháp thực tiễn tốt nhất cũng như việc bảo vệ các nguồn tài nguyên thiên nhiên;
- (e) Ngăn chặn và ứng phó với những hậu quả của biến đổi khí hậu;
- (f) Hỗ trợ các chính sách và công cụ nhằm hội nhập sâu hơn vào nền kinh tế và thương mại toàn cầu.

Điều 7

Hình thức hợp tác

1. Đối với mỗi lĩnh vực hợp tác trong Chương này, các Bên đồng ý thực hiện các hoạt động ở cấp độ song phương, khu vực hoặc kết hợp cả hai, kể cả thông qua hợp tác ba bên.
2. Các hình thức hợp tác giữa các Bên có thể bao gồm:
 - (a) Viện trợ phát triển và kỹ thuật cho các chương trình và dự án theo thỏa thuận của các Bên;
 - (b) Xây dựng năng lực thông qua các khóa đào tạo, tập huấn, hội thảo, trao đổi chuyên gia, nghiên cứu, và nghiên cứu chung giữa các Bên;
 - (c) Cân nhắc các hình thức hỗ trợ tài chính phát triển phù hợp khác;
 - (d) Trao đổi thông tin về thực tiễn tốt nhất về hiệu quả viện trợ.

CHƯƠNG III HÒA BÌNH VÀ AN NINH

Điều 8

Chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt và phương tiện phóng

1. Các Bên coi việc phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt và các phương tiện phóng, cho các quốc gia và chủ thể phi quốc gia, là một trong những mối đe dọa nghiêm trọng nhất đối với ổn định và an ninh quốc tế, đồng thời tái khẳng định quyền chính đáng của các Bên trong việc nghiên cứu, phát triển, sử dụng, buôn bán và chuyển giao công nghệ sinh học, hóa học và hạt nhân và các nguyên vật liệu liên quan vì mục đích hòa bình, phù hợp với các điều ước và công ước mà các Bên là thành viên. Vì vậy, các Bên nhất trí hợp tác và góp phần vào việc chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt và các phương tiện phóng, thông qua việc tuân thủ đầy đủ và thực thi ở cấp quốc gia các nghĩa vụ của các bên trong các hiệp định và hiệp ước quốc tế về giải trừ quân bị và chống phổ biến, cũng như các nghĩa vụ quốc tế có liên quan khác có thể áp dụng đối với các Bên. Các Bên nhất trí rằng quy định này là một yếu tố thiết yếu của Hiệp định.
2. Ngoài ra, các Bên đồng ý hợp tác và góp phần vào việc chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt và các phương tiện phóng thông qua việc:

- (a) Tiến hành các bước để ký kết, phê chuẩn, hoặc tham gia, khi thích hợp, tất cả các hiệp ước quốc tế và các hiệp định liên quan, và thực thi đầy đủ các nghĩa vụ của các bên;
 - (b) Thiết lập hệ thống kiểm soát xuất khẩu quốc gia hiệu quả, phù hợp với năng lực của mỗi Bên, nhằm kiểm soát việc xuất khẩu và quá cảnh các loại hàng hóa liên quan tới vũ khí hủy diệt hàng loạt, bao gồm việc kiểm soát các công nghệ có thể sử dụng với mục đích khác nhau cho mục đích sử dụng vũ khí hủy diệt hàng loạt với các biện pháp trừng phạt hiệu quả các vi phạm kiểm soát xuất khẩu theo Nghị quyết 1540 của Hội đồng bảo an LHQ mà không ảnh hưởng tới các hoạt động xuất, nhập khẩu và giao dịch tài chính thông thường và hợp pháp. Điều này có thể bao gồm việc cung cấp hỗ trợ, bao gồm cả xây dựng năng lực.
3. Các Bên nhất trí xây dựng đối thoại chính trị thường kỳ để bổ sung và củng cố các nội dung này.

Điều 9

Hợp tác chống buôn bán trái phép súng nhỏ và vũ khí nhẹ dưới mọi khía cạnh

1. Các Bên nhận thức rằng việc sản xuất, chuyển giao và lưu thông bất hợp pháp súng nhỏ và vũ khí nhẹ, dưới mọi khía cạnh, bao gồm việc tàng trữ quá mức và phổ biến không kiểm soát súng nhỏ và vũ khí nhẹ tiếp tục là một mối đe dọa nghiêm trọng đối với hòa bình và an ninh quốc tế, trong khi tái khẳng định các quyền chính đáng của các Bên trong việc sản xuất, nhập khẩu và sở hữu súng nhỏ và vũ khí nhẹ cho nhu cầu tự vệ và an ninh. Theo đó, các Bên nhắc lại các nội dung có liên quan nêu trong các Nghị quyết của Đại hội đồng LHQ số 64/50 và 64/51.
2. Các Bên nhất trí tuân thủ và thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ của mình để đối phó với việc buôn bán trái phép súng nhỏ và vũ khí nhẹ, dưới mọi khía cạnh, trong khuôn khổ

các hiệp định quốc tế mà các Bên tham gia và các Nghị quyết của Hội đồng bảo an LHQ cũng như các cam kết của các Bên trong khuôn khổ các văn kiện quốc tế có liên quan khác trong lĩnh vực này như Chương trình Hành động của LHQ về phòng chống và xóa bỏ buôn bán trái phép súng nhỏ và vũ khí nhẹ dưới mọi khía cạnh.

3. Các Bên cam kết thiết lập đối thoại, khi thích hợp, nhằm trao đổi quan điểm và thông tin và xây dựng hiểu biết chung về các vấn đề liên quan tới buôn bán trái phép súng nhỏ và vũ khí nhẹ, và tăng cường năng lực của các Bên trong việc phòng chống và xóa bỏ buôn bán trái phép súng nhỏ và vũ khí nhẹ.

Điều 10

Hợp tác chống khủng bố

Các Bên tái khẳng định tầm quan trọng của cuộc đấu tranh chống khủng bố trên cơ sở tôn trọng đầy đủ pháp luật, trong đó có Hiến chương LHQ, luật nhân quyền, luật tị nạn và luật nhân đạo quốc tế. Trong khuôn khổ này và phù hợp với Chiến lược Toàn cầu về Chống Khủng bố của LHQ, được nêu trong Nghị quyết số 60/288 của Đại hội đồng LHQ và trong Tuyên bố chung EU-ASEAN ngày 28 tháng 1 năm 2003 về hợp tác chống khủng bố, các Bên nhất trí tăng cường hợp tác trong việc ngăn ngừa và trấn áp khủng bố.

Các Bên sẽ thực hiện việc này cụ thể như sau:

- (a) Trong khuôn khổ thực thi đầy đủ Nghị quyết số 1373 của Hội đồng bảo an LHQ và các Nghị quyết khác có liên quan của LHQ, và tiến hành các bước để phê chuẩn và thực thi đầy đủ các công ước và văn kiện quốc tế về đấu tranh và ngăn ngừa khủng bố;
- (b) Thông qua việc thiết lập các cuộc tham vấn thường kỳ về hợp tác phòng chống khủng bố trong khuôn khổ Ủy ban hỗn hợp;

- (c) Thông qua việc trao đổi thông tin về các nhóm khủng bố và các mạng lưới hỗ trợ khủng bố phù hợp với luật pháp quốc tế và quốc gia, tùy thuộc vào các chương trình và biện pháp của các Bên, thông qua hỗ trợ xây dựng năng lực trong công tác phòng chống khủng bố;
- (d) Thông qua việc trao đổi quan điểm về các phương thức và biện pháp chống khủng bố và kích động các hành vi khủng bố, kể cả trong các lĩnh vực kỹ thuật và đào tạo, và qua trao đổi kinh nghiệm về ngăn ngừa khủng bố;
- (e) Thông qua hợp tác nhằm làm sâu sắc thêm sự đồng thuận quốc tế trong việc đấu tranh chống khủng bố và khuôn khổ pháp luật phòng chống khủng bố, và thông qua việc hợp tác nhằm đạt được thỏa thuận về Công ước toàn diện về khủng bố quốc tế trong thời gian sớm nhất để bổ sung cho những văn kiện hiện có của LHQ về chống khủng bố;
- (f) Thông qua việc thúc đẩy hợp tác giữa các Quốc gia Thành viên LHQ nhằm thực thi hiệu quả Chiến lược Toàn cầu về Chống Khủng bố của LHQ;
- (g) Thông qua việc trao đổi những thực tiễn tốt nhất trong lĩnh vực bảo vệ nhân quyền trong cuộc chiến chống khủng bố.

Điều 11

Hợp tác pháp luật

1. Các Bên nhất trí hợp tác về các vấn đề pháp luật, tăng cường pháp quyền và thể chế ở tất cả các cấp trong lĩnh vực quản lý tư pháp và thực thi pháp luật.
2. Các Bên nhất trí hợp tác tăng cường năng lực tư pháp và hệ thống pháp luật trong các lĩnh vực như luật dân sự, luật tố tụng dân sự, luật hình sự và luật tố tụng hình sự, cũng như tham gia trao đổi thông tin liên quan đến các hệ thống pháp luật và xây dựng pháp luật.

3. Các Bên nhất trí hợp tác trong lĩnh vực tư pháp hình sự quốc tế. Các Bên cho rằng các tội phạm nghiêm trọng nhất gây quan ngại đối với cộng đồng quốc tế không thể không bị trừng phạt và việc truy tố hiệu quả những tội ác này phải được đảm bảo bằng việc tiến hành các biện pháp liên quan ở cấp phù hợp.
4. Các Bên coi Tòa án Hình sự Quốc tế (ICC) là một thể chế độc lập và tiến bộ, hoạt động vì mục đích hòa bình và công lý quốc tế. Các Bên nhất trí hợp tác hướng tới tăng cường khuôn khổ pháp luật nhằm ngăn chặn và trừng phạt những tội ác nghiêm trọng nhất gây quan ngại đối với cộng đồng quốc tế và xem xét khả năng tôn trọng Quy chế Rô-ma. Các Bên nhất trí rằng đối thoại và hợp tác trong vấn đề này sẽ mang lại lợi ích.

CHƯƠNG IV HỢP TÁC VỀ CÁC VẤN ĐỀ THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ

Điều 12

Các nguyên tắc chung

1. Các Bên cam kết tham gia đối thoại về thương mại và các vấn đề liên quan đến thương mại song phương và đa phương nhằm tăng cường quan hệ thương mại song phương và phát triển hệ thống thương mại đa phương.
2. Các Bên cam kết thúc đẩy phát triển và đa dạng hóa trao đổi thương mại lên mức độ cao nhất có thể và vì lợi ích chung. Các Bên cam kết đạt được điều kiện tiếp cận thị trường thuận lợi hơn và dự báo được thông qua hợp tác hướng tới xóa bỏ các rào cản đối với thương mại, đặc biệt thông qua dỡ bỏ kịp thời các rào cản phi thuế quan và các hạn chế đối với thương mại, và bằng các biện pháp cải thiện tính minh bạch, có tính tới hoạt động của các tổ chức quốc tế trong lĩnh vực này mà các Bên là thành viên.
3. Thừa nhận thương mại có vai trò không thể thay thế đối với phát triển và các chương trình ưu đãi thương mại, kể cả Hệ thống ưu đãi thuế quan phổ cập (GSP), và đãi ngộ

đặc biệt và khác biệt như quy định tại WTO đã chứng tỏ lợi ích đối với các nước đang phát triển, các Bên nỗ lực tăng cường tham vấn nhằm thực hiện chúng một cách hiệu quả.

4. Các Bên cần tính tới trình độ phát triển tương ứng của nhau trong triển khai thực hiện Chương này.
5. Các Bên sẽ thông báo cho nhau về việc xây dựng các chính sách thương mại và liên quan đến thương mại, như chính sách nông nghiệp, chính sách an toàn thực phẩm, chính sách tiêu dùng và chính sách môi trường.
6. Các Bên khuyến khích đối thoại và hợp tác nhằm phát triển quan hệ thương mại và đầu tư, kể cả việc giải quyết các vấn đề thương mại và thực hiện các chương trình hỗ trợ kỹ thuật và xây dựng năng lực nhằm giải quyết các vấn đề thương mại, trong, nhưng không hạn chế ở, các lĩnh vực được đề cập tại Chương này.
7. Nhằm khai thác mọi tiềm năng và tận dụng tính bổ sung lẫn nhau về kinh tế, các Bên nỗ lực thăm dò và tạo ra nhiều hơn các cơ hội và giải pháp nhằm tăng cường quan hệ thương mại và đầu tư, kể cả việc đàm phán, khi thích hợp, hiệp định mậu dịch tự do và các hiệp định khác mà hai Bên cùng quan tâm.

Điều 13

Phát triển thương mại

1. Các Bên cam kết phát triển, đa dạng hóa và tăng cường thương mại giữa các Bên và nâng cao năng lực cạnh tranh của hàng hóa trên thị trường nội địa, khu vực và thế giới. Để đạt được mục tiêu này, hợp tác giữa các Bên sẽ đặc biệt tập trung vào xây dựng năng lực trong các lĩnh vực như chiến lược phát triển thương mại, tối ưu hóa tiềm năng thương mại, kể cả đối với các ưu đãi GSP, năng lực cạnh tranh, thúc đẩy chuyển giao công nghệ giữa các

doanh nghiệp, minh bạch hóa chính sách, pháp luật và quy định, thông tin thị trường, xây dựng thể chế cũng như mạng lưới kết nối khu vực.

2. Các Bên sẽ tận dụng tối đa chương trình Trợ giúp Thương mại và các chương trình hỗ trợ bổ sung khác nhằm mục đích tăng cường thương mại và đầu tư giữa các Bên.

Điều 14

Các vấn đề vệ sinh và kiểm dịch động, thực vật và quyền động vật

1. Các Bên tái khẳng định các quyền và nghĩa vụ hiện có theo Hiệp định WTO về các biện pháp vệ sinh kiểm dịch động – thực vật (SPS).
2. Các Bên sẽ tăng cường hợp tác và trao đổi thông tin về pháp luật, việc thực hiện, chứng nhận, các quy trình kiểm tra và giám sát SPS trong thương mại giữa các Bên trong khuôn khổ Hiệp định WTO về các biện pháp vệ sinh và kiểm dịch động – thực vật, Công ước quốc tế về Bảo vệ giống cây trồng (IPPC), Cơ quan kiểm dịch động vật quốc tế (OIE) và Quy chế an toàn thực phẩm CODEX.
3. Các Bên cũng nhất trí về hợp tác trong các vấn đề SPS và thúc đẩy hợp tác giữa các Bên trong lĩnh vực này thông qua xây dựng năng lực và hỗ trợ kỹ thuật, phù hợp với nhu cầu của mỗi Bên và hỗ trợ các Bên tuân thủ khuôn khổ pháp luật của nhau, bao gồm an toàn thực phẩm, sức khỏe động vật và cây trồng cũng như việc sử dụng các tiêu chuẩn quốc tế.
4. Các Bên nhất trí hợp tác về quyền động vật khi cần thiết, bao gồm hỗ trợ kỹ thuật và xây dựng năng lực nhằm phát triển các tiêu chuẩn về quyền động vật.
5. Các Bên sẽ chỉ định đầu mối liên lạc về các vấn đề theo Điều khoản này.

Điều 15

Hàng rào Kỹ thuật trong Thương mại

1. Các Bên thúc đẩy việc sử dụng các tiêu chuẩn quốc tế và hợp tác và trao đổi thông tin về các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và quy trình đánh giá sự phù hợp, đặc biệt là trong khuôn khổ Hiệp định WTO về Hàng rào Kỹ thuật trong Thương mại (TBT).
2. Các Bên nỗ lực trao đổi thông tin sớm khi đang xây dựng các quy định pháp luật mới trong lĩnh vực TBT. Theo đó, các Bên sẽ khuyến khích các biện pháp nhằm thu hẹp khoảng cách giữa các Bên trong lĩnh vực đánh giá sự phù hợp và tiêu chuẩn hóa, gia tăng sự tương đồng và tương thích giữa các hệ thống tương ứng của hai Bên trong lĩnh vực này. Các Bên nhất trí trao đổi quan điểm, tìm hiểu khả năng áp dụng chứng nhận của bên thứ ba nhằm thuận lợi hóa dòng chảy thương mại giữa hai Bên.
3. Hợp tác trong lĩnh vực TBT cần được tiến hành thông qua, nhưng không hạn chế bởi, hình thức đối thoại qua các kênh thích hợp, các dự án chung, các chương trình hỗ trợ kỹ thuật và xây dựng năng lực. Các Bên sẽ chỉ định, khi cần thiết, đầu mối liên lạc để trao đổi về các vấn đề theo Điều này.

Điều 16

Hợp tác về các vấn đề hải quan và thuận lợi hóa thương mại

1. Các Bên sẽ:
 - (a) Chia sẻ kinh nghiệm và thông lệ tốt nhất và xem xét khả năng đơn giản hóa thủ tục xuất nhập khẩu và các thủ tục hải quan khác;
 - (b) Bảo đảm minh bạch về các quy định hải quan và thuận lợi hóa thương mại;

- (c) Phát triển hợp tác về các vấn đề hải quan và các cơ chế hỗ trợ hành chính lẫn nhau hiệu quả;
- (d) Cố gắng thống nhất quan điểm và hành động chung trong khuôn khổ các sáng kiến quốc tế liên quan, trong đó có thuận lợi hóa thương mại.
2. Các Bên đặc biệt quan tâm đến, nhưng không chỉ giới hạn bởi, trong các lĩnh vực sau:
 - (a) Tăng cường nhân tố an ninh và an toàn của thương mại quốc tế;
 - (b) Bảo đảm việc thực thi có hiệu lực và hiệu quả hơn của hải quan về quyền sở hữu trí tuệ;
 - (c) Bảo đảm phương thức tiếp cận cân bằng giữa thuận lợi hóa thương mại và công tác đấu tranh chống gian lận thương mại và vi phạm.
3. Không ảnh hưởng tới các hình thức hợp tác khác được quy định trong Hiệp định này, các Bên thể hiện mối quan tâm của mình trong việc cân nhắc, trong tương lai, việc ký kết các Nghị định thư về hợp tác hải quan và hỗ trợ hành chính lẫn nhau, trong khuôn khổ thể chế được quy định tại Hiệp định này.
4. Các Bên sẽ nỗ lực huy động nguồn lực hỗ trợ kỹ thuật nhằm hỗ trợ việc thực hiện hợp tác về các vấn đề hải quan và về các quy định thuận lợi hóa thương mại theo Hiệp định này.

Điều 17

Đầu tư

Các Bên sẽ khuyến khích dòng đầu tư mạnh mẽ hơn thông qua phát triển môi trường đầu tư hấp dẫn và ổn định thông qua việc đối thoại thường xuyên để tăng cường hiểu biết và

hợp tác trong các vấn đề về đầu tư, tìm kiếm các cơ chế hành chính nhằm tạo thuận lợi cho các dòng đầu tư, và thúc đẩy các quy tắc ổn định, minh bạch và cởi mở và một sân chơi bình đẳng cho nhà đầu tư của các Bên.

Điều 18

Chính sách cạnh tranh

1. Các Bên sẽ duy trì các luật và cơ quan quản lý cạnh tranh. Các Bên sẽ áp dụng các luật này một cách hiệu quả, không phân biệt đối xử và minh bạch nhằm tăng cường tính ổn định pháp luật trong phạm vi lãnh thổ các Bên.
2. Để đạt được mục tiêu này, các Bên có thể tham gia xây dựng năng lực và các hoạt động hợp tác khác trong việc phát triển và thực thi pháp luật và quy định cạnh tranh tùy thuộc vào nguồn tài chính theo các chương trình và biện pháp hợp tác của các Bên.

Điều 19

Dịch vụ

Các Bên sẽ thành lập một cơ chế đối thoại thường kỳ, đặc biệt là để trao đổi thông tin về môi trường pháp luật của các Bên nhằm xác định các thực tiễn tốt nhất, thúc đẩy tiếp cận thị trường mỗi Bên, bao gồm thương mại điện tử, thúc đẩy tiếp cận các nguồn vốn và công nghệ và thúc đẩy thương mại dịch vụ giữa hai khu vực và tại thị trường của các nước thứ ba.

Điều 20

Bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ

1. Các Bên tái khẳng định tầm quan trọng của việc bảo hộ các quyền sở hữu trí tuệ và việc thực hiện đầy đủ các cam kết quốc tế về bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ nhằm bảo đảm sự bảo hộ đầy đủ và hiệu quả các quyền này phù

hợp với các tiêu chuẩn/hiệp định quốc tế liên quan, như Hiệp định về các khía cạnh liên quan đến thương mại của quyền sở hữu trí tuệ (TRIPS) và Công ước quốc tế về bảo hộ các giống cây trồng mới (UPOV), bao gồm các biện pháp thực thi hiệu quả.

2. Các Bên nhất trí tăng cường hợp tác về bảo hộ và thực thi sở hữu trí tuệ, bao gồm các biện pháp phù hợp nhằm tạo thuận lợi cho việc bảo hộ và đăng ký các chỉ dẫn địa lý của Bên kia trên lãnh thổ của mình, có tính đến các quy định, thực tiễn và các bước phát triển quốc tế trong lĩnh vực này cũng như năng lực của các Bên.
3. Việc hợp tác được tiến hành dưới hình thức do các Bên thỏa thuận, bao gồm trao đổi thông tin và kinh nghiệm về các vấn đề như thực hiện, thúc đẩy, phổ biến, hợp lý hóa, quản lý, hài hòa hóa, bảo hộ, thực thi và áp dụng có hiệu quả các quyền sở hữu trí tuệ, ngăn ngừa việc lạm dụng các quyền đó, đấu tranh chống giả mạo hàng hóa và sao chép lậu, bao gồm việc thành lập và củng cố các tổ chức kiểm soát và bảo vệ các quyền sở hữu trí tuệ.

Điều 21

Tăng cường tham gia của các chủ thể kinh tế

1. Các Bên khuyến khích và thúc đẩy hoạt động của Phòng Thương mại và Công nghiệp cũng như hợp tác giữa các hiệp hội nghề nghiệp của các Bên nhằm thúc đẩy thương mại và đầu tư trong các lĩnh vực các Bên cùng quan tâm.
2. Các Bên sẽ thúc đẩy đối thoại giữa các cơ quan quản lý và các chủ thể tư nhân để thảo luận những diễn biến gần đây trong môi trường thương mại và đầu tư, tìm hiểu nhu cầu phát triển của khu vực tư nhân và trao đổi quan điểm về các khung chính sách nhằm tăng cường năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp.

Điều 22

Tham vấn

Nhằm bảo đảm an ninh và khả năng dự báo trong quan hệ thương mại song phương, các Bên nhất trí nhanh chóng tiến hành tham vấn lẫn nhau trong thời gian sớm nhất sau khi có đề nghị của một Bên liên quan đến bất kỳ vấn đề khác biệt nào có thể nảy sinh trong các vấn đề thương mại hoặc liên quan tới thương mại theo Chương này.

CHƯƠNG V HỢP TÁC TRONG LĨNH VỰC TƯ PHÁP

Điều 23

Chống tội phạm có tổ chức

Các Bên nhất trí hợp tác chống tội phạm có tổ chức, tội phạm kinh tế và tài chính và tham nhũng. Sự hợp tác này đặc biệt nhằm thực thi và thúc đẩy các chuẩn mực và văn kiện quốc tế liên quan, như Công ước LHQ về chống Tội phạm có Tổ chức Xuyên quốc gia và các Nghị định thư bổ sung và Công ước của LHQ về chống Tham nhũng, nếu được áp dụng.

Điều 24

Hợp tác chống rửa tiền và tài trợ khủng bố

1. Các Bên nhất trí về sự cần thiết phải hướng tới và hợp tác ngăn chặn nguy cơ hệ thống tài chính của mình bị lạm dụng để rửa tiền thu được từ các hoạt động tội phạm nghiêm trọng, theo khuyến cáo của Nhóm Đặc trách Tài chính (FATF).
2. Hai Bên nhất trí thúc đẩy đào tạo và hỗ trợ kỹ thuật nhằm xây dựng và thực hiện các quy định và sự vận hành hiệu quả của các cơ chế chống rửa tiền và tài trợ khủng bố. Đặc biệt, sự hợp tác sẽ cho phép việc trao đổi các thông

tin liên quan giữa các cơ quan có thẩm quyền của các Bên trong khuôn khổ pháp luật của mỗi Bên, trên cơ sở các chuẩn mực phù hợp nhằm chống rửa tiền và tài trợ khủng bố tương đương với các chuẩn mực được các Bên và các cơ quan quốc tế hoạt động trong lĩnh vực này, như Nhóm Đặc trách Tài chính (FATF) áp dụng.

Điều 25

Hợp tác chống ma túy bất hợp pháp

1. Các Bên sẽ hợp tác nhằm đảm bảo một cách tiếp cận toàn diện và cân bằng thông qua các hành động và sự phối hợp hiệu quả giữa các cơ quan có thẩm quyền, bao gồm các cơ quan thực thi pháp luật, hải quan, y tế, tư pháp và nội vụ và các ngành liên quan khác, với mục tiêu làm giảm nguồn cung (bao gồm cả việc trồng bất hợp pháp cây thuốc phiện và sản xuất ma túy tổng hợp), việc buôn bán và nhu cầu đối với ma túy bất hợp pháp, cũng như những ảnh hưởng đối với những người sử dụng ma túy và toàn xã hội, và để kiểm soát hiệu quả hơn các tiền chất ma túy.
2. Các Bên sẽ thỏa thuận về các biện pháp hợp tác để đạt được những mục tiêu này. Các hoạt động cần dựa trên các nguyên tắc được nhất trí chung, phù hợp với các công ước quốc tế có liên quan mà các Bên là thành viên, Tuyên bố Chính trị, Tuyên bố về các nguyên tắc chủ đạo nhằm giảm cầu ma túy và các Biện pháp Tăng cường Hợp tác Quốc tế Chống lại Vấn nạn Ma túy Thế giới, được thông qua tại Phiên họp Đặc biệt lần thứ 20 của Đại hội đồng LHQ về Ma túy vào tháng 6 năm 1998 và Tuyên bố Chính trị và Kế hoạch Hành động được thông qua tại Kỳ họp thứ 52 của Ủy ban LHQ về Ma túy vào tháng 3 năm 2009.
3. Hợp tác giữa các Bên sẽ bao gồm hỗ trợ kỹ thuật và hành chính, đặc biệt trong các lĩnh vực sau: soạn thảo các chính sách và văn bản pháp luật quốc gia; thiết lập các

thể chế và các trung tâm theo dõi và thông tin quốc gia; đào tạo nhân sự; các nghiên cứu liên quan đến ma túy; các nỗ lực giảm cầu và tác hại từ ma túy; hợp tác tư pháp và cảnh sát, và kiểm soát hiệu quả các tiền chất ma túy vì nó liên quan đến việc sản xuất bất hợp pháp các loại ma túy gây nghiện và các chất hướng thần. Các Bên có thể thỏa thuận hợp tác trên các lĩnh vực khác.

Điều 26

Bảo vệ dữ liệu cá nhân

1. Các Bên nhất trí hợp tác nhằm nâng cao mức độ bảo vệ dữ liệu cá nhân lên các tiêu chuẩn quốc tế cao nhất, nếu thích hợp, ví dụ như các tiêu chuẩn được quy định bởi các văn kiện quốc tế được áp dụng với các Bên.
2. Hợp tác trong việc bảo vệ dữ liệu cá nhân có thể bao gồm, nhưng không giới hạn bởi, hỗ trợ kỹ thuật dưới hình thức trao đổi thông tin và chuyên môn.

CHƯƠNG VI

HỢP TÁC PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÀ CÁC LĨNH VỰC KHÁC

Điều 27

Hợp tác về di cư

1. Các Bên tái khẳng định tầm quan trọng của các nỗ lực chung nhằm quản lý các dòng di cư giữa lãnh thổ các Bên. Nhằm tăng cường hợp tác, các Bên sẽ thiết lập đối thoại toàn diện về tất cả các vấn đề liên quan tới di cư. Các mối quan tâm về di cư sẽ được đưa vào các chiến lược quốc gia về phát triển kinh tế - xã hội của nước gốc, nước trung chuyển và nước tiếp nhận người di cư.
2. Hợp tác giữa các Bên sẽ dựa trên đánh giá nhu cầu cụ thể được tiến hành thông qua tham vấn giữa các Bên và được thực hiện theo pháp luật hiện hành có liên quan của Liên minh và quốc gia. Hợp tác sẽ tập trung, không chỉ hạn chế vào:
 - (a) Giải quyết các nguyên nhân gốc rễ của vấn đề di cư;
 - (b) Tiến hành đối thoại toàn diện về di cư hợp pháp, hướng tới thiết lập các cơ chế thúc đẩy các cơ hội di cư hợp pháp, với sự nhất trí của hai Bên;
 - (c) Trao đổi kinh nghiệm và thực tiễn liên quan tới việc tôn trọng và thực thi các điều khoản của Công ước về Quy chế về Người Tị nạn, ký ngày 28 tháng 7 năm 1951, và Nghị định thư bổ sung, ký ngày 31 tháng 01 năm 1967, đặc biệt là các nguyên tắc “không đẩy trở lại” và “hồi hương tự nguyện”;
 - (d) Các quy tắc tiếp nhận, cũng như quyền và quy chế của những người được tiếp nhận, sự đối xử công bằng và quá trình hòa nhập của người không quốc tịch cư trú hợp pháp, giáo dục và đào tạo, các biện pháp chống chủ nghĩa phân biệt chủng tộc và bài ngoại;
 - (e) Xây dựng chính sách phòng chống hiệu quả đối với di cư bất hợp pháp, đưa người trái phép và buôn bán người, bao gồm các biện pháp chống lại các mạng lưới đưa người trái phép và buôn bán người và bảo vệ nạn nhân của các hành động đó;
 - (f) Việc hồi hương, trong các điều kiện nhân đạo và đảm bảo nhân phẩm của những người cư trú bất hợp pháp, kể cả việc khuyến khích họ hồi hương tự nguyện và việc nhận trở lại những người đó phù hợp với quy định tại khoản 3 của Điều này;
 - (g) Các vấn đề được xác định là mối quan tâm chung trong lĩnh vực thị thực và an ninh của giấy tờ đi lại;
 - (h) Các vấn đề được xác định là mối quan tâm chung trong lĩnh vực kiểm soát biên giới;
 - (i) Tăng cường năng lực kỹ thuật và nguồn lực con người.
3. Trong khuôn khổ hợp tác phòng ngừa và kiểm soát di cư bất hợp pháp và không gây phương hại tới nhu cầu bảo vệ nạn nhân của tệ buôn bán người, các Bên cũng nhất trí rằng:

(a) Khi quốc tịch Việt Nam của người sẽ được nhận trở lại được xác định bởi các cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam phù hợp với pháp luật quốc gia hoặc các hiệp định hiện hành liên quan, Việt Nam sẽ nhận trở lại công dân của mình có mặt bất hợp pháp trên lãnh thổ của Quốc gia Thành viên khi các cơ quan có thẩm quyền của Quốc gia Thành viên đó yêu cầu mà không gây ra sự chậm trễ không cần thiết;

(b) Khi quốc tịch của người sẽ được nhận trở lại được xác định bởi các cơ quan có thẩm quyền của Quốc gia Thành viên có liên quan phù hợp với pháp luật quốc gia hoặc các hiệp định hiện hành liên quan, mỗi Quốc gia Thành viên sẽ nhận trở lại công dân của mình có mặt bất hợp pháp trên lãnh thổ Việt Nam khi các cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam yêu cầu mà không gây ra sự chậm trễ không cần thiết.

Các Bên sẽ cấp cho công dân của mình các giấy tờ tùy thân phù hợp cho các mục đích này. Trong trường hợp người được nhận trở lại không có giấy tờ hoặc các bằng chứng khác xác định quốc tịch của mình, theo yêu cầu của Việt Nam hoặc Quốc gia Thành viên có liên quan, các cơ quan có thẩm quyền của Quốc gia Thành viên có liên quan hoặc Việt Nam sẽ thu xếp phỏng vấn người đó để xác định quốc tịch.

4. Phù hợp với pháp luật và thủ tục của mỗi Bên, các Bên sẽ tăng cường hợp tác trên các vấn đề liên quan tới nhận trở lại, theo yêu cầu của Bên này hay Bên kia, với sự nhất trí của hai Bên, nhằm tiến tới đàm phán một hiệp định giữa EU và Việt Nam về nhận trở lại công dân của mình.

Điều 28

Giáo dục và đào tạo

1. Các Bên nhất trí thúc đẩy hợp tác về giáo dục và đào tạo theo hướng tôn trọng sự đa dạng của các Bên nhằm tăng

cường hiểu biết chung và nhất trí nâng cao nhận thức về cơ hội giáo dục ở Việt Nam và EU.

2. Hơn nữa, các Bên sẽ chú trọng các biện pháp nhằm liên kết các cơ sở giáo dục bậc đại học và các cơ quan chuyên ngành và khuyến khích trao đổi thông tin, tri thức, sinh viên, chuyên gia và nguồn lực kỹ thuật, tận dụng hỗ trợ từ các chương trình của Liên minh ở Đông Nam Á trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo cũng như kinh nghiệm của các Bên trong lĩnh vực này.

3. Các Bên cũng nhất trí thúc đẩy việc triển khai các chương trình liên quan dành cho giáo dục bậc đại học như chương trình Erasmus Mundus và đào tạo phiên dịch hội nghị, khuyến khích các cơ sở giáo dục ở EU và Việt Nam hợp tác trong các chương trình cấp bằng chung và nghiên cứu chung nhằm thúc đẩy hợp tác và giao lưu học thuật.

4. Các Bên cũng đồng ý khởi động đối thoại về các vấn đề cùng quan tâm liên quan đến hiện đại hóa hệ thống giáo dục bậc đại học, đào tạo kỹ thuật và dạy nghề, đặc biệt là có thể bao gồm các biện pháp hỗ trợ kỹ thuật nhằm, nhưng không chỉ giới hạn bởi, việc cải thiện khung bằng cấp và đảm bảo chất lượng.

Điều 29

Y tế

1. Các Bên nhất trí hợp tác trong lĩnh vực y tế nhằm cải thiện điều kiện y tế và phúc lợi xã hội, đặc biệt là tăng cường hệ thống y tế, bao gồm chăm sóc sức khỏe và bảo hiểm y tế.

2. Hợp tác sẽ chủ yếu được thực hiện đối với:

(a) Các chương trình nhằm củng cố lĩnh vực y tế, bao gồm cải thiện hệ thống y tế, các dịch vụ và điều kiện y tế cũng như phúc lợi xã hội;

- (b) Các hoạt động chung liên quan tới dịch tễ học, bao gồm hợp tác ngăn ngừa sớm và kiểm soát các dịch bệnh như cúm gia cầm, đại dịch cúm và các dịch bệnh truyền nhiễm khác;
 - (c) Các hiệp định quốc tế về y tế, đặc biệt là Công ước khung về Kiểm soát thuốc lá và các Điều lệ y tế quốc tế;
 - (d) Các tiêu chuẩn an toàn thực phẩm, bao gồm mạng lưới kiểm soát nhập khẩu thực phẩm tự động, như được đề cập tại Điều 14;
 - (e) Trao đổi thông tin, kinh nghiệm về chính sách và quy định về dược phẩm và thiết bị y tế, như đã thỏa thuận giữa hai Bên;
 - (f) Ngăn ngừa và kiểm soát các bệnh không lây nhiễm thông qua trao đổi thông tin và các thực hành tốt, khuyến khích lối sống lành mạnh, giải quyết các yếu tố quyết định đối với sức khỏe cũng như giám sát và kiểm soát các bệnh này.
3. Các Bên thừa nhận tầm quan trọng của việc hiện đại hóa hơn nữa lĩnh vực y tế và nhất trí tăng cường xây dựng năng lực và hỗ trợ kỹ thuật trong lĩnh vực y tế.

Điều 30

Môi trường và tài nguyên thiên nhiên

- 1. Các Bên nhất trí rằng nhu cầu bảo tồn và quản lý một cách bền vững tài nguyên thiên nhiên và đa dạng sinh học là nền tảng của sự phát triển của các thể hệ hiện tại và tương lai.
- 2. Các Bên nhất trí rằng hợp tác trong lĩnh vực này sẽ thúc đẩy việc bảo tồn và cải thiện môi trường nhằm theo đuổi mục tiêu phát triển bền vững. Kết quả của Hội nghị Thượng đỉnh Thế giới về Phát triển bền vững sẽ được tính đến trong mọi hoạt động của các Bên theo Hiệp định này.

- 3. Các Bên nhất trí hợp tác nhằm tăng cường sự hỗ trợ lẫn nhau về chính sách môi trường và lồng ghép các mối quan tâm về môi trường vào mọi lĩnh vực hợp tác.
- 4. Các Bên cam kết tiếp tục và tăng cường hợp tác của mình, đặc biệt là trong các mặt sau:
 - (a) Thúc đẩy sự tham gia tích cực của các Bên trong việc thực thi các thỏa thuận đa phương về môi trường mà các bên là thành viên, bao gồm Công ước Ba-den, Công ước Xtốc-khôm và Công ước Rốt-téc-đam;
 - (b) Thúc đẩy nhận thức về môi trường và tăng cường sự tham gia của địa phương, bao gồm sự tham gia của các cộng đồng bản địa và địa phương trong việc bảo vệ môi trường và các nỗ lực phát triển bền vững;
 - (c) Thúc đẩy và triển khai các công nghệ, sản phẩm và dịch vụ môi trường, bao gồm cả việc sử dụng các công cụ chính sách và thị trường;
 - (d) Ngăn chặn sự chuyển dịch bất hợp pháp qua biên giới đối với các chất thải, bao gồm chất thải nguy hại và những chất hủy hoại tầng ôzôn;
 - (e) Cải thiện chất lượng không khí, phương thức xử lý rác thải thân thiện với môi trường, an toàn hóa chất, quản lý tài nguyên nước một cách toàn diện và bền vững, thúc đẩy hành vi tiêu dùng và sản xuất bền vững;
 - (f) Phát triển và bảo vệ rừng một cách bền vững, bao gồm thúc đẩy sự quản lý rừng bền vững, cấp chứng nhận rừng, các biện pháp chống khai thác gỗ trái phép và các hoạt động thương mại liên quan, và lồng ghép phát triển rừng vào quá trình phát triển cộng đồng địa phương;
 - (g) Quản lý hiệu quả các công viên quốc gia, công nhận và bảo tồn các khu vực đa dạng sinh học và hệ sinh thái

dễ bị tổn thương, có quan tâm thích đáng đến các cộng đồng địa phương và bản địa sống ở trong hay ở gần những khu vực này;

- (h) Bảo vệ và gìn giữ môi trường biển và duyên hải, thúc đẩy sự quản lý hiệu quả đối với các tài nguyên biển hướng tới sự phát triển bền vững;
 - (i) Bảo vệ đất, gìn giữ các chức năng của đất và quản lý đất bền vững;
 - (j) Tăng cường năng lực quản lý đất, sử dụng đất minh bạch và vận hành hiệu quả thị trường bất động sản dựa trên nguyên tắc Quản lý Đất Bền vững và quyền lợi công bằng đối với các bên liên quan, nhằm bảo đảm việc sử dụng và bảo vệ môi trường có hiệu quả vì sự phát triển bền vững.
5. Để đạt được các mục tiêu này, các Bên sẽ tăng cường hợp tác thông qua các khuôn khổ song phương và đa phương, kể cả các chương trình hỗ trợ kỹ thuật nhằm thúc đẩy phát triển, chuyển giao và sử dụng các công nghệ thân thiện với môi trường, cũng như các sáng kiến và thỏa thuận đối tác trên nguyên tắc cùng có lợi nhằm sớm đạt được các Mục tiêu Phát triển Thiên niên kỷ.

Điều 31

Hợp tác trong lĩnh vực biến đổi khí hậu

1. Các Bên nhất trí hợp tác đẩy mạnh cuộc chiến chống biến đổi khí hậu và tác động của nó đối với vấn đề suy thoái môi trường và nghèo đói, thúc đẩy các chính sách giúp giảm nhẹ hậu quả của biến đổi khí hậu và thích ứng với các tác động tiêu cực của biến đổi khí hậu, đặc biệt là nước biển dâng, và đưa nền kinh tế tăng trưởng bền vững và phát thải ít khí các-bon.

2. Các mục tiêu hợp tác bao gồm:

- (a) Chống biến đổi khí hậu, với mục tiêu chung là chuyển đổi sang các nền kinh tế các-bon thấp, an toàn, bền vững, thông qua các hành động giảm thiểu cụ thể phù hợp với các nguyên tắc của Công ước khung LHQ về biến đổi khí hậu (UNFCCC);
- (b) Cải thiện việc sử dụng năng lượng của các nền kinh tế bằng cách nâng cao hiệu suất sử dụng năng lượng, bảo tồn năng lượng, và sử dụng các loại năng lượng tái sinh bền vững và an toàn, và chuyển sang thời kỳ sử dụng năng lượng thân thiện với môi trường, góp phần đặt nền móng cho một cuộc cách mạng năng lượng xanh;
- (c) Thúc đẩy các mô hình Tiêu dùng và Sản xuất Bền vững (SCP) tại các nền kinh tế, góp phần vào việc giảm thiểu sức ép lên các hệ sinh thái, bao gồm đất và khí hậu;
- (d) Thích ứng với ảnh hưởng bất lợi và không thể tránh được của biến đổi khí hậu, bao gồm việc lồng ghép các biện pháp thích ứng vào chiến lược và kế hoạch phát triển và tăng trưởng của các Bên trong tất cả lĩnh vực và ở mọi cấp độ.

3. Nhằm đạt được những mục tiêu đề ra trong đoạn 2, các Bên sẽ:

- (a) Tăng cường đối thoại chính sách và hợp tác ở cấp kỹ thuật;
- (b) Thúc đẩy hợp tác trong các hoạt động Nghiên cứu và Phát triển (R&D) và công nghệ ít phát thải;
- (c) Đẩy mạnh hợp tác trong các hoạt động giảm nhẹ tác động của biến đổi khí hậu ở cấp quốc gia, kế hoạch tăng trưởng các-bon thấp, các chương trình quốc gia nhằm thích ứng với biến đổi khí hậu và giảm nguy cơ thảm họa;

- (d) Thúc đẩy xây dựng năng lực và tăng cường thể chế nhằm giải quyết các thách thức do biến đổi khí hậu gây ra;
- (e) Thúc đẩy nâng cao nhận thức, đặc biệt là cho những nhóm dân cư dễ bị tổn thương nhất và những người sống ở những khu vực dễ bị tổn thương, và tạo điều kiện thuận lợi cho sự tham gia của các cộng đồng địa phương vào quá trình ứng phó với biến đổi khí hậu.

Điều 32

Nông nghiệp, lâm nghiệp, chăn nuôi, ngư nghiệp và phát triển nông thôn

1. Các Bên nhất trí tăng cường hợp tác, thông qua tăng cường đối thoại và trao đổi kinh nghiệm, trong nông nghiệp, lâm nghiệp, chăn nuôi, ngư nghiệp và phát triển nông thôn, đặc biệt là trong những lĩnh vực sau:
 - (a) Chính sách nông nghiệp và triển vọng phát triển nông nghiệp quốc tế nói chung;
 - (b) Thuận lợi hóa thương mại giữa các Bên về cây trồng, vật nuôi và các sản phẩm, và phát triển thị trường và xúc tiến thương mại;
 - (c) Chính sách phát triển ở vùng nông thôn;
 - (d) Chính sách quản lý chất lượng đối với cây trồng, vật nuôi và thủy sản, và đặc biệt là sản xuất hữu cơ và các Chỉ dẫn Địa lý được Bảo hộ; tiếp thị các sản phẩm có chất lượng, đặc biệt là các sản phẩm hữu cơ và sản phẩm có chỉ dẫn địa lý (dán nhãn, chứng nhận và quản lý);
 - (e) Quyền động vật;
 - (f) Phát triển nền nông nghiệp bền vững, thân thiện với môi trường và chuyển giao công nghệ sinh học;

- (g) Hỗ trợ chính sách nuôi trồng và đánh bắt thủy hải sản lâu dài, bền vững và có trách nhiệm, bao gồm bảo tồn và quản lý tốt các tài nguyên biển và duyên hải;
 - (h) Thúc đẩy các nỗ lực ngăn ngừa và đấu tranh chống các hoạt động đánh cá trái phép, không báo cáo và không được quy định và các hoạt động khai thác gỗ và mua bán sản phẩm gỗ trái phép thông qua thực thi Luật bảo vệ, quản trị và buôn bán lâm sản (FLEGT) và Thỏa thuận đối tác tự nguyện (VPA);
 - (i) Nghiên cứu di truyền, chọn giống cây trồng và vật nuôi, bao gồm việc cải thiện giống chất lượng cao, và nghiên cứu về thức ăn và dinh dưỡng đối với động vật trên cạn và dưới nước;
 - (j) Giảm thiểu tác động tiêu cực của biến đổi khí hậu đối với sản xuất nông nghiệp và giảm nghèo ở các vùng sâu, vùng xa;
 - (k) Hỗ trợ và thúc đẩy quản lý rừng bền vững, bao gồm thích ứng với biến đổi khí hậu và giảm nhẹ các tác động tiêu cực.
2. Các Bên nhất trí xem xét khả năng trợ giúp kỹ thuật cho sản xuất cây trồng và vật nuôi, bao gồm, nhưng không chỉ giới hạn trong việc, cải thiện năng suất cây trồng và vật nuôi và chất lượng sản phẩm, và nhất trí xem xét các chương trình nâng cao năng lực hướng tới xây dựng năng lực quản lý trong lĩnh vực này.

Điều 33

Hợp tác về bình đẳng giới

1. Các Bên sẽ hợp tác nhằm tăng cường các chính sách và chương trình liên quan đến bình đẳng giới cũng như xây dựng năng lực hành chính và thể chế và hỗ trợ việc thực hiện các chiến lược quốc gia về bình đẳng giới bao gồm

quyền phụ nữ và việc trao quyền cho phụ nữ nhằm đảm bảo sự tham gia bình đẳng của nam giới và phụ nữ trong tất cả các lĩnh vực kinh tế, văn hoá, chính trị và đời sống xã hội. Đặc biệt, hợp tác sẽ tập trung vào nâng cao khả năng tiếp cận của phụ nữ đối với các nguồn lực cần thiết để thực hiện đầy đủ các quyền cơ bản của họ.

2. Các Bên sẽ thúc đẩy việc hình thành một khuôn khổ thích hợp để:
 - (a) Đảm bảo các vấn đề liên quan đến giới được lồng ghép thỏa đáng vào tất cả các chương trình, chính sách và chiến lược phát triển;
 - (b) Trao đổi kinh nghiệm và các mô hình thúc đẩy bình đẳng giới và thúc đẩy áp dụng các biện pháp tích cực có lợi cho phụ nữ.

Điều 34

Hợp tác giải quyết các hậu quả của chiến tranh

Các Bên ghi nhận tầm quan trọng của việc hợp tác rà phá bom, mìn và các vật liệu chưa nổ khác và tuân thủ các điều ước quốc tế mà các Bên là thành viên, có tính đến các điều ước quốc tế liên quan khác. Vì vậy, các Bên nhất trí hợp tác thông qua:

- (a) Chia sẻ kinh nghiệm và đối thoại, tăng cường năng lực quản lý và đào tạo chuyên gia, nhà nghiên cứu, và chuyên gia chuyên trách, bao gồm hỗ trợ xây dựng năng lực phù hợp với các thủ tục trong nước nhằm giải quyết các vấn đề nêu trên;
- (b) Thông tin và giáo dục về ngăn ngừa tai nạn gây ra do bom mìn, phục hồi chức năng và tái hòa nhập cộng đồng cho các nạn nhân của bom mìn.

Điều 35

Hợp tác về nhân quyền

1. Các Bên nhất trí hợp tác thúc đẩy và bảo vệ nhân quyền, bao gồm việc thực hiện các văn kiện quốc tế về nhân quyền mà các Bên là thành viên.

Hỗ trợ kỹ thuật sẽ được cung cấp để đạt được mục tiêu này.
2. Hợp tác có thể bao gồm:
 - (a) Thúc đẩy và giáo dục về nhân quyền;
 - (b) Tăng cường các thể chế liên quan đến nhân quyền;
 - (c) Tăng cường đối thoại nhân quyền hiện có;
 - (d) Tăng cường hợp tác trong các thể chế liên quan đến nhân quyền của LHQ.

Điều 36

Cải cách hành chính công

Dựa trên đánh giá nhu cầu cụ thể được thực hiện thông qua tham vấn chung, các Bên đồng ý hợp tác nhằm hướng tới tái cơ cấu và nâng cao tính hiệu quả của nền hành chính công, thông qua, nhưng không chỉ giới hạn bởi, việc:

- (a) Nâng cao hiệu quả tổ chức, bao gồm cả việc phân cấp;
- (b) Nâng cao tính hiệu quả của các thể chế trong cung cấp dịch vụ;
- (c) Cải thiện quản lý tài chính công và tính trách nhiệm phù hợp với pháp luật và quy định của Bên mình;
- (d) Hoàn thiện khuôn khổ pháp luật và thể chế;

- (e) Xây dựng năng lực trong việc hoạch định và triển khai chính sách (cung cấp dịch vụ công, phân bổ và thực thi ngân sách, chống tham nhũng);
- (f) Xây dựng năng lực cho các cơ chế và cơ quan thực thi pháp luật;
- (g) Cải cách dịch vụ công, cơ quan công ích và thủ tục hành chính;
- (h) Xây dựng năng lực cho hiện đại hóa nền hành chính công.

Điều 37

Hội và các tổ chức phi chính phủ

1. Các Bên công nhận vai trò và tiềm năng đóng góp của các hội và các tổ chức phi chính phủ, bao gồm các đối tác xã hội trong quá trình hợp tác theo Hiệp định này.
2. Phù hợp với các nguyên tắc dân chủ và các quy định pháp luật và hành chính của mỗi Bên, các hội có tổ chức và các tổ chức phi chính phủ có thể:
 - (a) Tham gia vào quá trình hoạch định chính sách;
 - (b) Được biết và tham gia vào việc tham vấn các chiến lược phát triển và hợp tác và các chính sách ngành, đặc biệt là trong các lĩnh vực liên quan tới họ, bao gồm tất cả các giai đoạn của tiến trình phát triển;
 - (c) Tiếp nhận các nguồn tài chính, trong giới hạn cho phép bởi quy định nội bộ của mỗi Bên, và hỗ trợ xây dựng năng lực trong các lĩnh vực trọng yếu;
 - (d) Tham gia vào việc triển khai các chương trình hợp tác trong các lĩnh vực liên quan tới họ.

Điều 38

Văn hóa

1. Các Bên nhất trí thúc đẩy hợp tác văn hóa nhiều mặt trên cơ sở tôn trọng sự đa dạng của mỗi Bên nhằm tăng cường sự hiểu biết lẫn nhau và kiến thức về nền văn hóa của các Bên.
2. Các Bên sẽ nỗ lực tiến hành các biện pháp phù hợp nhằm thúc đẩy trao đổi văn hóa và triển khai các sáng kiến chung trong nhiều lĩnh vực văn hóa khác nhau, bao gồm hợp tác bảo tồn di sản trên cơ sở tôn trọng sự đa dạng về văn hóa. Về vấn đề này, các Bên nhất trí tiếp tục hợp tác trong khuôn khổ Hội nghị Á-Âu (ASEM) hỗ trợ các hoạt động của Quỹ Á-Âu (ASEF). Để đạt được mục tiêu này, các Bên sẽ ủng hộ và thúc đẩy quan hệ đối tác lâu dài và các hoạt động hợp tác giữa các cơ quan văn hóa của các Bên.
3. Các Bên nhất trí tham khảo và hợp tác tại các diễn đàn quốc tế như UNESCO nhằm theo đuổi các mục tiêu chung và phát huy sự đa dạng về văn hóa và bảo vệ các di sản văn hóa. Về vấn đề này, các Bên nhất trí thúc đẩy việc phê chuẩn và tăng cường hợp tác triển khai Công ước UNESCO về Bảo vệ và Phát huy sự Đa dạng về Biểu đạt Văn hóa, được thông qua vào ngày 20 tháng 10 năm 2005, chú trọng đối thoại chính sách, lồng ghép văn hóa vào phát triển bền vững và giảm nghèo nhằm thúc đẩy sự hình thành nền văn hóa năng động thông qua việc phát triển các ngành công nghiệp văn hóa. Các Bên cần tiếp tục các nỗ lực khuyến khích các quốc gia khác phê chuẩn Công ước này.

Điều 39

Hợp tác khoa học và công nghệ

1. Các Bên nhất trí tăng cường hợp tác về khoa học và công nghệ trong các lĩnh vực có lợi ích chung, bao gồm công nghiệp, năng lượng, giao thông, môi trường, đặc biệt là

biến đổi khí hậu và quản lý tài nguyên thiên nhiên (như ngư nghiệp, lâm nghiệp và phát triển nông thôn), nông nghiệp và an ninh lương thực, công nghệ sinh học, sức khỏe con người và động vật, có tính đến chính sách và các chương trình hợp tác của mỗi Bên.

2. Mục đích hợp tác bao gồm, nhưng không chỉ giới hạn trong:

- (a) Khuyến khích trao đổi thông tin và bí quyết khoa học, công nghệ, bao gồm việc thực hiện các chính sách và chương trình;
- (b) Thúc đẩy quan hệ lâu dài và hợp tác nghiên cứu giữa các cộng đồng khoa học, trung tâm nghiên cứu, trường đại học và các ngành nghề;
- (c) Tăng cường đào tạo nguồn nhân lực về khoa học và công nghệ;
- (d) Đẩy mạnh ứng dụng nghiên cứu khoa học và công nghệ nhằm thúc đẩy phát triển bền vững và nâng cao chất lượng cuộc sống.

3. Hợp tác sẽ được thực hiện dưới các hình thức:

- (a) Các chương trình nghiên cứu và hợp tác phát triển chung;
- (b) Trao đổi thông tin, kiến thức, kinh nghiệm thông qua phối hợp tổ chức các hội nghị và hội thảo khoa học, tập huấn, hội nghị chuyên đề và hội thảo;
- (c) Đào tạo và trao đổi các nhà khoa học, nhà nghiên cứu trẻ thông qua các chương trình trao đổi và giao lưu quốc tế, hỗ trợ việc phổ biến rộng nhất các kết quả nghiên cứu, học tập và các thông lệ tốt nhất;
- (d) Các hình thức khác được các Bên đồng ý.

4. Trong việc hợp tác này, các Bên sẽ ưu tiên sự tham gia của các tổ chức giáo dục bậc đại học, các trung tâm nghiên cứu và các ngành sản xuất, đặc biệt là doanh nghiệp vừa và nhỏ. Các hoạt động hợp tác cần dựa trên nguyên tắc có đi có lại, đối xử công bằng và cùng có lợi, và bảo đảm bảo hộ thỏa đáng tài sản trí tuệ.

5. Các ưu tiên hợp tác cụ thể gồm, nhưng không giới hạn trong, các lĩnh vực sau:

- (a) Thúc đẩy và thuận lợi hóa việc tiếp cận cơ sở nghiên cứu được chỉ định nhằm trao đổi và đào tạo các nhà nghiên cứu;
- (b) Khuyến khích việc lồng ghép hoạt động nghiên cứu và phát triển vào các chương trình/dự án đầu tư và viện trợ phát triển chính thức.

6. Trong khả năng của mình, các Bên sẽ khuyến khích huy động các nguồn tài chính để hỗ trợ việc thực hiện các hoạt động hợp tác về khoa học và công nghệ trong khuôn khổ Hiệp định này.

7. Các Bên nhất trí nỗ lực tối đa để nâng cao nhận thức của công chúng về cơ hội do các chương trình hợp tác khoa học và công nghệ của các Bên mang lại.

Điều 40

Hợp tác về công nghệ thông tin và truyền thông

1. Nhận thức rằng công nghệ thông tin và truyền thông (ICT) là các yếu tố quan trọng của cuộc sống hiện đại và có tầm quan trọng sống còn đối với phát triển kinh tế và xã hội, các Bên đồng ý trao đổi quan điểm về các chính sách của mỗi Bên trong lĩnh vực này nhằm thúc đẩy phát triển kinh tế và xã hội.

2. Hợp tác trong lĩnh vực này sẽ tập trung vào, nhưng không giới hạn ở việc:

- (a) Thúc đẩy đối thoại về các khía cạnh khác nhau của phát triển ICT;
- (b) Xây dựng năng lực ICT trong đó có phát triển nguồn nhân lực;
- (c) Kết nối và tương thích hóa mạng lưới và dịch vụ của các Bên và của khu vực Đông Nam Á;
- (d) Chuẩn hóa và phổ biến công nghệ ICT mới;
- (e) Thúc đẩy hợp tác nghiên cứu và phát triển (R&D) giữa các Bên trong lĩnh vực ICT;
- (f) Các vấn đề/khía cạnh an ninh của ICT cũng như chống tội phạm mạng;
- (g) Đánh giá hợp chuẩn viễn thông, bao gồm các thiết bị vô tuyến;
- (h) Hợp tác và chia sẻ kinh nghiệm và những thực tiễn tốt nhất đối với việc giới thiệu công nghệ thông tin cho toàn xã hội và khu vực hành chính công;
- (i) Tạo thuận lợi cho sự hợp tác giữa các thể chế và cơ quan liên quan của các Bên trong các lĩnh vực nghe nhìn và truyền thông;
- (j) Khuyến khích hơn nữa sự hợp tác giữa các doanh nghiệp ICT của các Bên trong đó có chuyển giao công nghệ.

Điều 41

Giao thông vận tải

1. Các Bên nhất trí tăng cường hợp tác trong các lĩnh vực liên quan đến chính sách giao thông nhằm thúc đẩy và mở rộng cơ hội đầu tư, cải thiện lưu chuyển hành khách và hàng hóa, đẩy mạnh an toàn và an ninh đường biển và

hàng không, cụ thể là cứu hộ cứu nạn, chống cướp biển và tăng sự tương đồng về pháp luật, giảm thiểu tác động của giao thông đối với môi trường và nâng cao hiệu quả của các hệ thống giao thông vận tải của các Bên.

2. Hợp tác giữa các Bên trong lĩnh vực này sẽ nhằm thúc đẩy:
 - (a) Trao đổi thông tin về chính sách và các thực tiễn trong lĩnh vực giao thông của các Bên, đặc biệt là giao thông thành thị, nông thôn, đường thủy và hàng không, quy hoạch giao thông đô thị, hậu cần vận tải, phát triển giao thông công cộng và sự kết nối và liên vận của các mạng lưới giao thông đa phương thức;
 - (b) Trao đổi thông tin về Hệ thống vệ tinh định vị toàn cầu của châu Âu (Galileo) thông qua sử dụng các công cụ song phương phù hợp, với trọng tâm là các vấn đề phát triển quy định, ngành và thị trường cùng quan tâm;
 - (c) Các hành động chung trong lĩnh vực dịch vụ giao thông hàng không, thông qua, nhưng không giới hạn bởi, việc thực hiện các hiệp định hiện hành để xem xét khả năng phát triển hơn nữa quan hệ cũng như hợp tác về quy định và kỹ thuật trong các lĩnh vực như an toàn và an ninh hàng không, quản lý không lưu nhằm hỗ trợ quá trình đồng nhất quy định và dỡ bỏ các trở ngại đối với hoạt động kinh doanh. Trên cơ sở đó, các Bên sẽ nghiên cứu phạm vi tăng cường hợp tác có thể trong lĩnh vực hàng không dân dụng;
 - (d) Đối thoại về dịch vụ giao thông hàng hải với mục tiêu tiếp cận không hạn chế các thị trường hàng hải và thương mại quốc tế theo cơ chế thương mại, cam kết dỡ bỏ từng bước các chương trình bảo lưu hàng hóa hiện nay, không ban hành các điều luật về chia sẻ hàng hóa, trong phạm vi các dịch vụ giao thông hàng hải, kể cả các dịch vụ hỗ trợ, lập nên quy chế đối xử quốc gia và tối huệ quốc liên

quan đến mở cửa thị trường dịch vụ hỗ trợ và cảng biển cho các tàu mang quốc tịch hoặc do các công ty của Bên kia vận hành và các vấn đề liên quan đến dịch vụ giao thông đến tận nơi;

- (e) Thực thi các tiêu chuẩn an toàn, an ninh và phòng chống ô nhiễm, đặc biệt là các tiêu chuẩn liên quan tới giao thông hàng hải và hàng không, phù hợp với các công ước quốc tế liên quan, bao gồm hợp tác trong các diễn đàn quốc tế phù hợp nhằm bảo đảm thực thi hiệu quả hơn các quy định quốc tế. Để đạt được mục tiêu này, các Bên sẽ tăng cường hợp tác và hỗ trợ kỹ thuật về các vấn đề liên quan đến an toàn giao thông, bao gồm, nhưng không giới hạn bởi, công tác tìm kiếm cứu nạn, điều tra tổn thất và tai nạn.

Điều 42

Năng lượng

1. Các Bên nhất trí tăng cường hợp tác trong lĩnh vực năng lượng nhằm:
 - (a) Đa dạng hóa nguồn cung năng lượng nhằm cải thiện an ninh năng lượng, phát triển các loại năng lượng mới cải tiến và tái tạo được, bao gồm năng lượng sinh học và sinh khối bền vững phù hợp với điều kiện cụ thể của quốc gia, năng lượng gió, mặt trời, thủy điện, và hỗ trợ sự phát triển của các khuôn khổ chính sách phù hợp nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho đầu tư và tạo sân chơi bình đẳng cho năng lượng tái sinh và sự lồng ghép vào các lĩnh vực chính sách liên quan;
 - (b) Sử dụng năng lượng hiệu quả với hỗ trợ của cả nhà sản xuất và bên sử dụng thông qua nâng cao hiệu quả trong sản xuất năng lượng, giao thông, phân phối và tiêu thụ cuối cùng;

- (c) Đẩy mạnh chuyển giao công nghệ nhằm mục đích sản xuất và tiêu thụ năng lượng bền vững;
 - (d) Thúc đẩy xây dựng năng lực và thuận lợi hóa đầu tư trong lĩnh vực này trên cơ sở các quy định thương mại minh bạch và không phân biệt đối xử;
 - (e) Giải quyết mối quan hệ giữa khả năng tiếp cận dịch vụ năng lượng với chi phí hợp lý và phát triển bền vững.
2. Theo đó, các Bên nhất trí thúc đẩy liên lạc và phối hợp nghiên cứu chung cũng như tăng cường hỗ trợ kỹ thuật và các dự án xây dựng năng lực, thông qua các diễn đàn khu vực liên quan về sản xuất sạch và bảo vệ môi trường vì lợi ích chung của các Bên. Các Bên sẽ tìm hiểu khả năng hợp tác sâu hơn về an toàn và an ninh hạt nhân trong khuôn khổ các chương trình và chính sách pháp luật hiện hành.

Điều 43

Du lịch

1. Theo Quy tắc Đạo đức Toàn cầu về Du lịch của Tổ chức Du lịch thế giới, và theo các nguyên tắc bền vững trên cơ sở “tiến trình Chương trình nghị sự Quốc gia 21”, các Bên sẽ tăng cường trao đổi thông tin và xây dựng các thực tiễn tốt nhất nhằm bảo đảm sự phát triển bền vững và cân bằng của ngành du lịch.
2. Các Bên nhất trí tăng cường hợp tác để, không chỉ giới hạn bởi, các lĩnh vực sau:
 - (a) Bảo vệ và tối đa hóa tiềm năng của các di sản văn hóa và thiên nhiên;
 - (b) Giảm thiểu tác động tiêu cực của hoạt động du lịch;
 - (c) Tăng cường đóng góp tích cực của hoạt động kinh doanh du lịch đối với sự phát triển bền vững của cộng đồng địa

phương, bao gồm, nhưng không chỉ giới hạn bởi, phát triển du lịch sinh thái và văn hóa, đồng thời tôn trọng sự toàn vẹn và lợi ích của cộng đồng bản địa;

- (d) Hỗ trợ kỹ thuật và xây dựng năng lực, bao gồm các chương trình đào tạo dành cho các nhà hoạch định chính sách và quản lý du lịch;
- (e) Khuyến khích ngành du lịch, bao gồm các công ty lữ hành và đại lý du lịch của các Bên, phát triển hơn nữa hợp tác song phương, trong đó có hoạt động đào tạo.

Điều 44

Chính sách công nghiệp và hợp tác doanh nghiệp vừa và nhỏ

Các Bên, trên cơ sở có tính tới các mục tiêu và chính sách kinh tế của các Bên, nhất trí tăng cường hợp tác về chính sách công nghiệp trong tất cả các lĩnh vực được cho là thích hợp, nhằm nâng cao sức cạnh tranh của doanh nghiệp vừa và nhỏ, thông qua, nhưng không chỉ giới hạn bởi, các biện pháp sau:

- (a) Trao đổi thông tin và kinh nghiệm về xây dựng khung pháp luật và các điều kiện khác cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ nâng cao sức cạnh tranh;
- (b) Thúc đẩy tiếp xúc và trao đổi giữa các nhà điều hành kinh tế, khuyến khích đầu tư chung, thành lập các công ty liên doanh và mạng lưới thông tin, đặc biệt là thông qua các chương trình hợp tác hiện có của Liên minh, đặc biệt là khuyến khích chuyển giao công nghệ cứng và mềm giữa các đối tác, bao gồm công nghệ mới và hiện đại;
- (c) Cung cấp thông tin, khuyến khích sáng tạo và trao đổi thực tiễn tốt về tiếp cận thị trường và tài chính, bao gồm các dịch vụ kiểm toán và kế toán đặc biệt áp dụng cho doanh nghiệp nhỏ và vi mô;

(d) Thúc đẩy và hỗ trợ các hoạt động liên quan của khu vực tư nhân và hiệp hội doanh nghiệp của các Bên;

(e) Tăng cường trách nhiệm và nghĩa vụ xã hội của doanh nghiệp, khuyến khích các hoạt động kinh doanh có trách nhiệm, bao gồm sản xuất và tiêu dùng bền vững. Việc hợp tác này sẽ được hỗ trợ dựa trên quan điểm của người tiêu dùng như về thông tin sản phẩm và vai trò của người tiêu dùng đối với thị trường;

(f) Thực hiện các dự án hợp tác nghiên cứu chung, hỗ trợ kỹ thuật và hợp tác về các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và quy trình đánh giá sự phù hợp trong các ngành công nghiệp được lựa chọn như đã được thỏa thuận.

Điều 45

Đối thoại chính sách kinh tế

Các Bên nhất trí hợp tác thúc đẩy việc trao đổi thông tin về xu hướng và chính sách kinh tế của các Bên, chia sẻ kinh nghiệm với việc điều phối chính sách kinh tế trong bối cảnh hợp tác và hội nhập kinh tế khu vực thông qua các cơ chế song phương và đa phương hiện có trong các lĩnh vực cùng quan tâm, bao gồm việc chia sẻ thông tin về quá trình cải cách và cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước phù hợp với quy định và pháp luật của các Bên.

Điều 46

Hợp tác về thuế

1. Nhằm tăng cường và triển khai các hoạt động kinh tế có tính tới nhu cầu xây dựng khuôn khổ hành chính và quản lý nhà nước phù hợp, các Bên cam kết quản trị tốt trong lĩnh vực thuế và sẽ thực hiện các nguyên tắc minh bạch hóa và trao đổi thông tin trong khuôn khổ hiệp định thuế song phương giữa Việt Nam và Các quốc gia Thành viên. Các Bên cũng nhất trí tăng cường trao đổi kinh nghiệm,

đối thoại và hợp tác nhằm chống trốn thuế và các hành vi thuế có hại khác.

2. Các Bên nhất trí thúc đẩy hợp tác trong lĩnh vực thuế nhằm tăng cường năng lực quản lý và hành chính thông qua, nhưng không chỉ giới hạn bởi, các hình thức trao đổi kinh nghiệm và hỗ trợ kỹ thuật.
3. Các Bên sẽ khuyến khích thực thi hiệu quả các hiệp định thuế song phương giữa Việt Nam và Các nước Thành viên và ủng hộ việc cần nhắc có các hiệp định mới tương tự trong tương lai.

Điều 47

Hợp tác về dịch vụ tài chính

Các Bên nhất trí tổ chức đối thoại với mục đích chính là trao đổi thông tin và kinh nghiệm về môi trường quản lý của các Bên, và tăng cường hợp tác nhằm nâng cao hệ thống kế toán, kiểm toán, giám sát và quản lý hoạt động ngân hàng, bảo hiểm và các ngành tài chính khác, bao gồm cả các chương trình xây dựng năng lực trong các lĩnh vực mà các Bên cùng quan tâm.

Điều 48

Hợp tác về ngăn ngừa và giảm nhẹ thiên tai

1. Các Bên nhất trí hợp tác ngăn ngừa và ứng phó có hiệu quả các thiên tai nhằm giảm thiểu tổn thất về sinh mạng, tài sản, tài nguyên thiên nhiên, môi trường và di sản văn hóa và lồng ghép giảm thiểu rủi ro thiên tai vào tất cả các ngành và lĩnh vực can thiệp ở cấp quốc gia và địa phương.
2. Trên cơ sở đó, các Bên nhất trí :
 - (a) Chia sẻ thông tin về giám sát, đánh giá, dự báo và cảnh báo sớm về thiên tai;

- (b) Tăng cường năng lực thông qua chia sẻ kinh nghiệm, thực tiễn tốt nhất về ngăn ngừa và giảm nhẹ thiên tai;
- (c) Hỗ trợ lẫn nhau về kỹ thuật, các thiết bị chuyên dụng và nguyên liệu cần thiết để quản lý thiên tai và ứng phó khẩn cấp;
- (d) Tăng cường đối thoại giữa các cơ quan của các Bên chịu trách nhiệm về quản lý thiên tai và ứng phó khẩn cấp nhằm hỗ trợ và tăng cường hợp tác trong lĩnh vực này.

Điều 49

Phát triển và quy hoạch vùng và đô thị

1. Các Bên nhất trí thúc đẩy hợp tác và quan hệ đối tác trong lĩnh vực này với nhận thức về vai trò quan trọng của phát triển và quy hoạch vùng và đô thị trong quá trình tăng trưởng kinh tế, giảm nghèo và phát triển bền vững.
2. Hợp tác trong lĩnh vực phát triển và quy hoạch vùng và đô thị có thể được tiến hành dưới những hình thức sau:
 - (a) Trao đổi kinh nghiệm trong giải quyết các vấn đề liên quan đến phát triển và quy hoạch vùng và đô thị một cách bền vững, bao gồm:
 - Các chính sách về quy hoạch đô thị và cơ sở hạ tầng có liên quan, quy hoạch vùng và mở rộng đô thị, bảo tồn và phát triển các đô thị có giá trị lịch sử;
 - Xây dựng các mạng lưới đô thị với sự tham gia của các cơ quan quản lý trung ương và địa phương, bao gồm chính quyền thành phố, các hiệp hội và tổ chức phi chính phủ, các cơ quan, các nhà thầu và hiệp hội ngành nghề;
 - Quản lý kiến trúc, quy hoạch và mở rộng không gian đô thị thông qua việc sử dụng các công cụ Hệ thống Thông tin Địa lý (GIS);

- Quy hoạch và phát triển các trung tâm đô thị và cải tạo trung tâm thành phố và quy hoạch môi trường đô thị;
 - Quan hệ đô thị - nông thôn;
 - Phát triển cơ sở hạ tầng kỹ thuật đô thị, bao gồm việc cải tạo và nâng cấp hệ thống cấp nước đô thị, xây dựng hệ thống xử lý nước thải và chất thải rắn, bảo vệ môi trường và cảnh quan đô thị.
- (b) Hỗ trợ đào tạo và xây dựng năng lực cho các nhà quản lý cấp trung ương, vùng và địa phương trong việc quy hoạch vùng và đô thị, quản lý kiến trúc và các di sản kiến trúc;
- (c) Hợp tác trong khuôn khổ các tổ chức quốc tế liên quan như UN-HABITAT và Diễn đàn Đô thị Thế giới thông qua các chương trình nghiên cứu chung và tổ chức các cuộc hội thảo và hội nghị nhằm trao đổi thông tin và kinh nghiệm trong lĩnh vực phát triển và quy hoạch đô thị, bao gồm mở rộng đô thị, thiết kế đô thị, phát triển đất đai, phát triển cơ sở hạ tầng kỹ thuật.
3. Các bên nhất trí tăng cường hợp tác, chia sẻ kinh nghiệm và thông tin giữa các chính quyền vùng và đô thị trong việc giải quyết các vấn đề đô thị phức tạp nhằm thúc đẩy phát triển bền vững.

Điều 50

Lao động, việc làm và các vấn đề xã hội

1. Các Bên nhất trí tăng cường hợp tác trong lĩnh vực lao động, việc làm và các vấn đề xã hội, bao gồm hợp tác về lao động, sự gắn kết xã hội và khu vực, sức khỏe và an toàn tại nơi làm việc, bình đẳng giới, phát triển kỹ năng trọn đời, phát triển nguồn nhân lực, di cư quốc tế và việc làm bền vững, an sinh xã hội với mục đích củng cố khả năng cạnh tranh của toàn cầu hóa.

2. Các Bên tái khẳng định sự cần thiết hỗ trợ quá trình toàn cầu hóa có lợi cho tất cả mọi người và thúc đẩy việc làm đầy đủ và hiệu quả, việc làm bền vững như một nhân tố quan trọng đối với phát triển bền vững và giảm nghèo, như được thông qua tại Nghị quyết 60/1 của Đại hội đồng LHQ và Tuyên bố cấp Bộ trưởng tại Hội nghị Cấp cao của Hội đồng Kinh tế và Xã hội của LHQ tháng 7 năm 2006. Hợp tác giữa hai Bên cần phù hợp và tính đến đặc điểm riêng và bản chất đa dạng của tình hình kinh tế và xã hội của mỗi Bên.
3. Các Bên tái khẳng định cam kết tôn trọng, thúc đẩy và thực hiện các tiêu chuẩn lao động được quốc tế công nhận, như nêu trong các Công ước của Tổ chức Lao động Quốc tế (ILO) mà các Bên là thành viên được đề cập trong Tuyên bố của ILO về các Quyền và Nguyên tắc Cơ bản ở Nơi làm việc. Các Bên đồng ý hợp tác và hỗ trợ kỹ thuật nhằm thúc đẩy việc phê chuẩn các tiêu chuẩn lao động được quốc tế công nhận khi thích hợp và thực hiện có hiệu quả các tiêu chuẩn lao động mà các Bên đã phê chuẩn.
4. Phù hợp với pháp luật, điều kiện và thủ tục áp dụng ở nước chủ nhà và các điều ước quốc tế và công ước liên quan mà các Bên là thành viên, các Bên sẽ bảo đảm rằng công dân của Bên kia đang làm việc hợp pháp trên lãnh thổ của nước chủ nhà sẽ không bị phân biệt đối xử liên quan tới quốc tịch trong các vấn đề như điều kiện làm việc, thù lao, sa thải, so với các điều kiện dành cho công dân của nước thứ ba.
5. Các hình thức hợp tác có thể bao gồm các chương trình, dự án cụ thể, do các Bên nhất trí, cũng như xây dựng năng lực, trao đổi chính sách và các sáng kiến về các chủ đề quan tâm chung trong khuôn khổ song phương hoặc đa phương, như ASEM, EU – ASEAN và ILO.

Điều 51

Thống kê

1. Các Bên nhất trí thúc đẩy hợp tác trong việc hài hòa hóa và phát triển các phương pháp thống kê, bao gồm thu thập, xử lý, phân tích và phổ biến số liệu thống kê.
2. Để đạt được mục tiêu này, các Bên nhất trí tăng cường hợp tác, thông qua các diễn đàn khu vực và quốc tế, thông qua việc xây dựng năng lực và các dự án hỗ trợ kỹ thuật khác, bao gồm việc cung cấp phần mềm thống kê hiện đại nhằm tăng cường chất lượng thống kê.

CHƯƠNG VII KHUÔN KHỔ THỂ CHẾ

Điều 52

Ủy ban hỗn hợp

1. Các Bên nhất trí thành lập một Ủy ban hỗn hợp, với các thành viên là đại diện của hai Bên ở cấp cao nhất có thể với nhiệm vụ:
 - (a) Đảm bảo việc thực thi hiệu quả Hiệp định này;
 - (b) Xác định ưu tiên cho các mục tiêu của Hiệp định này;
 - (c) Giám sát sự phát triển của mối quan hệ toàn diện giữa các Bên và đưa ra các khuyến nghị nhằm thúc đẩy các mục tiêu của Hiệp định này;
 - (d) Khi cần thiết, yêu cầu các ủy ban hoặc các cơ quan khác được thành lập theo các thỏa thuận khác giữa các Bên cung cấp thông tin và xem xét các báo cáo do các cơ quan này đệ trình;
 - (e) Trao đổi ý kiến và đưa ra các khuyến nghị liên quan tới các vấn đề cùng quan tâm, bao gồm các hành động trong tương lai và các nguồn lực có thể huy động để thực hiện;

- (f) Giải quyết các khác biệt nảy sinh từ việc áp dụng và giải thích Hiệp định này;
 - (g) Xem xét mọi thông tin do một Bên đưa ra liên quan đến việc thực hiện các nghĩa vụ và tiến hành tham vấn với Bên kia để tìm kiếm một giải pháp chấp nhận được cho cả hai Bên phù hợp với Điều 57.
2. Ủy ban hỗn hợp thông thường sẽ họp thường niên luân phiên tại Hà Nội và Brúc-xen vào thời gian theo thỏa thuận giữa hai Bên. Các cuộc họp bất thường của Ủy ban hỗn hợp có thể được tiến hành theo thỏa thuận giữa các Bên. Mỗi Bên sẽ thay phiên nhau chủ trì Ủy ban hỗn hợp. Chương trình nghị sự của Ủy ban hỗn hợp sẽ được xác định theo sự thỏa thuận giữa các Bên.
 3. Ủy ban hỗn hợp sẽ thành lập các Tiểu ban và các nhóm công tác chuyên trách để hỗ trợ cho Ủy ban hỗn hợp thực thi các nhiệm vụ của mình. Các Tiểu ban và các nhóm làm việc đặc trách đó sẽ gửi các báo cáo chi tiết về các hoạt động của mình cho Ủy ban hỗn hợp tại mỗi cuộc họp của Ủy ban hỗn hợp.
 4. Các Bên thỏa thuận rằng Ủy ban hỗn hợp cũng sẽ chịu trách nhiệm đảm bảo việc thực hiện đầy đủ bất kỳ hiệp định hay nghị định thư hợp tác ngành đã hay sẽ được ký kết giữa các Bên.
 5. Ủy ban hỗn hợp sẽ thông qua quy định về thủ tục hoạt động của mình.

CHƯƠNG VIII CÁC ĐIỀU KHOẢN CUỐI CÙNG

Điều 53

Các nguồn lực hợp tác

1. Các Bên nhất trí cung cấp các nguồn lực thích hợp, bao gồm các nguồn lực tài chính, nếu quy định và nguồn lực của các Bên cho phép, nhằm đạt được các mục tiêu hợp tác nêu trong Hiệp định này.
2. Các Bên sẽ khuyến khích Ngân hàng Đầu tư châu Âu tiếp tục tiến hành các hoạt động của mình tại Việt Nam, phù hợp với các tiêu chí về tài chính và thủ tục của mình.

Điều 54

Điều khoản mở rộng Hiệp định

1. Các Bên có thể nhất trí mở rộng phạm vi áp dụng của Hiệp định này nhằm nâng cao mức độ hợp tác, bao gồm việc bổ sung Hiệp định bằng các thỏa thuận hoặc nghị định thư trong các lĩnh vực và hoạt động cụ thể. Các thỏa thuận cụ thể này sẽ là phần không tách rời của quan hệ song phương như được quy định trong Hiệp định này và là một phần trong khuôn khổ thể chế chung.

- Liên quan tới việc thực thi Hiệp định, mỗi Bên có thể đưa ra đề nghị của mình về việc mở rộng phạm vi hợp tác, trên cơ sở xem xét kinh nghiệm rút ra từ việc thực thi Hiệp định.

Điều 55

Các thỏa thuận khác

- Không gây phương hại tới các quy định liên quan của Hiệp ước về Liên minh châu Âu và Hiệp ước về Chức năng Hoạt động của Liên minh châu Âu, Hiệp định này cũng như các hoạt động triển khai theo Hiệp định này sẽ không ảnh hưởng đến quyền của các Quốc gia Thành viên trong việc thực hiện các hoạt động hợp tác song phương với Việt Nam hoặc ký kết, khi thích hợp, các hiệp định đối tác và hợp tác mới với Việt Nam.
- Hiệp định này sẽ không ảnh hưởng đến việc áp dụng hoặc thực hiện các cam kết của mỗi Bên với các bên thứ ba.
- Các hiệp định hiện có liên quan tới những lĩnh vực hợp tác cụ thể thuộc phạm vi điều chỉnh của Hiệp định này được coi như một phần của quan hệ song phương nói chung như được quy định trong Hiệp định này và tạo thành một phần của khuôn khổ thể chế chung.

Điều 56

Áp dụng và giải thích Hiệp định

- Mỗi Bên có thể đưa ra Ủy ban hỗn hợp nghiên cứu giải quyết bất kỳ sự khác biệt nào trong việc áp dụng hoặc giải thích Hiệp định này.
- Ủy ban hỗn hợp có thể giải quyết vấn đề này thông qua khuyến nghị của mình.

Điều 57

Thực hiện nghĩa vụ

- Các Bên có thể tiến hành các biện pháp chung hoặc cụ thể cần thiết để thực thi các nghĩa vụ của mình trong Hiệp định này và đảm bảo rằng các biện pháp đó phù hợp với các mục tiêu và mục đích của Hiệp định.
- Nếu một Bên cho rằng Bên kia không thực hiện nghĩa vụ theo Hiệp định thì có thể đưa ra các biện pháp thích hợp.
- Trước khi đưa ra các biện pháp thích hợp, trừ trường hợp Hiệp định bị vi phạm nghiêm trọng, Bên muốn áp dụng biện pháp sẽ cung cấp cho Ủy ban hỗn hợp tất cả các thông tin cần thiết cho việc đánh giá kỹ lưỡng tình hình nhằm tìm ra một giải pháp có thể chấp nhận được đối với các Bên.
- Các Bên nhất trí rằng vì mục đích giải thích đúng và áp dụng trên thực tiễn Hiệp định này, thuật ngữ “các biện pháp thích hợp” được nêu tại Điều 57 (2) có nghĩa là các biện pháp được thực hiện phù hợp với luật pháp quốc tế và tương xứng với mức độ không thực thi các nghĩa vụ theo Hiệp định này. Khi lựa chọn các biện pháp này, các biện pháp ảnh hưởng ít nhất đến việc thực hiện Hiệp định này sẽ được ưu tiên. Các biện pháp này sẽ được thông báo ngay lập tức cho Bên kia và sẽ được tham vấn trong khuôn khổ Ủy ban hỗn hợp nếu Bên kia yêu cầu.

Điều 58

Các phương tiện

Để tạo điều kiện cho hợp tác trong khuôn khổ Hiệp định này, hai Bên thỏa thuận sẽ cung cấp các phương tiện cần thiết cho các quan chức và chuyên gia tham gia vào việc triển khai hợp tác để họ có thể thực hiện các chức năng của mình, phù hợp với các quy tắc và quy định nội bộ của cả hai Bên.

Điều 59

Các tuyên bố

Các Tuyên bố kèm theo Hiệp định này là phần không tách rời của Hiệp định.

Điều 60

Lãnh thổ áp dụng

Hiệp định này được áp dụng trên lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, là một Bên, và trên lãnh thổ Bên kia là lãnh thổ mà Hiệp ước về Liên minh châu Âu được áp dụng theo những điều kiện được nêu trong Hiệp ước đó.

Điều 61

Định nghĩa các Bên

Vì mục đích của Hiệp định này, “các Bên” có nghĩa là nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, là một Bên, và Liên minh hoặc các Quốc gia Thành viên của Liên minh, hoặc Liên minh và các Quốc gia Thành viên, phù hợp với quyền hạn của mình, là Bên kia.

Điều 62

An ninh quốc gia và cung cấp thông tin

Không có quy định nào trong Hiệp định này yêu cầu bất kỳ Bên nào phải cung cấp thông tin mà Bên đó cho rằng việc cung cấp thông tin đó trái với lợi ích an ninh thiết yếu của mình.

Điều 63

Hiệu lực và thời hạn

1. Hiệp định có hiệu lực kể từ ngày đầu tiên của tháng kế tiếp, sau ngày mà Bên cuối cùng thông báo cho Bên kia việc hoàn tất các thủ tục pháp luật cần thiết để Hiệp định có hiệu lực.

2. Hiệp định này có giá trị trong thời hạn 5 năm. Hiệp định này sẽ được mặc nhiên gia hạn từng năm một, trừ khi một Bên thông báo cho Bên kia bằng văn bản về ý định chấm dứt hiệu lực của Hiệp định 6 tháng trước khi kết thúc thời hạn 1 năm gia hạn đó.
3. Bất kỳ việc sửa đổi nào của Hiệp định này cũng phải được sự nhất trí của các Bên. Sửa đổi đó chỉ có hiệu lực sau khi Bên cuối cùng thông báo cho Bên kia việc đã hoàn tất mọi thủ tục cần thiết.
4. Mỗi Bên có thể chấm dứt hiệu lực Hiệp định này bằng cách gửi văn bản thông báo cho Bên kia về ý định muốn chấm dứt Hiệp định. Việc chấm dứt Hiệp định sẽ có hiệu lực 6 tháng sau khi Bên kia nhận được văn bản thông báo.

Điều 64

Thông báo

Các thông báo theo quy định tại Điều 63 sẽ được chuyển tới Bộ Ngoại giao Việt Nam và Ban Tổng Thư ký Hội đồng Liên minh châu Âu.

Điều 65

Ngôn ngữ Hiệp định

Hiệp định này được làm bằng tiếng Việt, Bun-ga-ri, Séc, Đan Mạch, Hà Lan, Anh, E-xtô-ni-a, Phần Lan, Pháp, Đức, Hy Lạp, Hung-ga-ri, I-ta-li-a, Lát-vi-a, Lít-va, Man-ta, Ba Lan, Bồ Đào Nha, Ru-ma-ni, Xlô-va-ki-a, Xlô-ve-ni-a, Tây Ban Nha và Thụy Điển; các văn bản này đều có giá trị pháp lý như nhau.

PHỤ LỤC

TUYÊN BỐ CHUNG VỀ QUY CHẾ KINH TẾ THỊ TRƯỜNG

Các bên sẽ tăng cường hợp tác hướng tới sớm công nhận quy chế kinh tế thị trường của Việt Nam trong thời gian sớm nhất, tùy theo các thủ tục liên quan

TUYÊN BỐ ĐƠN PHƯƠNG CỦA LIÊN MINH CHÂU ÂU VỀ HỆ THỐNG ƯU ĐÃI PHỔ CẬP (GSP)

Liên minh châu Âu thừa nhận tầm quan trọng của GSP đối với phát triển thương mại và sẽ hợp tác hơn nữa thông qua các hoạt động như, nhưng không chỉ giới hạn bởi, đối thoại, trao đổi và xây dựng năng lực nhằm giúp Việt Nam tận dụng tối đa Hệ thống ưu đãi phổ cập phù hợp với thủ tục liên quan của các Bên và tiến triển trong chính sách thương mại của EU.

TUYÊN BỐ CHUNG VỀ ĐIỀU 24 (HỢP TÁC CHỐNG RỬA TIỀN VÀ TÀI TRỢ KHỦNG BỐ)

Các bên nhất trí rằng Ủy ban hỗn hợp sẽ lập danh sách các cơ quan có thẩm quyền chịu trách nhiệm trao đổi các thông tin liên quan theo quy định của Điều này.

TUYÊN BỐ CHUNG VỀ ĐIỀU 57 (THỰC THI NGHĨA VỤ)

Để giải thích đúng và áp dụng Hiệp định này trong thực tế, các Bên nhất trí rằng, thuật ngữ “vi phạm nghiêm trọng Hiệp

định” tại Điều 57(3), phù hợp với Điều 60 (3) của Công ước Viên về Luật Điều ước quốc tế năm 1969 (Công ước Viên) bao gồm:

- (a) Việc không thực hiện Hiệp định mà không có quy định chế tài trong Công ước Viên; hoặc
- (b) Vi phạm yếu tố thiết yếu của Hiệp định, như được nêu tại Điều 1(1) và (2) và Điều 8.

Trong trường hợp vi phạm nghiêm trọng Hiệp định, biện pháp chế tài sẽ được thông báo ngay lập tức cho Bên liên quan. Theo yêu cầu của Bên liên quan, Ủy ban hỗn hợp sẽ tiến hành tham vấn khẩn cấp trong thời gian tối đa là 30 ngày để xem xét kỹ lưỡng các khía cạnh, hoặc cơ sở, của biện pháp chế tài với mục đích tìm ra giải pháp chấp nhận được cho các Bên.

QUAN HỆ VIỆT NAM - LIÊN MINH CHÂU ÂU

Tổng quan

1990: Việt Nam và Cộng đồng Châu Âu chính thức thiết lập quan hệ ngoại giao.

1992: Việt Nam và Cộng đồng Châu Âu ký Hiệp định dệt may.

1995: Việt Nam và Cộng đồng Châu Âu ký Hiệp định Khung Hợp tác Việt Nam - EC.

1996: Ủy ban Châu Âu thành lập Phái đoàn Đại diện thường trực tại Việt Nam.

1997: Việt Nam tham gia Hiệp định hợp tác ASEAN - EU.

2003: Việt Nam và EU chính thức tiến hành đối thoại nhân quyền.

2004: Hội nghị Cấp cao Việt Nam - EU lần thứ I tại Hà Nội.

2005: Việt Nam thông qua Đề án tổng thể và Chương trình hành động đến 2010 và định hướng tới 2015 về quan hệ Việt Nam - EU.

2008: Việt Nam và EU bắt đầu khởi động tiến trình đàm phán PCA.

2010: Ký tắt Hiệp định PCA Việt Nam - EU.

2012: Ký chính thức Hiệp định PCA Việt Nam - EU và tuyên bố khởi động đàm phán Hiệp định FTA Việt Nam - EU.

Kể từ khi chính thức thiết lập quan hệ ngoại giao đến nay, quan hệ hai bên đã đi vào khuôn khổ, phát triển nhanh chóng cả về chiều rộng và chiều sâu. EU trở thành một trong các đối tác quan trọng hàng đầu của Việt Nam trên nhiều lĩnh vực, đặc biệt là kinh tế, thương mại, đầu tư, đóng góp tích cực vào quá trình phát triển kinh tế - xã hội và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam.

Hiệp định Đối tác và Hợp tác toàn diện (PCA) giữa Việt Nam và EU:

Quan hệ Việt Nam - EU phát triển nhanh chóng cả về bề rộng lẫn chiều sâu đặt ra yêu cầu xây dựng một khuôn khổ hợp tác mới, phản ánh được mối quan hệ đối tác đang phát triển mạnh mẽ và xây dựng khuôn khổ pháp lý mới thay thế cho Hiệp định khung Việt Nam - EC năm 1995.

Sau 9 vòng đàm phán (từ 6/2008 đến 10/2010), ngày 4/10/2010, Hiệp định PCA đã được ký tắt bên lề Hội nghị ASEM-8 tại Bỉ trước sự chứng kiến của Thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng và Chủ tịch EC Barroso.

Ngày 27/6/2012, Bộ trưởng Ngoại giao Phạm Bình Minh và Đại diện cấp cao của EU về chính sách đối ngoại và an ninh đã cùng ký chính thức Hiệp định PCA tại Brussels, Bỉ.

PCA giữa Việt Nam và EU đánh dấu một mốc mới trong quan hệ hợp tác hai bên, thể hiện những bước phát triển to lớn, sâu rộng của quan hệ Việt Nam - EU trong 20 năm qua, đồng thời

tạo cơ sở pháp lý đưa quan hệ hợp tác Việt Nam –EU bước sang một giai đoạn mới với phạm vi rộng lớn và mức độ hợp tác sâu sắc hơn.

I. Chính trị:

1.1. Tiếp xúc và trao đổi đoàn cấp cao:

Về phía Việt Nam:

7/1993: Thủ tướng Chính phủ Võ Văn Kiệt thăm Ủy ban Châu Âu (EC).

2/1995: Chủ tịch Quốc hội Nông Đức Mạnh thăm Nghị viện Châu Âu (EP).

1/1996: Phó Thủ tướng Trần Đức Lương thăm Ủy ban Châu Âu (EC).

4/1998: Thủ tướng Phan Văn Khải thăm Ủy ban Châu Âu (EC).

9/2002: Thủ tướng Phan Văn Khải thăm Ủy ban Châu Âu (EC).

3/2004: Tổng Bí thư Nông Đức Mạnh thăm Ủy ban Châu Âu (EC).

3/2005: Chủ tịch Quốc hội Nguyễn Văn An thăm Nghị viện Châu Âu (EP).

9/2006: Thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng thăm làm việc Ủy ban Châu Âu (EC).

4/2010: Thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng gặp Chủ tịch Hội đồng Châu Âu bên lề Hội nghị Thượng đỉnh an ninh hạt nhân tại Washington, Mỹ.

10/2010: Thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng thăm Ủy ban Châu Âu (EC).

7/2010: Phó Chủ tịch Quốc hội Tòng Thị Phóng thăm Nghị viện Châu Âu (EP).

6/2011: Phó Thủ tướng, Bộ trưởng Ngoại giao Phạm Gia Khiêm gặp Đại diện cấp cao EU về chính sách đối ngoại và an ninh Catherine Ashton bên lề Hội nghị FMM 10 tại Hung-ga-ri.

12/2011: Chủ tịch Quốc hội Nguyễn Sinh Hùng thăm Nghị viện Châu Âu (EP).

3/2012: Thủ tướng Chính phủ Nguyễn Tấn Dũng gặp Chủ tịch Hội đồng Châu Âu Herman Van Rompuy và Chủ tịch EC Barroso bên lề Hội nghị Thượng đỉnh an ninh hạt nhân tại Seoul, Hàn Quốc.

4/2012: Bộ trưởng Ngoại giao Phạm Bình Minh gặp Đại diện cấp cao của EU về chính sách đối ngoại và an ninh Catherine Ashton bên lề Hội nghị AEMM-19 tại Brunei.

6/2012: Bộ trưởng Phạm Bình Minh thăm EU và ký chính thức Hiệp định PCA Việt Nam – EU. Ủy viên Thương mại EC Karel De Gucht và Bộ trưởng Bộ Công thương Vũ Huy Hoàng đã chính thức khởi động đàm phán hiệp định tự do thương mại song phương (FTA) giữa Việt Nam và EU tại Brussels.

Về phía EU:

7/1994: Ủy viên EC phụ trách đối ngoại Hans Van Den Broek thăm Việt Nam.

9/1995: Phó Chủ tịch EC Manuel Marin thăm Việt Nam.

1/2004: Ủy viên EC phụ trách An toàn thực phẩm, Y tế công cộng và Bảo vệ người tiêu dùng David Byrne thăm Việt Nam.

7/2004: Đặc phái viên của EU phụ trách về vấn đề ASEM Hans Van Den Broek làm việc với Việt Nam.

10/2004: Chủ tịch EC Romano Prodi và Ủy viên thương mại EC Pascal Lamy làm việc tại Việt Nam.

4/2005: Ủy viên thương mại EC Peter Mandelson làm việc với Việt Nam.

10/2005: Tổng Vụ trưởng đối ngoại EC Eneko Landaburu thăm Việt Nam.

11/2005: Ủy viên EC phụ trách An toàn thực phẩm, Y tế công cộng và Bảo vệ người tiêu dùng M. Kyrianiou thăm Việt Nam.

4/2006: Ủy viên đối ngoại EC Benita Ferrero-Waldner thăm Việt Nam.

5/2006: Chủ tịch Ủy ban tự do dân sự, tư pháp và nội vụ kiêm Chủ tịch Phái đoàn EP quan hệ với Đông Nam Á và ASEAN ông Harmut Nassauer thăm Việt Nam.

11/2007: Chủ tịch EC José Manuel Barroso thăm chính thức Việt Nam (chuyến thăm chính thức đầu tiên của Chủ tịch EC kể từ khi hai bên thiết lập quan hệ ngoại giao).

5/2009: Ủy viên đối ngoại EC Benita Ferrero-Waldner hội kiến Thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng.

2/2010: Ủy viên thương mại EC Karel de Gucht thăm làm việc Việt Nam.

3/2010: Đoàn các Nghị sỹ EP thăm Việt Nam.

2/2012: Tổng giám đốc điều hành Cơ quan đối ngoại EU thăm Việt Nam và tiến hành tham vấn chính trị cấp Thứ trưởng ngoại giao lần đầu tiên với Việt Nam.

3/2012: Ủy viên EC phụ trách hợp tác phát triển Andris Piebalgs thăm làm việc tại Việt Nam.

10/2012: Chủ tịch Hội đồng Châu Âu Herman Van Rompuy thăm chính thức Việt Nam.

1.2. Cơ chế đối thoại, hợp tác:

Ủy ban Hỗn hợp Việt Nam – EC (UBHH) (theo Hiệp định khung 1995): Cơ cấu tổ chức UBHH bao gồm:

- Tổ công tác Việt Nam – EC về Thương mại và đầu tư.
- Tổ công tác Việt Nam – EC về Hợp tác phát triển.
- Tiểu ban Việt Nam – EC về xây dựng Thể chế, Cải cách Hành chính, Quản trị và Nhân quyền
- Tiểu ban Việt Nam – EC về Khoa học và Công nghệ.

1.3. Hợp tác trong các diễn đàn đa phương và khu vực

Ngoài ra, Việt Nam và EU cũng hợp tác tại các diễn đàn đa phương và tổ chức quốc tế, đặc biệt là trong khuôn khổ hợp tác ASEAN – EU, ASEM và Liên hợp quốc. Hai bên cũng hợp tác với nhau trong việc giải quyết các vấn đề toàn cầu như biến đổi khí hậu, phát triển bền vững, an ninh năng lượng, chống khủng bố, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt, di cư bất hợp pháp...

II. Hợp tác kinh tế:

EU hiện là một trong những đối tác đầu tư và thương mại hàng đầu của Việt Nam với kim ngạch thương mại hai chiều ngày càng tăng. Về đầu tư, hầu hết các nước thành viên và các tập đoàn lớn của EU đã đầu tư vào Việt Nam.

Thương mại là trụ cột quan trọng trong quan hệ Việt Nam – EU. Trong giai đoạn 2000 - 2010, kim ngạch thương mại hai chiều đã tăng 4,3 lần từ mức 4,1 tỷ USD năm 2000 lên 17,75 tỷ USD năm 2010¹, năm 2011 đạt 24,29 tỷ USD, tăng 36,88% so

1 Chỉ tính riêng năm 2006, kim ngạch xuất nhập khẩu giữa ta và EU đã đạt khoảng 10,2 tỷ USD gấp 51 lần tổng kim ngạch năm 1990, gấp 7,39 lần tổng kim ngạch năm 1995.

với năm 2010; trong đó xuất khẩu của Việt Nam vào EU đạt 16,55 tỷ USD, tăng 45,32%, nhập khẩu của Việt Nam từ EU đạt 7,75 tỷ USD, tăng 21,79% so với năm 2010. Thương mại hai chiều 7 tháng đầu năm 2012 đạt 15,47 tỷ tăng 20,39% so với cùng kỳ năm ngoái. Trong đó, xuất khẩu của Việt Nam sang EU đạt 10,91 tỷ USD, tăng 23,73%; nhập khẩu của Việt Nam từ EU đạt 4,56 tỷ USD, tăng 13,07%. Hiện EU là một trong những đối tác thương mại lớn nhất của Việt Nam, là thị trường xuất khẩu lớn thứ hai của Việt Nam (sau Mỹ) và là thị trường lớn cho một số mặt hàng xuất khẩu chủ lực của Việt Nam như giày dép, may mặc, thủy sản, đồ gỗ, điện tử, hàng tiêu dùng. Các nhóm hàng xuất khẩu chủ lực của Việt Nam sang EU là giày da, dệt may, cà phê hạt xanh, đồ gỗ, hải sản. Các mặt hàng Việt Nam nhập khẩu chính từ EU là máy móc thiết bị phụ tùng, phương tiện vận tải và phụ tùng, dược phẩm, phân bón...

Đặc điểm nổi bật trong thương mại hai chiều Việt Nam - EU là tính bổ sung cao, ít cạnh tranh. Cơ cấu hàng xuất khẩu của Việt Nam vào EU đã chuyển dịch theo hướng tăng tỷ trọng hàng hoá chất lượng cao, thực phẩm sạch, thủ công mỹ nghệ, giảm tỷ trọng hàng chất lượng trung bình, hàng nông sản thô.

Về đầu tư, các nước thành viên EU là một trong các nhà đầu tư hàng đầu tại Việt Nam. Tính đến tháng 6 năm 2012, đã có 20 trong tổng số 27 nước EU đầu tư vào Việt Nam với 1.188 dự án còn hiệu lực với tổng vốn đăng ký trên 18 tỷ USD. Các doanh nghiệp Việt Nam cũng có 34 dự án đầu tư sang 12 nước EU (gồm Bỉ, Bungary, Séc, Pháp, Đức, Hy Lạp, Hà Lan, Ba Lan, Tây Ban Nha, Thụy Điển và Anh) với tổng vốn đăng ký đạt 35,9 triệu USD.

Về hợp tác phát triển (ODA), EU là nhà tài trợ song phương lớn thứ hai về ODA và là nhà cung cấp viện trợ không hoàn lại lớn nhất cho Việt Nam với tổng ODA cam kết trong giai đoạn 1996-2010 là hơn 11 tỷ USD (giải ngân hơn 5 tỷ USD), góp phần tích cực vào quá trình phát triển kinh tế xã hội của Việt Nam.

Về hợp tác chuyên ngành, EC và các nước thành viên EU hợp tác chặt chẽ với Việt Nam trong nhiều lĩnh vực chuyên ngành thuộc các lĩnh vực ưu tiên của Việt Nam và EU có thể mạnh như: hỗ trợ thể chế, khoa học công nghệ, giáo dục, pháp luật, y tế, tài chính ngân hàng, nông nghiệp, văn hóa và du lịch.

Bộ Ngoại giao Việt Nam

GIỚI THIỆU VỀ LIÊN MINH CHÂU ÂU

Liên minh Châu Âu (EU) là một đối tác kinh tế và chính trị độc đáo gồm 27 nước Châu Âu (28 nước kể từ ngày 1 tháng 7 năm 2013)¹ và chiếm phần lớn diện tích của lục địa.

EU ra đời trong tro tàn của Chiến tranh Thế giới lần thứ hai. Những bước đi đầu tiên là nhằm thúc đẩy hợp tác kinh tế, ý tưởng là các nước có trao đổi buôn bán phụ thuộc lẫn nhau về kinh tế sẽ có nhiều khả năng tránh được xung đột. Kể từ đó, EU đã phát triển thành một thị trường chung khổng lồ, với đồng euro là đồng tiền chung. Với khởi đầu là một liên minh thuần túy về kinh tế, ngày nay, EU đã phát triển thành một tổ chức bao trùm tất cả các lĩnh vực chính sách, từ viện trợ phát triển đến môi trường.

EU đã trải qua nửa thế kỷ hòa bình, ổn định và thịnh vượng, nâng cao mức sống của người dân và sử dụng đồng tiền chung. Nhờ bãi bỏ kiểm soát biên giới giữa các nước EU, người

dân có thể đi lại tự do, sống và làm việc ở Châu Âu nhờ vậy cũng trở nên dễ dàng hơn rất nhiều.

Liên minh Châu Âu dựa trên cơ sở pháp trị. Điều này có nghĩa là mọi công việc mà EU thực hiện là dựa trên các hiệp ước được tất cả các nước thành viên thỏa thuận một cách tự nguyện và dân chủ. Những hiệp định này đề ra các mục tiêu của EU trong rất nhiều lĩnh vực.

Nhân phẩm, quyền tự do, dân chủ, bình đẳng, nền pháp trị và sự tôn trọng quyền con người là các giá trị nòng cốt của EU. Kể từ khi ký kết Hiệp ước Lisbon vào năm 2009, Hiến chương của EU về Các Quyền Cơ bản đã tập hợp tất cả những quyền này trong một văn kiện chung. Các thể chế và Chính phủ các nước thành viên EU có nghĩa vụ gìn giữ các giá trị đó.

Thị trường chung là động lực kinh tế chủ yếu của EU, cho phép hầu hết các hàng hóa, dịch vụ, tiền tệ và người dân được di chuyển tự do. Với hơn 500 triệu dân, EU chiếm hơn một phần tư GDP của thế giới, là nguồn đầu tư trực tiếp nước ngoài lớn nhất trong nền kinh tế toàn cầu và chiếm một phần năm thương mại toàn cầu, một công cụ chủ chốt để phát triển kinh tế. Châu Âu là nhà xuất khẩu hàng hóa sản xuất công nghiệp và dịch vụ lớn nhất thế giới, đồng thời cũng là thị trường xuất khẩu lớn nhất của hơn một trăm nước.

Liên minh có một cơ cấu thể chế độc đáo. Các ưu tiên chính, khái quát của EU được đề ra bởi Hội đồng Châu Âu, Hội đồng này tập hợp các nhà lãnh đạo cấp quốc gia và cấp Liên minh. Các Nghị sĩ được bầu trực tiếp đại diện cho các công dân Châu Âu trong Nghị viện Châu Âu. Lợi ích của EU được thúc đẩy bởi Ủy ban Châu Âu và các Ủy viên - do quốc gia thành viên đề cử với sự tham vấn ý kiến của Chủ tịch Ủy ban Châu Âu, sau khi được Nghị viện Châu Âu thông qua. Cuối cùng, các Chính phủ bảo vệ lợi ích quốc gia của đất nước mình trong Hội đồng Liên minh Châu Âu. Trong số rất nhiều các thể chế và cơ quan liên thể chế khác, có hai cơ quan đóng vai trò trọng yếu: Tòa Tư

1 Các nước thành viên của Liên minh châu Âu: Áo, Bỉ, Bun-ga-ri, Síp, Cộng hòa Séc, Đan Mạch, Estonia, Phần Lan, Pháp, Đức, Hy Lạp, Hungary, Ireland, Ý, Latvia, Lithuania, Lúc-xăm-bua, Malta, Hà Lan, Ba Lan, Bồ Đào Nha, Rumani, Slovakia, Slovenia, Tây Ban Nha, Thụy Điển và Anh. Croatia dự kiến sẽ gia nhập EU vào tháng 7 năm 2013 trong khi các nước ứng cử viên khác bao gồm Cộng hòa Macedonia thuộc Nam Tư cũ, Iceland, Montenegro, Serbia và Thổ Nhĩ Kỳ.

pháp để duy trì quyền lực của luật pháp Châu Âu và Tòa Kiểm toán kiểm soát tài chính các hoạt động của EU.

Cùng với sự tiếp tục lớn mạnh của Liên minh, EU vẫn tập trung minh bạch hóa và dân chủ hóa các thể chế quản trị của mình. Nghị viện Châu Âu được bầu trực tiếp đang được trao thêm nhiều quyền hơn, các nghị viện quốc gia được giao một vai trò to lớn hơn, hoạt động bên cạnh các thể chế của Châu Âu. Công dân Châu Âu ngày càng có nhiều kênh để tham gia vào tiến trình chính trị của EU và có thể tham gia bằng bất kỳ ngôn ngữ nào trong số 23 ngôn ngữ chính thức của EU.

Liên minh Châu Âu cũng đóng một vai trò quan trọng trong quan hệ quốc tế thông qua ngoại giao, thương mại, đầu tư, viện trợ phát triển và các tổ chức quốc tế, với các lợi ích và trách nhiệm với an ninh khu vực và toàn cầu ngày càng tăng. Đặc biệt, EU thể hiện tình đoàn kết qua việc cung cấp hơn một nửa tổng số viện trợ phát triển quốc tế và là nhà tài trợ lớn nhất thế giới về viện trợ nhân đạo. EU ngày càng tích cực trong công tác phòng ngừa xung đột, quản lý khủng hoảng và kiến thiết hòa bình, thông qua các cơ quan quản lý khủng hoảng do EU đứng đầu, cũng như thông qua các công cụ đối phó khủng hoảng và ổn định tình hình. Ngoài ra, EU cũng cam kết hỗ trợ hệ thống đa phương và cải cách hệ thống này, các cuộc đàm phán toàn cầu về thương mại và biến đổi khí hậu, cũng như chương trình nghị sự về quản trị toàn cầu.

EU có quan hệ ngoại giao với gần như tất cả các nước trên thế giới. Liên minh có quan hệ đối tác chiến lược với các đối tác quốc tế chủ chốt, có cam kết sâu sắc với các cường quốc đang nổi lên trên toàn cầu, và đã ký các Hiệp định Liên kết song phương với một số quốc gia lân cận. Ở nước ngoài, Liên minh được đại diện bởi các Phái đoàn EU có chức năng tương tự như của một Đại Sứ quán. Cơ quan Đối Ngoại Châu Âu (EEAS) trợ giúp Đại diện Cấp Cao của Liên minh Châu Âu về Đối Ngoại và Chính sách An ninh, người chủ tọa Hội đồng Đối Ngoại của Bộ trưởng Ngoại giao Các Nước Thành viên và thực hiện chính

sách ngoại giao và an ninh chung, đảm bảo tính nhất quán và sự phối hợp trong hoạt động đối ngoại của EU.

Cuối cùng, EU được nhận diện thông qua nhiều biểu tượng, trong đó biểu tượng được nhiều người biết đến nhất là lá cờ Châu Âu, một vòng tròn gồm 12 ngôi sao vàng trên nền xanh lam tượng trưng cho các lý tưởng thống nhất, đoàn kết và hòa hợp giữa các dân tộc Châu Âu. Ngày Châu Âu được tổ chức vào ngày 9 tháng 5, để kỷ niệm ý tưởng Liên minh Châu Âu đã được Bộ trưởng Ngoại giao Pháp Robert Schuman đưa ra lần đầu tiên vào ngày này năm 1950. Giai điệu EU ca được lấy từ Bản Giao hưởng số 9 do Ludwig Van Beethoven sáng tác năm 1823. “Thống nhất trong đa dạng” là khẩu hiệu của Liên minh. Khẩu hiệu này biểu thị cách thức người dân Châu Âu tập hợp dưới hình thức Liên minh Châu Âu để phấn đấu vì hòa bình và thịnh vượng, trong khi vẫn duy trì được sự phong phú và đa dạng của các nền văn hóa, truyền thống và ngôn ngữ khác nhau của lục địa.

Phái đoàn Liên minh Châu Âu tại Việt Nam

TABLE OF CONTENTS

| | |
|---|-----|
| 1. Foreword by Foreign Minister Pham Binh Minh..... | 87 |
| 2. Foreword by Catherine Ashton - High Representative of the European Union for Foreign Affairs and Security Policy ... | 89 |
| 3. Partnership and Cooperation Agreement | 91 |
| 4. Annex 1: Vietnam – EU relations | 158 |
| 5. Annex 2: Introduction to the European Union | 166 |

This publication has been produced with the assistance of the European Union. The contents of this publication are the sole responsibility of the authors and can in no way be taken to reflect the views of the European Union. Neither the European Union institutions and bodies nor any person acting on their behalf may be held responsible for the use which may be made of the information contained therein.

Designed & Printed by: Luck House Graphics
Publishing permit No. 621/QĐ-LĐXH
Publishing registration No. 83-2012/CXB/283-318/LĐXH
Code: 283-318
26-12



FOREWORD BY FOREIGN MINISTER PHAM BINH MINH

The Viet Nam – EU Partnership and Cooperation Agreement (PCA) signed on 27th June 2012 is a milestone and a vivid manifestation of the comprehensive and far reaching development of the Viet Nam – EU relations over the past 20 years, elevating the bilateral relations to a new high of equal partnership and comprehensive cooperation in commensurate with the deepened unification and enhanced role of the EU in the 21st century as well as the growing stature of Viet Nam after 25 years of successful reforms and international integration.

The Viet Nam – EU relations have seen positive and comprehensive developments in recent years. The EU has become one of Viet Nam’s leading partners in many areas, especially development cooperation, trade and investment, making worthy contribution to the cause of national development and international integration of Viet Nam.

With the signature of the Viet Nam – EU PCA, we have every reason to be optimistic about the prospects of the Viet Nam – EU relations in the future. The agreement deepens and broadens the bilateral cooperation in areas that Viet Nam needs and the EU has strengths, including development

cooperation, economics - trade, education - training, science - technology, agriculture, health and tourism. This creates favorable conditions for Viet Nam to promote mutually beneficial cooperation with the EU in the implementation of the Strategy on economic and social development for the period of 2011 – 2020. The PCA also creates important premises for Viet Nam and the EU to engage in negotiations of a Free Trade Agreement (FTA) and work closely towards early recognition of Viet Nam's market economy status.

Besides bilateral relations, the PCA also governs the cooperation between Viet Nam and the EU at regional and international fora and in addressing global challenges. In this connection, furthering relations with Viet Nam opens windows of opportunity for the EU to promote relations with countries in South East Asia given the rapid changes and evolving architecture in the region with ASEAN at the center. For Viet Nam, this is a good opportunity to continue to promote partnership with all EU's Member States both in depth and in breadth, thus effectively implementing the foreign policy of independence, self-reliance, peace, cooperation and development; multilateralization and diversification of external relations; a reliable friend, partner and responsible member of the international community.

Pham Binh Minh
Minister of Foreign Affairs
Socialist Republic of Viet Nam

FOREWORD BY CATHERINE ASHTON - HIGH REPRESENTATIVE OF THE EUROPEAN UNION FOR FOREIGN AFFAIRS AND SECURITY POLICY

The EU has strong stakes in the success of Vietnam's reforms. The signature of the new-generation Vietnam-EU Partnership and Co-operation Agreement (PCA) is an important milestone in EU-Vietnam relations and a testimony to the rapidly growing importance of Vietnam-EU ties. It demonstrates the commitment of the EU to forge a modern, broad-based and mutually-beneficial partnership with Vietnam.

Since the establishment of diplomatic relations in October 1990, Vietnam-EU relations have developed very rapidly, moving from an initial focus on trade and aid to a broader, more diversified and more political partnership. The new PCA, which is based on shared interests and principles such as equality, mutual respect, the rule of law and human rights, will open a new era in bilateral relations. It will broaden further the scope of our cooperation in areas such as trade, the environment, energy, science and technology, good governance, as well as tourism, culture, migration, counter terrorism and the fight against corruption and organised crime.

The PCA will also allow Vietnam and the EU, which share the same interest in a strong multilateral rule-based system and strong institutions of global governance, to further enhance cooperation on global and regional challenges, including climate change, terrorism and non-proliferation of weapons of mass destruction, all issues on which Vietnam is willing to play an increasingly important role.

The PCA brings on board the EU and all its Member States, providing opportunities to increase the coherence and synergies between EU policies and between EU and individual Member States' policies. The Government of Vietnam and the EU have already identified some priorities for immediate action under the PCA. The EU for its part is committed to taking its full share in the implementation of the Agreement and to making full use of all the cooperation possibilities it opens.

We look forward to the trade and investment principles established in PCA being completed soon by a Vietnam-EU Free Trade Agreement (FTA), which will also bring two-way trade and investment to new levels.

Catherine Ashton
High Representative of the European Union
for Foreign Affairs and Security Policy

FRAMEWORK AGREEMENT ON COMPREHENSIVE PARTNERSHIP AND COOPERATION BETWEEN THE EUROPEAN UNION AND ITS MEMBER STATES, OF THE ONE PART, AND THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM, OF THE OTHER PART

THE EUROPEAN UNION, hereinafter referred to as "the Union"

and

The Kingdom Of Belgium,

The Republic Of Bulgaria,

The Czech Republic,

The Kingdom Of Denmark,

The Federal Republic Of Germany,

The Republic Of Estonia,

Ireland,
The Hellenic Republic,
The Kingdom of Spain,
The French Republic,
The Italian Republic,
The Republic of Cyprus,
The Republic of Latvia,
The Republic of Lithuania,
The Grand Duchy of Luxembourg,
The Republic of Hungary,
Malta,
The Kingdom of The Netherlands,
The Republic of Austria,
The Republic of Poland,
The Portuguese Republic,
Romania,
The Republic of Slovenia,
The Slovak Republic,
The Republic of Finland,

The Kingdom of Sweden,
The United Kingdom Of Great Britain And Northern Ireland,
Contracting Parties To The Treaty On European Union And
The Treaty On The Functioning Of The European Union,
Hereinafter Referred To As The “Member States”,
Of The One Part, and
The Socialist Republic of Vietnam,
hereinafter referred to as “Vietnam”,
of the other part,
Hereinafter jointly referred to as “the Parties”,

CONSIDERING the traditional links of friendship between the Parties and the close historical, political and economic ties which unite them,

WHEREAS the Parties attach particular importance to the comprehensive nature of their mutual relationship, as demonstrated, *inter alia*, by the Vietnamese “Master Plan for relations between Vietnam and the European Union until 2010 and orientations towards 2015” of 2005 and the ensuing discussions between the Parties,

WHEREAS the Parties consider that this Agreement forms part of a wider and coherent relationship between them through agreements to which both sides are parties together,

REAFFIRMING their commitment to the general principles of the international law and the purposes and principles of Charter of the United Nations, and the respect for democratic principles and human rights,

REAFFIRMING their respect for the independence, sovereignty, territorial integrity and national unity of the Socialist Republic of Vietnam,

REAFFIRMING their attachment to the principle of good governance and the fight against corruption,

REAFFIRMING their desire to promote economic and social progress for their peoples, taking into account the principle of sustainable development and environmental protection requirements,

CONSIDERING that the International Criminal Court constitutes an important development for peace and international justice, which aims at the effective prosecution of the most serious crimes of concern to the international community,

WHEREAS the Parties share the view that the proliferation of weapons of mass destruction (WMD) poses a major threat to international security and wish to strengthen their dialogue and cooperation in this area. The adoption by consensus of United Nations Security Council (UNSC) Resolution 1540 underlies the commitment of the whole international community to fight against the proliferation of weapons of mass destruction,

RECOGNISING the need to strengthen disarmament as well as non-proliferation commitments under international obligations applicable to the Parties,

EXPRESSING their full commitment to fighting all forms of terrorism in conformity with international law, including human rights law and humanitarian law, and to establishing effective international cooperation and instruments to ensure their eradication, and recalling the relevant UNSC Resolutions,

RECOGNISING the importance of the Cooperation Agreement of 7 March 1980 between the European Economic Community and Indonesia, Malaysia, the Philippines, Singapore and Thailand - member countries of the Association of South-East Asian Nations (ASEAN) - and which was extended to Vietnam in 1999, as well as the Cooperation Agreement between the European Community and the Socialist Republic of Vietnam of 17 July 1995,

RECOGNISING the importance of strengthening the existing relationship between the Parties with a view to enhancing cooperation between them, and their common will to consolidate, deepen and diversify their relations in areas of mutual interest on the basis of sovereignty, equality, non-discrimination, respect for the natural environment and mutual benefit,

RECOGNISING Vietnam's status as a developing country and taking account of the Parties' respective levels of development,

RECOGNISING the significant importance of development cooperation to developing countries, especially the low-income and lower middle-income developing countries, for their sustained economic growth, sustainable development and timely and full realisation of the internationally agreed development goals, including the United Nations' Millennium Development Goals,

RECOGNISING the progress made by Vietnam towards achieving the Millennium Development Goals and in the implementation of its Strategy for Socio-Economic Development, as well as its current level of development as a low income developing country,

WHEREAS the Parties attach particular importance to the principles and rules which govern international trade contained in the Agreement establishing the World Trade

Organization (WTO), and the need to apply them in a transparent and non-discriminatory manner,

RECOGNISING that trade plays a significant role in development and the importance of trade preferential programmes,

EXPRESSING their full commitment to promoting sustainable development in all its dimensions, including environmental protection and effective cooperation to combat climate change as well as effective promotion and implementation of internationally recognised labour standards ratified by the Parties,

UNDERLINING the importance of cooperation on migration,

CONFIRMING their desire to enhance, fully in accordance with activities undertaken in a regional framework, the cooperation between the Parties based on shared values and mutual benefit,

NOTING that the provisions of this Agreement that fall within the scope of Part Three, Title V, of the Treaty on the Functioning of the European Union bind the United Kingdom and Ireland as separate Contracting Parties or, alternatively, as part of the European Union, in accordance with the Protocol (No 21) on the position of the United Kingdom and Ireland in respect of the area of freedom, security and justice annexed to the Treaty on European Union and to the Treaty on the Functioning of the European Union. The same applies to Denmark, in accordance with the Protocol (No 22) on the position of Denmark annexed to those Treaties,

HAVE AGREED AS FOLLOWS:

TITLE I NATURE AND SCOPE

Article 1

General Principles

1. The Parties confirm their commitment to the general principles of international law as defined in the purposes and principles of the Charter of the United Nations, reaffirmed in the UN General Assembly Declaration on Principles of International Law concerning Friendly Relations and Co-operation among States in accordance with the Charter of the United Nations, of 24 October 1970, and in other relevant international treaties, expressing *inter alia* the rule of law, and the principle of *pacta sunt servanda*; and to the respect for democratic principles and human rights, as laid down in the UN General Assembly Universal Declaration of Human Rights and other relevant international human rights instruments to which the Parties are Contracting Parties, which underpin the internal and international policies of both Parties and which constitute an essential element of this Agreement.

2. The Parties confirm their commitment to further cooperate towards the full achievement of internationally agreed development goals, including the Millennium Development Goals, through compliance with the existing mutual international obligations which are applicable to the Parties. This constitutes an essential element of this Agreement. They also confirm their respective commitments to the European Consensus on Development of 2005, the Paris Declaration on Aid Effectiveness agreed at the High Level Forum on Aid Effectiveness in 2005, the Accra Agenda for Action agreed at the Third High-level Forum on Aid Effectiveness, and the Hanoi Core Statement on Aid Effectiveness agreed in 2006 with a view to further improving development cooperation performance, including progress on untied aid and achieving more predictable aid mechanisms.
3. The Parties confirm their commitment to promoting sustainable development in all its dimensions, cooperating to address the challenges of climate change as well as globalisation and contributing to the internationally agreed development goals, including those contained in the Millennium Development Goals.
4. The Parties agree that the implementation of all cooperation activities under this Agreement shall take into account their respective levels of development, needs and capacity.
5. The Parties confirm that trade plays a significant role in development and that trade preferential programmes help to promote the development of developing countries, including Vietnam.
6. The Parties agree that cooperation under this Agreement will be in accordance with their respective legislation, rules and regulations.

Article 2

Aims of cooperation

With a view to strengthening their bilateral relationship, the Parties undertake to hold a comprehensive dialogue and promote further cooperation between them on all sectors of mutual interest. Their efforts will in particular be aimed at:

- (a) establishing cooperation bilaterally and in all relevant regional and international *fora* and organisations;
- (b) developing trade and investment between the Parties to their mutual advantage;
- (c) establishing cooperation in all trade and investment-related areas of mutual interest, in order to facilitate sustainable trade and investment flows and to prevent and remove obstacles to trade and investment, in a consistent and complementary manner with respect to ongoing and future regional EU-ASEAN initiatives;
- (d) working through development cooperation towards eradicating poverty, promoting sustainable development, combating emerging challenges such as climate change and communicable diseases, deepening economic reform and integrating into the world economy;
- (e) establishing cooperation in the area of justice and security, including the rule of law and legal cooperation, data protection, migration, combating organised crime, money laundering and illicit drugs;
- (f) fostering cooperation in all other sectors of mutual interest, including human rights; economic policy; financial services; taxation; industrial policy and small and medium-sized enterprises; information and

communication technologies; science and technology; energy; transport; urban and regional planning and development; tourism; education and training; culture; climate change; environment and natural resources; agriculture, forestry, livestock, fisheries and rural development; health; statistics; labour, employment and social affairs; reform of public administration; associations and non-governmental organisations (NGOs); natural disaster prevention and mitigation; gender equality;

- (g) enhancing existing and encourage new participation of both Parties within sub-regional and regional cooperation programmes open to the participation of the other Party;
- (h) establishing cooperation on countering the proliferation of weapons of mass destruction and their means of delivery; combating illicit trade in small arms and light weapons in all its aspects; remnants of war;
- (i) establishing cooperation on combating terrorism;
- (j) raising the roles and profiles of the Parties in each others' regions through various means, including cultural exchanges, use of information technology and education;
- (k) promoting people-to-people understanding *inter alia* through cooperation among entities such as think tanks, academics, business and the media in the form of seminars, conferences, youth interaction and other activities.

Article 3

Cooperation in Regional and International Organisations

1. The Parties undertake to exchange views and cooperate in regional and international *fora* and organisations, including the United Nations and its agencies and organisations, the ASEAN-EU dialogue, ASEAN Regional Forum (ARF), the Asia-Europe Meeting (ASEM), and the World Trade Organization (WTO).
2. The Parties also agree to promote cooperation in these fields between think tanks, academics, NGOs, business and the media through the organisation of seminars, conferences and other related activities, provided that such cooperation is based on mutual consent.

ARTICLE 4

Bilateral and Regional Cooperation

1. For each sector of dialogue and cooperation under this Agreement, and while giving due emphasis to matters under bilateral cooperation, the Parties agree to carry out the related activities at either bilateral or regional level or through a combination of both frameworks. In choosing the appropriate framework, the Parties will seek to maximise the impact on, and reinforce the involvement of, all interested parties, while making the best possible use of available resources, taking account of the political and institutional feasibility, and ensuring coherence with other activities involving the Union and ASEAN. Cooperation may, as appropriate, include support for ASEAN integration and community building.
2. The Parties may, as appropriate, decide to extend financial support to cooperation activities in the areas covered by the agreement or in relation to it, in accordance with

their respective financial procedures and resources. This cooperation may in particular support the implementation of Vietnam's socio-economic reforms, and may include capacity-building measures such as the organisation of training schemes, workshops and seminars, the exchange of experts, studies, and other actions agreed by the Parties in accordance with donor development assistance strategies.

TITLE II DEVELOPMENT COOPERATION

Article 5

General Principles

1. The central objectives of development cooperation are to achieve the Millennium Development Goals as well as poverty eradication, sustainable development and integration into the world economy. The objectives of development cooperation shall take account of Vietnam's socio-economic development strategies and programmes. The Parties recognise that development cooperation between them is key to addressing Vietnam's development challenges.
2. The Parties agree to promote cooperation activities in accordance with their respective procedures and resources.

ARTICLE 6

Aims of Cooperation

The development cooperation strategies of the Parties shall aim at, *inter alia*:

- (a) achieving sustained economic growth;

- (b) promoting human and social development;
- (c) promoting institutional reforms and development;
- (d) promoting environmental sustainability, regeneration and best practices, and the preservation of natural resources;
- (e) preventing and tackling the consequences of climate change;
- (f) supporting policies and instruments aimed at the progressive integration into the world economy and trade.

Article 7

Forms of cooperation

1. For each sector of cooperation under this Title, the Parties agree to carry out activities at bilateral or regional level or through a combination of both, including through tripartite cooperation.
2. The forms of cooperation between the Parties may include:
 - (a) development and technical assistance to the programmes and projects as agreed by the Parties;
 - (b) capacity building through training courses, workshops and seminars, the exchange of experts, studies, and joint research between the Parties;
 - (c) consideration of other forms of development financing as appropriate;
 - (d) the exchange of information on best practices of aid effectiveness.

TITLE III PEACE AND SECURITY

Article 8

Countering the proliferation of weapons of mass destruction and their means of delivery

1. The Parties consider that the proliferation of weapons of mass destruction and their means of delivery, both to state and non-state actors, represents one of the most serious threats to international stability and security, while reaffirming the Parties' legitimate rights to research, develop, use, trade and transfer biological, chemical and nuclear technology and related materials for peaceful purposes in accordance with the treaties and conventions to which they are parties. The Parties therefore agree to cooperate in and to contribute to countering the proliferation of weapons of mass destruction and their means of delivery through full compliance with and national implementation of their respective existing obligations under international disarmament and non-proliferation treaties and agreements and relevant international obligations which are applicable to the Parties. The Parties agree that this provision constitutes an essential element of the Agreement.

2. The Parties furthermore agree to cooperate in and to contribute to countering the proliferation of weapons of mass destruction and their means of delivery by:
 - (a) taking steps to sign, ratify, or accede to, as appropriate, all other relevant international treaties and agreements, and to fully implement their respective obligations;
 - (b) establishing, with due regard to each Party's capacity, an effective system of national export controls, controlling the export and transit of WMD-related goods, including a WMD end-use control on dual use technologies and containing effective sanctions for breaches of export controls in line with UNSC Resolution 1540 without affecting normal and legal import and export activities and financial transactions. This may include the provision of assistance, including capacity building.
3. The Parties agree to pursue a regular political dialogue that will accompany and consolidate these elements.

ARTICLE 9

Cooperation in Combating Illicit Trade in Small Arms and Light Weapons (SALW) in All Its Aspects

1. The Parties recognise that the illicit manufacture, transfer and circulation of small arms and light weapons, in all its aspects, including their excessive accumulation, and uncontrolled spread continue to pose a serious threat to peace and international security, while reaffirming the legitimate rights of the Parties to manufacture, import and retain small arms and light weapons for their self-defence and security needs. In this regard, the Parties recall the relevant contents of UN General Assembly Resolutions 64/50 and 64/51.

2. The Parties agree to observe and fully implement their respective obligations to deal with the illicit trade in small arms and light weapons, in all its aspects, under existing international agreements to which the Parties are contracting parties and under UN Security Council resolutions, as well as their commitments within the framework of other relevant international instruments applicable in this area, such as the UN Programme of Action to prevent, combat and eradicate the illicit trade in SALW in all its aspects.
3. The Parties undertake to establish a dialogue, as appropriate, in order to exchange views and information and develop a common understanding of the issues and problems related to illicit trade in small arms and light weapons, and to strengthen the ability of the Parties to prevent, combat and eradicate such trade.

ARTICLE 10

Cooperation in Combating Terrorism

The Parties reaffirm the importance of the fight against terrorism in full respect for the law, including the UN Charter, human rights law, refugee law and international humanitarian law. Within this framework and in accordance with the UN Global Counter-Terrorism Strategy, contained in UN General Assembly Resolution 60/288, and in the EU-ASEAN Joint Declaration of 28 January 2003 on co-operation to combat terrorism, the Parties agree to strengthen cooperation in the prevention and suppression of terrorism.

The Parties shall do so in particular:

- (a) in the framework of the full implementation of UNSC Resolution 1373 and other relevant UN resolutions, and taking steps to ratify and fully implement international conventions and instruments on fighting and preventing terrorism;

- (b) by establishing under the Joint Committee regular consultations on cooperation on countering and preventing terrorism;
- (c) by the exchange of information on terrorist groups and their support networks in accordance with international and national law and, subject to the Parties' programmes and instruments, by providing support for capacity building in countering and preventing terrorism;
- (d) by the exchange of views on means and methods used to counter terrorism and incitement of terrorist acts, including in technical fields and training, and by the exchange of experiences in respect of terrorism prevention;
- (e) by cooperating so as to deepen the international consensus on the fight against terrorism and its normative framework and by working towards an agreement on the Comprehensive Convention on International Terrorism as soon as possible so as to complement the existing UN counter-terrorism instruments;
- (f) by promoting cooperation among UN Member States to effectively implement the UN Global Counter-Terrorism Strategy;
- (g) by the exchange of best practices in the area of protection of human rights in the fight against terrorism.

ARTICLE 11

Legal Cooperation

1. The Parties agree to cooperate on legal matters, the strengthening of the rule of law and of institutions at all levels in the areas of administration of justice and law enforcement.

2. The Parties agree to cooperate on the enhancement of the judicial capacity and legal system in such areas as civil law, civil procedural law, criminal law and criminal procedural law, as well as to engage in an exchange of information concerning legal systems and legislation.
3. The Parties also agree to cooperate in the field of international criminal justice. The Parties consider that the most serious crimes of concern to the international community must not go unpunished and that their effective prosecution must be ensured by taking relevant measures at the appropriate level.
4. The Parties consider that the International Criminal Court is a progressive and independent institution operating for the purpose of international peace and justice. The Parties agree to cooperate with a view to strengthening the legal framework aimed at preventing and punishing the most serious crimes of concern to the international community and to consider the possibility of adherence to the Rome Statute. The Parties agree that dialogue and cooperation on this matter would be beneficial.

TITLE IV

COOPERATION ON TRADE AND INVESTMENT ISSUES

Article 12

General Principles

1. The Parties shall engage in a dialogue on bilateral and multilateral trade and trade-related issues with a view to strengthening bilateral trade relations and advancing the multilateral trade system.
2. The Parties undertake to promote the development and diversification of their commercial exchanges to the highest possible level and to their mutual benefit. They undertake to achieve enhanced and predictable market access conditions by working towards the elimination of barriers to trade, in particular through the timely removal of non-tariff barriers and restrictions to trade, and by taking measures to improve transparency, having regard to the work carried out in this field by international organisations of which both Parties are members.
3. Recognising that trade plays an indispensable role in development, and that trade preferences schemes,

including the Generalised System of Preferences (GSP), and the special and differential treatment as specified by WTO have proven beneficial to developing countries, the Parties shall endeavour to strengthen consultations on their effective implementation.

4. The Parties shall take into consideration their respective levels of development for the implementation of this Title.
5. The Parties shall keep each other informed concerning the development of trade and trade-related policies such as agricultural policy, food safety policy, consumer policy and environmental policy.
6. The Parties shall encourage dialogue and cooperation to develop their trade and investment relations, including the solution of commercial problems and the provision of technical assistance and capacity-building programmes to address trade issues in, *inter alia*, the areas referred to under this Title.
7. With a view to unleashing their potentials and utilising their economic complementarity, the Parties endeavour to explore and seek more opportunities and solutions to strengthen their trade and investment relations, including, where appropriate, negotiation of free trade and other agreements of mutual interest.

Article 13

Trade Development

1. The Parties undertake to develop, diversify and increase trade between them and to improve the competitiveness of their products on domestic, regional and international markets. Cooperation between the Parties towards this

end shall aim at in particular strengthening capacity building in areas such as trade development strategies, optimisation of the potential for trade, including GSP preferences, competitiveness, promotion of technology transfer between enterprises, transparency of policies, laws and regulations, market information, institutional development as well as regional networking.

2. The Parties shall make full use of the Aid for Trade and other supplementary assistance programmes for the purposes of enhancement of trade and investment between them.

ARTICLE 14

Sanitary and Phytosanitary and Animal Welfare Issues

1. The Parties reaffirm their existing rights and obligations under the WTO Agreement on Sanitary and Phytosanitary measures (SPS).
2. The Parties shall strengthen cooperation and exchange information on legislation, implementation, certification, inspection and surveillance procedures on SPS in trade between the Parties within the framework of the WTO Agreement on Sanitary and Phytosanitary measures, the International Plant Protection Convention (IPPC), the Office International des Épizooties (OIE) and the CODEX Alimentarius.
3. The Parties further agree to cooperate on SPS matters and to promote cooperation in this field between the Parties, through capacity building and technical assistance, which shall be specific to the needs of each Party and aimed at assisting them to comply with each others' legal framework including food safety, plant and animal health and the use of international standards.

4. The Parties agree to cooperate on animal welfare as necessary, including technical assistance and capacity building for the development of animal welfare standards.
5. The Parties shall designate contact points for communication on issues under this Article.

ARTICLE 15

Technical Barriers to Trade

1. The Parties shall promote the use of international standards and cooperate and exchange information on standards, technical regulations, and conformity assessment procedures, especially within the framework of the WTO Agreement on Technical Barriers to Trade (TBT).
2. The Parties endeavour to exchange information from early stages of formulating new legislation in the TBT field. To this end, the Parties shall encourage any measures aiming at bridging the gaps between them in the area of conformity assessment and standardisation and improving the convergence and compatibility between the respective systems of the Parties in this area. The Parties agree to exchange views on, and to explore the possibility to apply, third party certification with a view to facilitate the flows of trade between them.
3. Cooperation in technical barriers to trade shall be undertaken, *inter alia*, through dialogue in appropriate channels, joint projects, technical assistance and capacity-building programmes. The Parties shall designate, when necessary, contact points for communication on issues under this Article.

Article 16

Cooperation on Customs Matters and Trade Facilitation

1. The Parties shall:
 - (a) share experience and best practices in and examine possibilities for simplifying import, export and other customs procedures;
 - (b) ensure the transparency of customs and trade facilitation regulations;
 - (c) develop cooperation on customs matters, and effective mutual administrative assistance mechanisms;
 - (d) seek convergence of views and joint action in the context of relevant international initiatives including trade facilitation.
2. The Parties will pay special attention to, *inter alia*:
 - (a) increasing the security and safety dimension of international trade;
 - (b) ensuring a more effective and efficient customs enforcement of intellectual property rights;
 - (c) ensuring a balanced approach between trade facilitation and the fight against fraud and irregularities.
3. Without prejudice to other forms of cooperation, provided for under this Agreement, the Parties state their interest in considering, in the future, the conclusion of protocols on customs cooperation and mutual administrative assistance, within the institutional framework laid down in this Agreement.

4. The Parties shall endeavour to mobilise technical assistance resources to support the implementation of cooperation on customs matters and of trade facilitation regulations under this Agreement.

Article 17

Investment

The Parties shall encourage a greater flow of investment through the development of an attractive and stable environment for investment through a consistent dialogue aimed at enhancing understanding and cooperation on investment issues, exploring administrative mechanisms to facilitate investment flows, and promoting stable, transparent, open rules and a level playing field for the Parties' investors.

Article 18

Competition policy

1. The Parties shall maintain competition laws and regulations and authorities. They will apply these laws in an effective, non-discriminatory and transparent way in order to foster legal certainty in their respective territories.
2. To this end, the Parties may engage in capacity building and other cooperation activities in the development and implementation of competition laws and regulations, subject to the availability of funding under the Parties' cooperation instruments and programmes.

Article 19

Services

The Parties shall establish a regular dialogue notably aimed at exchanging information on their respective regulatory environments with a view to identify best practices, promoting

access to each other's markets, including e-commerce, promoting access to sources of capital and technology, and promoting trade in services between both regions and in third countries' markets.

Article 20

Protection of Intellectual Property Rights

1. The Parties reaffirm the great importance they attach to the protection of intellectual property rights (IPR) and the full implementation of international commitments on protection of IPR, with a view to ensuring adequate and effective protection of such rights, in accordance with the relevant international standards/agreements, such as the Agreement on Trade-related Aspects of Intellectual Property Rights (TRIPS) and the International Convention for the Protection of New Varieties of Plants (UPOV), including effective means of enforcement.
2. The Parties agree to enhance cooperation on intellectual property protection and enforcement, including on appropriate means to facilitate protection and registration of the other party's geographical indications in their respective territories, taking into account international rules, practices and developments in this area and their respective capacity.
3. The cooperation shall be implemented in the forms agreed by the Parties, including to the exchange information and experiences on issues such as the practice, promotion, dissemination, streamlining, management, harmonisation, protection, enforcement and effective application of intellectual property rights, the prevention of abuses of such rights, and the fight against counterfeiting and piracy, including the establishment and strengthening of organisations for the control and protection of such rights.

Article 21

Enhanced Participation of Economic Actors

1. The Parties shall encourage and facilitate the operation of Chambers of Commerce and Industry as well as cooperation among professional associations of the Parties with a view to promoting trade and investment in areas of interest to both Parties.
2. The Parties shall encourage a dialogue between their respective regulatory bodies and private sector actors with a view to discussing recent developments in the trade and investment environment, exploring development needs of the private sector and exchanging views on policy frameworks for strengthening corporate competitiveness.

Article 22

Consultations

With a view to ensuring security and predictability in their bilateral trade relationship, the Parties agree to consult each other expeditiously and as quickly as possible, upon request by a Party, concerning any matters of difference which may arise in connection with trade or trade related matters under this Title.

TITLE V

COOPERATION IN THE AREA OF JUSTICE

ARTICLE 23

Combating Organised Crime

The Parties agree to cooperate combating organised, economic and financial crime as well as corruption. Such cooperation aims in particular at implementing and promoting relevant international standards and instruments, such as the UN Convention against Transnational Organised Crime and its supplementing Protocols and the UN Convention against Corruption, where applicable.

ARTICLE 24

Cooperation in Combating Money Laundering and Terrorism Financing

1. The Parties agree on the need to work towards and to cooperate on preventing the risk that their financial systems are abused and that the proceeds of any serious criminal activities are laundered, as recommended by the Financial Action Task Force (FATF).

2. Both Parties agree to promote training and technical assistance aimed at the development and implementation of regulations and the efficient functioning of mechanisms to combat money laundering and terrorism financing. In particular, cooperation shall allow for the exchange of relevant information between the competent authorities of the Parties within the framework of their respective legislation on the basis of appropriate standards to combat money laundering and the financing of terrorism equivalent to those adopted by the Parties and the international bodies active in this area, such as the Financial Action Task Force (FATF).

ARTICLE 25

Cooperation against Illicit Drugs

1. The Parties shall cooperate to ensure a comprehensive and balanced approach, through effective action and coordination between the competent authorities, including from the law enforcement, customs, health, justice and interior sectors and other relevant sectors, with the aim of reducing the supply (including illicit cultivation of opium poppies and production of synthetic drugs) and trafficking of, and demand for, illicit drugs as well as their impact on drug users and society at large, and to achieve more effective precursors control.
2. The Parties shall agree on means of cooperation to attain these objectives. Actions shall be based on commonly agreed principles along the lines of the relevant international conventions to which they are parties; the Political Declaration, the Declaration on the Guiding Principles of Drug Demand Reduction, and the Measures to Enhance International Cooperation to Counter the World Drug Problem, adopted by the 20th UN General Assembly Special Session on Drugs in June

1998; and the Political Declaration and the Plan of Action adopted at the 52nd session of the UN Commission on Narcotic Drugs in March 2009.

3. The cooperation between the Parties shall comprise technical and administrative assistance in particular in the following areas: drafting of national legislation and policies; establishment of national institutions and information and monitoring centres; training of personnel; drug related research; efforts to reduce the demand for, and the harm from, drugs; and judicial and police cooperation; and effective precursors control as it relates to the illicit manufacture of narcotic drugs and psychotropic substances. The Parties may agree to include other areas.

ARTICLE 26

Protection of Personal Data

1. The Parties agree to cooperate in order to improve the level of protection of personal data to the highest international standards, as appropriate, such as those contained in international instruments, in so far as they apply to the Parties.
2. Cooperation on protection of personal data may include, *inter alia*, technical assistance in the form of an exchange of information and expertise.

TITLE VI SOCIO-ECONOMIC DEVELOPMENT AND OTHER AREAS OF COOPERATION

ARTICLE 27

Cooperation on Migration

1. The Parties reaffirm the importance of joint efforts to manage migratory flows between their territories. With a view to strengthening cooperation, the Parties shall establish a comprehensive dialogue on all migration-related issues. Migration concerns shall be included in the national strategies for economic and social development of countries of origin, transit and destination of migrants.
2. Cooperation between the Parties shall be based on a specific needs-assessment conducted in mutual consultation between the Parties and be implemented in accordance with the relevant Union and national legislation in force. Cooperation will focus, *inter alia*, on:
 - (a) addressing the root causes of migration;
 - (b) engaging in a comprehensive dialogue on legal migration, aiming at, as mutually agreed, the setting up of mechanisms for promoting legal migration opportunities;

- (c) exchanging experiences and practices regarding the adherence to and implementation of the provisions of the Convention relating to the Status of Refugees, signed on 28 July 1951, and the Protocol thereto, signed on 31 January 1967, especially the principles of “non refoulement” and “voluntary repatriation”;
 - (d) admission rules, as well as the rights and status of persons admitted, fair treatment and integration of lawfully residing non-nationals, education and training, measures against racism and xenophobia;
 - (e) the establishment of an effective and preventive policy against illegal immigration, smuggling of migrants and trafficking in human beings, including ways to combat networks of smugglers and traffickers and protect the victims of such trafficking;
 - (f) the return, under humane and dignified conditions, of persons residing illegally including the promotion of their voluntary return, and the readmission of such persons in accordance with paragraph 3;
 - (g) issues identified as being of mutual interest in the field of visas and security of travel documents;
 - (h) issues identified as being of mutual interest in the field of border controls;
 - (i) technical and human capacity building.
3. Within the framework of the cooperation to prevent and control illegal immigration and without prejudice to the need for protection of victims of human trafficking, the Parties further agree that:
- (a) once the Vietnamese nationality of a person to be readmitted has been established by the competent

authorities of Vietnam in accordance with national legislations or relevant existing agreements, Vietnam shall readmit any of its nationals illegally present on the territory of a Member State, upon request by the competent authorities of the latter and without undue delay;

- (b) once the nationality of a person to be readmitted has been established by the competent authorities of the Member State concerned in accordance with national legislations or relevant existing agreements, each Member State shall readmit any of its nationals illegally present on the territory of Vietnam, upon request by the competent authorities of the latter and without undue delay.

The Parties will provide their nationals with appropriate identity documents for such purposes. When the person to be readmitted does not possess any documents or other proofs of nationality, the competent authorities of the Member State concerned or Vietnam shall, upon request by Vietnam or the Member State concerned, make arrangements to interview the person in order to establish nationality.

- 4. Subject to their respective laws and procedures, the Parties will enhance their cooperation on readmission issues, aiming, upon request by either Party, and as mutually agreed, at the negotiation of an agreement between the EU and Vietnam on the readmission of their respective citizens.

ARTICLE 28

Education and Training

- 1. The Parties agree to promote cooperation in education and training that duly respects their diversity in order to strengthen mutual understanding and agree to raise awareness about education opportunities in the EU and in Vietnam.

2. The Parties shall furthermore place emphasis on measures designed to create links between their respective higher education institutions and specialist agencies and to encourage the exchange of information, know-how, students, experts and technical resources, taking advantage of the facilities offered by Union programmes in Southeast Asia in the area of education and training as well as the experience that both Parties have acquired in this area.
3. Both sides also agree to promote the implementation of relevant programmes for higher education such as the Erasmus Mundus programme and conference interpreter training programmes and encourage educational institutions in the EU and in Vietnam to cooperate in joint degree and research programmes with a view to encouraging academic cooperation and mobility.
4. The Parties further agree to start a dialogue on matters of mutual interest relating to the modernisation of higher education and technical and vocational training system, which could notably include measures for technical assistance, aimed at, *inter alia*, improving the qualification framework and quality assurance.

Article 29

Health

1. The Parties agree to cooperate in the health sector with a view to improving health conditions and social welfare, in particular strengthening the health system, including health care and health insurance.
2. Cooperation shall take place mainly on:

- (a) programmes aiming at strengthening the health sector, including the improvement of health systems, health services and health conditions as well as social welfare;
 - (b) joint activities on epidemiology, including collaboration in the early prevention and control of epidemics such as avian and pandemic influenza and other major communicable diseases;
 - (c) international agreements in health, in particular the Framework Convention on Tobacco Control and the International Health Regulations;
 - (d) food safety standards, including automatic control network for food imports, as covered by Article 14;
 - (e) the exchange of information, experience on pharmaceutical and medical equipment policies and regulations, as mutually agreed;
 - (f) the prevention and control of non-communicable diseases through the exchange of information and good practices, promoting a healthy lifestyle, addressing major health determinants as well as surveillance and management of these diseases.
3. The Parties recognise the importance of further modernisation of the health sector and agree to strengthen capacity building and technical assistance in the health sector.

Article 30

Environment and natural resources

1. The Parties agree on the need to conserve and manage in a sustainable manner natural resources and biological diversity as a basis for the development of current and future generations.

2. The Parties agree that cooperation in this area shall promote the conservation and improvement of the environment in pursuit of sustainable development. The outcome of the World Summit on Sustainable Development shall be taken into account in all activities undertaken by the Parties under this Agreement.
3. The Parties agree to cooperate with a view to enhancing the mutual supportiveness of environmental policies and the integration of environmental considerations into all sectors of cooperation.
4. The Parties undertake to continue and strengthen their cooperation specifically as regards:
 - (a) promoting the active participation of the Parties in the implementation of multilateral environment agreements to which they are parties, including the Basel Convention, the Stockholm Convention and the Rotterdam Convention;
 - (b) promoting environmental awareness and enhancing local participation, including the participation of indigenous and local communities in environmental protection and sustainable development efforts;
 - (c) promoting and deploying environmental technologies, products and services, including through the use of regulatory and market-based instruments;
 - (d) preventing illegal transboundary movements of waste, including hazardous waste and ozone-depleting substances;
 - (e) improving ambient air quality, environmentally sound management of waste, chemicals safety, sustainable integrated water resource management and promoting sustainable consumption and production;
 - (f) sustainable development and protection of forests, including the promotion of sustainable forest management, forest certification, measures to combat illegal logging and its associated trade, and the integration of forestry development into local community development;
 - (g) effective management of national parks and recognition and conservation of biodiversity areas and vulnerable ecosystems, with due regards for local and indigenous communities living in or near these areas;
 - (h) protecting and preserving coastal and marine environment and promoting the efficient management of marine resources in order to achieve a sustainable marine development;
 - (i) protecting soil and preserving soil functions and sustainable land management;
 - (j) enhancing land management capacity, transparent land economics and sound operation of the real estate market, based on the principle of Sustainable Land Management and equitable rights for stakeholders, in order to ensure both effective use and environmental protection for sustainable development.
5. To these ends, the Parties shall aim at strengthening cooperation, through bilateral and multilateral frameworks, including technical assistance programmes with a view to promoting the development, transfer and utilisation of environment-friendly technologies, as well as initiatives and partnership arrangements based on the principle of mutual benefit for an early realisation of the Millennium Development Goals.

Article 31

Cooperation on Climate Change

1. The Parties agree to cooperate to accelerate the fight against climate change and its impact on environmental degradation and poverty, promote policies to help mitigate climate change and adapt to the negative effects of climate change, especially the rise of sea level, and to set their economies on sustainable low-carbon growth paths.
2. The objectives of the cooperation shall be to:
 - (a) combat climate change, with the overall goal of a transition to low-carbon economies that are safe and sustainable, through concrete mitigation actions in accordance with the principles of the United Nations Framework Convention on Climate Change (UNFCCC);
 - (b) improve the energy performances of their economies, by promoting energy efficiency, energy conservation, and the use of safe and sustainable renewable energy, and to move to climate-friendly generation that contributes to laying the foundation for a green energy revolution;
 - (c) promote Sustainable Consumption and Production (SCP) patterns in their economies, contributing to minimising pressures on the eco-systems, including soils and climate;
 - (d) adapt to the inevitable and adverse impact of climate change, including the integration of adaptation measures into the Parties' growth and development strategies and planning in all sectors and at all levels.
3. In order to achieve the objectives set out in paragraph 2, the Parties shall:

- (a) intensify policy dialogue and cooperation at the technical level;
- (b) promote cooperation on Research and Development (R&D) activities and low-emission technologies;
- (c) strengthen cooperation on nationally appropriate mitigation actions, low carbon growth plans, national programmes for adaptation to climate change and on Disasters Risks Reduction;
- (d) enhance capacity building and strengthen institutions to address climate change challenges;
- (e) promote awareness raising, especially for the most vulnerable populations and those living in vulnerable areas, and facilitate the participation of local communities in response to climate change.

Article 32

Agriculture, Forestry, Livestock, Fisheries and Rural Development

1. The Parties agree to enhance cooperation, including through strengthened dialogue and the exchange of experience, in agriculture, forestry, livestock, fisheries and rural development, in particular in the following areas:
 - (a) agricultural policy and international agricultural outlook in general;
 - (b) facilitation of trade between the Parties in plants and animals and their products, and market development and promotion;
 - (c) development policy in rural areas;

- (d) quality policy for plants, animals and aquatic products, and in particular Protected Geographical Indications and organic production; marketing of quality products, notably organic and geographical indication products (labelling, certification and control);
 - (e) animal welfare;
 - (f) development of sustainable and environmentally-friendly agriculture and on the transfer of bio-technologies;
 - (g) supporting sustainable and responsible long-term marine and fisheries policy including conservation and management of coastal and marine resources;
 - (h) promoting efforts to prevent and combat illegal, unreported and unregulated fishing practices and illegal logging and trade in forestry products through Forest Law Enforcement, Governance and Trade (FLEGT) and Volunteer Partnership Agreement (VPA);
 - (i) heredity research, variety selection of animals and plants, including high-quality livestock improvement, and research on feed and nutrition for terrestrial and aquatic animals;
 - (j) mitigation of negative effects of climate change on agricultural production and poverty reduction in remote and rural areas;
 - (k) supporting and promoting sustainable forest management, including climate change adaptation and mitigation of negative effects.
2. The Parties agree to examine possibilities for technical assistance in plant and animal productions, including but not limited to improvement of animal and plant

productivity and product quality, and further agree to consider capacity-building programmes aimed at building managerial capability in this field.

Article 33

Cooperation Related to Gender Equality

1. The Parties shall cooperate in strengthening gender-related policies and programmes, as well as institutional and administrative capacity building and supporting the implementation of national strategies on gender equality, including women's rights and empowerment, in order to ensure the equitable participation of men and women in all sectors of economic, cultural, political and social life. In particular, the cooperation shall focus on improving women's access to necessary resources for the full exercise of their fundamental rights.
2. The Parties shall promote the creation of an adequate framework to:
 - (a) ensure that gender-related issues are duly incorporated into all development strategies, policies and programmes;
 - (b) exchange experiences and models in promoting gender equality, and promote the adoption of positive measures in favour of women.

Article 34

Cooperation on Addressing Remnants of War

The Parties recognise the importance of cooperation in the clearance of mines, bombs and other unexploded ordnances and observing international treaties to which they are parties, taking into account other relevant international instruments. The Parties therefore agree to cooperate through:

- (a) experience sharing and dialogue, management capacity enhancement, and training of experts, researchers, and specialised experts, including capacity-building assistance subject to their domestic procedures to address the issues noted above;
- (b) communication and education on the prevention of accidents caused by bombs and mines, rehabilitation and community reintegration for the victims of bombs and mines.

Article 35

Cooperation on Human Rights

1. The Parties agree to cooperate in the promotion and protection of human rights, including with regard to the implementation of international human rights instruments to which they are parties.

Technical assistance will be provided to this end.

2. Such cooperation may include:
 - (a) human rights promotion and education;
 - (b) strengthening of human rights-related institutions;
 - (c) strengthening the existing human rights dialogue;
 - (d) strengthening of cooperation within the human rights-related institutions of the UN.

Article 36

Reform of Public Administration

The Parties, based upon specific needs-assessment conducted through mutual consultation, agree to cooperate with a view to restructuring and improving the effectiveness of their

public administration, *inter alia* by:

- (a) improving organisational efficiency, including decentralisation;
- (b) increasing institutions' effectiveness in service delivery;
- (c) improving the management of public finance and accountability in accordance with the Parties' respective laws and regulations;
- (d) improving the legal and institutional framework;
- (e) building capacities for policy design and implementation (public service delivery, budget composition and execution, anti-corruption);
- (f) building capacity of law enforcement mechanisms and agencies;
- (g) reforming the public service, agencies and administrative procedures;
- (h) capacity building for modernisation of the public administration.

Article 37

Associations and Non-governmental Organisations

1. The Parties recognise the role and potential contribution of associations and NGOs, including the social partners, in the cooperation process under this Agreement.
2. In accordance with democratic principles and legal and administrative provisions of each Party, organised associations and NGOs may:
 - (a) participate in the policy-making process;

- (b) be informed of and participate in consultations on development and cooperation strategies and sectoral policies, particularly in areas concerning them, including all stages of the development process;
- (c) receive financial resources, insofar as the internal rules of each Party so allow, and capacity-building support in critical areas;
- (d) participate in the implementation of cooperation programmes in the areas that concern them.

Article 38

Culture

1. The Parties agree to promote multi-faceted cultural cooperation that duly respects their diversity in order to increase mutual understanding and the knowledge of their respective cultures.
2. The Parties endeavour to take appropriate measures to promote cultural exchanges and carry out joint initiatives in various cultural spheres including cooperation in heritage conservation with respect to cultural diversity. In this regard, the Parties agree to continue cooperating within the framework of the Asia-Europe-Meeting (ASEM) supporting the activities of the Asia-Europe Foundation (ASEF). To this end, the Parties shall support and promote long-term partnership and cooperation activities between their cultural institutions.
3. The Parties agree to consult and cooperate in relevant international *fora*, such as UNESCO, in order to pursue common objectives and promote cultural diversity as well as the protection of cultural heritage. In this regard, the Parties agree to promote the ratification and

strengthen cooperation in the implementation of the UNESCO Convention on the Protection and Promotion of the Diversity of Cultural Expressions, which was adopted on 20 October 2005, placing emphasis on policy dialogue, integrating culture into sustainable development and poverty reduction, with a view to fostering the emergence of a dynamic cultural sector by facilitating the development of cultural industries. The Parties shall continue efforts to encourage other states to ratify that Convention.

Article 39

Scientific and Technological Cooperation

1. The Parties agree to strengthen scientific and technological cooperation in areas of mutual interest, including industry, energy, transport, environment, in particular climate change and natural resources management (e.g. fishery, forestry and rural development), agriculture and food security, biotechnologies, and human and animal health, taking account of their respective policies and cooperation programmes.
2. The aims of such cooperation shall be, *inter alia*, to:
 - (a) encourage the exchange of scientific and technological information and know-how, including on the implementation of policies and programmes;
 - (b) promote enduring relations and research partnerships between scientific communities, research centres, universities and industries;
 - (c) promote human resources training in science and technology;

- (d) strengthen the application of scientific and technological research for promoting sustainable development and improving the quality of life.
3. Cooperation shall take the following forms:
- (a) joint R&D projects and programmes;
 - (b) the exchange of information, knowledge and experience through joint organisation of scientific seminars and workshops, meetings, symposia and conferences;
 - (c) the training and exchange of scientists, junior researchers through international mobility schemes and exchange programmes, providing for the maximum dissemination of the results of research, learning and best practices;
 - (d) other forms as mutually agreed upon by the Parties.
4. In this cooperation, the Parties shall favour the participation of their respective higher education institutions, research centres and productive sectors, in particular small and medium-sized enterprises. The cooperation activities should be based on the principles of reciprocity, fair treatment and mutual benefits, and ensure an adequate protection of intellectual property.
5. Specific priorities of cooperation shall be accorded to *inter alia* the following areas:
- (a) the promotion and facilitation of access to designated research facilities for the exchange and training of researchers;
 - (b) encourage the integration of R&D in investment and official development assistance programmes/projects.

- 6. The Parties shall endeavor to mobilise financial sources to support the implementation of scientific and technological cooperation activities under this Agreement within their capacities.
- 7. The Parties agree to make all efforts to increase public awareness about possibilities offered by their respective programmes for science and technology cooperation.

Article 40

Cooperation on Information and Communication Technologies

- 1. Recognising that information and communication technologies (ICT) are key elements of modern life and of vital importance to economic and social development, the Parties agree to exchange views on the respective policies in this field with a view to promoting economic and social development.
- 2. Cooperation in this area shall, *inter alia*, focus on:
 - (a) facilitating dialogue on different aspects of ICT development;
 - (b) ICT capacity building including human resource development;
 - (c) interconnection and interoperability of the Parties' and Southeast Asian networks and services;
 - (d) standardisation and dissemination of new ICT;
 - (e) promotion of R&D cooperation between the Parties in the area of ICT;
 - (f) security issues/aspects of ICT as well as fighting cyber crime;

- (g) conformity assessment of telecommunications, including radio equipment;
- (h) cooperation and sharing experiences and best practices on introduction of information technology to the whole society and public administration;
- (i) facilitating cooperation between their relevant institutions and agents in areas of audio-visual and media sectors;
- (j) encouraging further cooperation between the Parties' ICT enterprises including technology transfer.

Article 41

Transport

1. The Parties agree to further reinforce their cooperation in relevant areas of transport policy with a view to enhancing and expanding investment opportunities, improving the movement of goods and passengers, promoting maritime and aviation safety and security, more particularly search and rescue, combating piracy, and broader regulatory convergence, reducing environmental impacts of transport, and increasing the efficiency of their transport systems.
2. Cooperation between the Parties in this area shall aim to promote:
 - (a) the exchange of information on their respective transport policies and practices, especially regarding urban, rural, maritime and air transport, urban transport planning, transport logistics, public transport development and the interconnection and interoperability of multimodal transport networks;
 - (b) the exchange of information on the European global satellite navigation system (Galileo) by using appropriate bilateral instruments, with a focus on regulatory, industrial and market development issues of mutual interest;
 - (c) joint actions in the field of air transport services through, *inter alia*, the implementation of existing agreements, the examination of possibilities for the further development of relations, as well as technical and regulatory cooperation in areas such as aviation safety, aviation security, and air traffic management with a view to supporting regulatory convergence and to the removal of obstacles to doing business. On this basis, the Parties will explore the possible scope for enhanced cooperation in the area of civil aviation;
 - (d) a dialogue in the field of maritime transport services aiming at unrestricted access to the international maritime markets and trades on a commercial basis, commitments for the phasing out of existing cargo reservation schemes, the abstention from introducing cargo sharing clauses, the establishment within maritime transport of services including auxiliary services, national treatment and MFN clauses regarding access for auxiliary services and port services for vessels operated by nationals or companies of the other Party, and issues related to door-to-door transport services;
 - (e) the implementation of security, safety and pollution prevention standards, notably as regards maritime and air transport, in line with the relevant international conventions, including cooperation in the appropriate international *fora* aiming to ensure better enforcement of international regulations. To this end, the Parties will promote technical cooperation and assistance on issues related to transport safety, including search and rescue, investigation into casualties and accidents.

Article 42

Energy

1. The Parties agree to enhance cooperation in the energy sector with a view to:
 - (a) diversifying energy supplies in order to improve energy security, and develop new innovative and renewable forms of energy, including sustainable biofuels and biomass in conformity with country-specific conditions, wind and solar energy, as well as hydro power generation, and supporting the development of appropriate policy frameworks to create favourable conditions for investment and a level playing field for renewable energy and the integration into relevant policy areas;
 - (b) achieving rational use of energy with contributions from both supply and demand sides by promoting energy efficiency in energy production, transportation, distribution and end-use;
 - (c) fostering the transfer of technology aimed at sustainable energy production and use;
 - (d) enhancing capacity-building and facilitation of investment in the field based on transparent and non-discriminatory commercial rules;
 - (e) addressing the links between affordable access to energy services and sustainable development.
2. To these ends, the Parties agree to promote contacts and joint research as well as enhance technical assistance and capacity-building projects through appropriate regional *fora* on clean production and environmental protection to the mutual benefit of the Parties. Both sides will

explore further possibilities for enhanced cooperation in nuclear safety and security within their existing legal framework and policies.

Article 43

Tourism

1. Guided by the World Tourism Organization's Global Code of Ethics for Tourism and by the sustainability principles based on the "Local Agenda 21 process", the Parties shall aim to improve the exchange of information and establish best practice in order to ensure a balanced and sustainable development of tourism.
2. The Parties agree to develop cooperation on, *inter alia*:
 - (a) safeguarding and maximising the potential of natural and cultural heritage;
 - (b) mitigating the negative impacts of tourism;
 - (c) enhancing the positive contribution of the tourism business to the sustainable development of local communities, *inter alia*, by developing eco-tourism and cultural tourism, while respecting the integrity and interests of local and indigenous communities;
 - (d) technical assistance and capacity-building, including training programmes for policy makers and tourism managers;
 - (e) encouraging the tourism industry including tour operators and travel agents of both Parties to further develop bilateral cooperation including training.

Article 44

Industrial Policy and SME cooperation

The Parties, taking into account their respective economic policies and objectives, agree to promote industrial policy cooperation in all fields deemed suitable, with a view to improving the competitiveness of small and medium-sized enterprises, *inter alia* through:

- (a) exchanging information and experiences on creating the legal framework and other conditions for small and medium-sized enterprises to improve their competitiveness;
- (b) promoting contacts and exchanges between economic operators, encouraging joint investments and establishing joint ventures and information networks notably through existing Union horizontal programmes, stimulating in particular transfers of soft and hard technology between partners, including new and advanced technologies;
- (c) providing information and stimulating innovation and exchanging good practices on access to finance and market, including auditing and accounting services particularly for micro- and small enterprises;
- (d) facilitating and supporting the relevant activities established by the private sectors and business associations of the Parties;
- (e) promoting corporate social responsibility and accountability and encouraging responsible business practices, including sustainable consumption and production. This cooperation shall be complemented by a consumer perspective such as on product information and the consumer's role in the market;

- (f) conducting joint research projects, technical assistance and cooperation on standards, technical regulations and conformity assessment procedures in selected industrial areas, as mutually agreed.

Article 45

Economic Policy Dialogue

The Parties agree to cooperate on promoting the exchange of information on their respective economic trends and policies, and the sharing of experiences with the coordination of economic policies in the context of regional economic cooperation and integration through existing bilateral and multilateral mechanisms in areas of mutual interest, including the sharing of information on the process of reform and equitisation of state-owned enterprises in conformity with the Parties' laws and regulations.

Article 46

Cooperation on Taxation

1. With a view to strengthening and developing economic activities while taking into account the need to develop appropriate regulatory and administrative frameworks, the Parties are committed to good governance in the tax area and will implement the principles of transparency and the exchange of information within the framework of bilateral tax agreements between Member States and Vietnam. The Parties further agree to strengthen their exchange of experience, dialogue and cooperation to fight against tax evasion and other harmful tax practices.
2. The Parties agree to strengthen cooperation in the tax area with a view to enhancing their regulatory and administrative capacity through, *inter alia*, the exchange of experience and technical assistance.

3. The Parties will encourage the effective implementation of bilateral tax agreements between Member States and Vietnam and support the consideration of new such agreements in the future.

Article 47

Cooperation on Financial Services

The Parties agree to hold a dialogue notably aimed at exchanging information and experiences on their respective regulatory environments, and strengthen cooperation with a view to improving accounting, auditing, supervisory and regulatory systems of banking, insurance and other parts of the financial sector including through capacity-building programmes in areas of mutual interest.

Article 48

Cooperation on Natural Disaster Prevention and Mitigation

1. The Parties agree to cooperate in preventing and responding effectively to natural disasters to minimise the losses of life, property, natural resources, environment and cultural heritage, and to mainstream disaster risk reduction in all sectors and areas of intervention at national and local levels.
2. On that basis, the Parties agree to:
 - (a) share information on monitoring, assessing, forecasting and providing early warning on natural disasters;
 - (b) enhance capacity through the sharing of experience, best practices in natural disaster prevention and mitigation;
 - (c) support each other in technology, specialised equipment

and materials needed for disaster management and emergency response;

- (d) enhance dialogue between the Parties' authorities in charge of natural disaster management and emergency response to support and strengthen cooperation in this area.

Article 49

Urban and Regional Planning and Development

1. The Parties agree to promote cooperation and partnership in this field, in recognition of the important role of urban and regional planning and development in the pursuit of economic growth, poverty reduction and sustainable development.
2. Cooperation in urban and regional planning and development may take the following forms:
 - (a) the exchange of experience in addressing issues related to sustainable urban and regional planning and development, including:
 - policies dealing with urban planning and related infrastructure, regional planning and urban expansion, conservation and development of historic townships;
 - establishment of urban networks with the participation of central and local management including municipalities, associations and NGOs, agencies, contractors and professional associations;
 - management of architecture, planning and urban space expansion with the employment of Geographic Information System (GIS) tools;

- planning and development of urban centres and city centres renewal and urban environmental planning;
 - urban-rural relations;
 - development of urban technical infrastructure, including rehabilitation and improvement of urban water supply systems, construction of sewerage and solid waste treatment systems, protection of the environment and urban landscape;
- (b) support in training and capacity building for central, regional and local level managers in regional and urban planning, architecture management and architectural heritage;
- (c) cooperation in the framework of relevant international organisations such as the UN-HABITAT and the World Urban Forum through joint research programmes and organisation of workshops and seminars to exchange information and experience in urban planning and development, including urban expansion, urban design, land development and technical infrastructure development.
3. The Parties agree to enhance cooperation, share experience and information among their regional and urban authorities to solve complex urban problems by promoting sustainable development.

Article 50

Labour, Employment and Social Affairs

1. The Parties agree to enhance cooperation in the field of labour, employment and social affairs, including cooperation on labour, regional and social

cohesion, health and safety in the workplace, gender equality, lifelong skills development, human resource development, international migration and decent work, social security with a view to strengthening the social dimension of globalisation.

2. The Parties reaffirm the need to support the process of globalisation which is beneficial to all and to promote full and productive employment and decent work as a key element of sustainable development and poverty reduction, as endorsed by UN General Assembly Resolution 60/1 and the Ministerial Declaration of the high level segment of the UN Economic and Social Council of July 2006. Cooperation between the two Parties shall be compatible with and take into account the respective characteristics and diverse nature of the economic and social situations.
3. The Parties reaffirm their commitments to respect, promote and realise internationally recognised labour standards, as laid down in International Labour Organisation (ILO) conventions to which they are parties referred to in the Declaration on Fundamental Rights and Principles at Work of the ILO. The Parties agree to cooperate and provide technical assistance with a view to promote the ratification of internationally recognised labour standards as appropriate and effectively implement labour standards ratified by the Parties.
4. Subject to laws, conditions and procedures applicable in the host country and relevant international treaties and conventions to which they are parties, the Parties shall aim to ensure that the treatment accorded to nationals of the other Party, legally employed in the territory of the host country, shall be free from any discrimination based on nationality, as regards, *inter alia*, working conditions, remuneration or dismissal as compared to the conditions applied to other third country nationals.

5. The forms of cooperation may include specific programmes and projects, as mutually agreed, as well as capacity building, policy exchange and initiatives on topics of common interest at bilateral or multilateral level, such as at ASEM, EU-ASEAN and ILO level.

Article 51

Statistics

1. The Parties agree to promote cooperation in harmonising and developing statistical methods including statistical collecting, processing, analysing, and disseminating.
2. To this end, the Parties agree to strengthen cooperation, including through regional and international *fora*, by capacity building and other technical assistance projects, including the provision of modern statistical software, with a view to enhancing the quality of statistics.

TITLE VII INSTITUTIONAL FRAMEWORK

Article 52

Joint Committee

1. The Parties agree to establish a Joint Committee, composed of representatives of both sides at the highest possible level, whose tasks shall be to:
 - (a) ensure the proper functioning and implementation of this Agreement;
 - (b) set priorities in relation to the aims of this Agreement;
 - (c) monitor the development of the comprehensive relationship between the Parties and make recommendations for promoting the objectives of this Agreement;
 - (d) request, as appropriate, information from committees or other bodies established under other agreements between the Parties and consider any reports submitted by them;
 - (e) exchange opinions and make suggestions on any issue of common interest, including future actions and the resources available to carry them out;

- (f) resolve differences arising from the application or interpretation of this Agreement;
 - (g) examine all the information presented by a Party regarding the fulfilment of obligations and hold consultations with the other Party to seek a solution acceptable to both Parties in accordance with Article 57.
2. The Joint Committee shall normally meet annually in Hanoi and Brussels alternately, on a date to be fixed by mutual agreement. Extraordinary meetings of the Joint Committee may also be convened by agreement between the Parties. The Joint Committee shall be chaired alternately by each of the Parties. The agenda for meetings of the Joint Committee shall be determined by agreement between the Parties.
 3. The Joint Committee shall set up sub-committees and specialised working groups in order to assist it in the performance of its tasks. These sub-committees and working groups shall make detailed reports of their activities to the Joint Committee at each of its meetings.
 4. The Parties agree that it shall also be the task of the Joint Committee to ensure the proper functioning of any sectoral agreement or protocol concluded or to be concluded between the Parties.
 5. The Joint Committee shall adopt its own rules of procedure.

TITLE VIII FINAL PROVISIONS

Article 53

Resources for Cooperation

1. The Parties agree to make available the appropriate resources, including financial means, insofar as their respective resources and regulations allow, in order to fulfil the cooperation objectives set out in this Agreement.
2. The Parties shall encourage the European Investment Bank to continue its operations in Vietnam, in accordance with its procedures and financing criteria.

Article 54

Future Developments Clause

1. The Parties may by mutual consent expand the scope of this Agreement with a view to enhancing the level of cooperation, including by supplementing it by means of agreements or protocols on specific sectors or activities. Such specific agreements shall constitute an integral part of the overall bilateral relations as governed by this Agreement and shall form part of a common institutional framework.

2. With regard to the implementation of this Agreement, either of the Parties may put forward suggestions for widening the scope of cooperation, taking into account the experience gained in its application.

Article 55

Other Agreements

1. Without prejudice to the relevant provisions of the Treaty on European Union and the Treaty on the Functioning of the European Union, neither this Agreement nor action taken hereunder shall affect the powers of the Member States to undertake bilateral cooperation activities with Vietnam or to conclude, where appropriate, new partnership and cooperation agreements with Vietnam.
2. This Agreement shall not affect the application or implementation of commitments undertaken by the respective Parties in relations with third parties.
3. Existing agreements relating to specific areas of cooperation falling within the scope of this Agreement shall be considered part of the overall bilateral relations as governed by this Agreement and as forming part of a common institutional framework.

Article 56

Application and Interpretation of the Agreement

1. Each Party may refer to the Joint Committee any divergence in the application or interpretation of this Agreement.
2. The Joint Committee may settle the issue by means of a recommendation.

Article 57

Fulfilment of Obligations

1. The Parties shall take any general or specific measures required to fulfil their obligations under this Agreement and shall ensure that they comply with the objectives and purposes laid down in this Agreement.
2. If either Party considers that the other Party has failed to fulfil any of its obligations under this Agreement it may take appropriate measures.
3. Before doing so, except in cases of a material breach of the Agreement, it shall present to the Joint Committee all the relevant information required for a thorough examination of the situation with a view to seeking a solution acceptable to the Parties.
4. The Parties agree that for the purpose of the correct interpretation and practical application of this Agreement, the term “appropriate measures” as referred to in Article 57(2) means measures taken in accordance with international law which are proportionate to the failure to implement obligations under this Agreement. In the selection of these measures, priority must be given to those which least disturb the functioning of this Agreement. These measures shall be notified immediately to the other Party and shall be the subject of consultations within the Joint Committee if the other Party so requests.

Article 58

Facilities

To facilitate cooperation in the framework of this Agreement, both Parties agree to grant necessary facilities to officials

and experts involved in implementing cooperation for the performance of their functions, in accordance with internal rules and regulations of both Parties.

Article 59

Declarations

The Declarations to this Agreement shall form an integral part of this Agreement.

Article 60

Territorial Application

This Agreement shall apply to the territory in which the Treaty on European Union is applied under the conditions laid down in that Treaty, on the one hand, and to the territory of the Socialist Republic of Vietnam, on the other.

Article 61

Definition of the Parties

For the purposes of this Agreement, “the Parties” shall mean the Union or its Member States, or the Union and its Member States, in accordance with their respective powers, on the one hand, and the Socialist Republic of Vietnam, on the other.

Article 62

National Security and Disclosure of Information

Nothing in this Agreement shall be construed to require any Party to provide any information, the disclosure of which it considers contrary to its essential security interests.

Article 63

Entry into Force and Duration

1. This Agreement shall enter into force on the first day

of the month following the date on which the last Party has notified the other of the completion of the legal procedures necessary for this purpose.

2. This Agreement is valid for a period of five years. It shall be automatically extended for further successive periods of one year, unless either Party notifies the other Party in writing of its intention not to extend this Agreement six months prior to the end of any subsequent one-year period.
3. Any amendments to this Agreement shall be made by agreement between the Parties. Any amendments shall become effective only after the latter Party has notified the other that all necessary formalities have been completed.
4. This Agreement may be terminated by either Party by written notice of denunciation given to the other Party. The termination shall take effect six months after receipt of notification by the other Party.

Article 64

Notifications

Notifications made in accordance with Article 63 shall be made to the General Secretariat of the Council of the European Union and the Ministry of Foreign Affairs of Vietnam, respectively.

Article 65

Authentic Text

This Agreement shall be drawn up in duplicate in the Bulgarian, Czech, Danish, Dutch, English, Estonian, Finnish, French, German, Greek, Hungarian, Italian, Latvian, Lithuanian, Maltese, Polish, Portuguese, Romanian, Slovak, Slovenian, Spanish, Swedish and Vietnamese languages, each of these texts being equally authentic.

ANNEX

JOINT DECLARATION ON MARKET ECONOMY STATUS

The Parties shall enhance cooperation on moving towards the early recognition of Vietnam's market economy status as soon as possible, subject to the relevant procedures.

UNILATERAL DECLARATION BY THE EUROPEAN UNION ON THE GENERALISED SYSTEM OF PREFERENCES (GSP)

The European Union recognises the significant importance of the GSP to trade development and shall further cooperate through, *inter alia*, dialogue, exchanges and capacity-building activities, with a view to ensuring optimal use of the scheme by Vietnam in accordance with the relevant procedures of the Parties and evolving EU trade policy.

JOINT DECLARATION ON ARTICLE 24 (COOPERATION IN COMBATING MONEY LAUNDERING AND TERRORISM FINANCING)

The Parties agree that the Joint Committee will establish a list of the competent authorities responsible for the exchange of relevant information under this Article.

JOINT DECLARATION ON ARTICLE 57 (FULFILMENT OF OBLIGATIONS)

The Parties agree that, for the purposes of the correct interpretation and practical application of this Agreement, the term "material breach of the Agreement" in Article 57(3), in line with Article 60 (3) of the Vienna Convention on the Law of Treaties of 1969 ('Vienna Convention'), consists of:

- (a) repudiation of the agreement not sanctioned by the Vienna Convention; or
- (b) violation of an essential element of the Agreement, as described in Article 1(1) and (2) and Article 8.

In cases of a material breach of the Agreement, the measure shall be notified immediately to the other Party. At the request of the other Party, the Joint Committee shall hold urgent consultations within a period of up to 30 days for a thorough examination of any aspect of, or the basis for, the measure with a view to seeking a solution acceptable to the Parties.

VIETNAM – EUROPEAN UNION RELATIONS

Overview

1990: Vietnam and European Communities officially established diplomatic relations.

1992: Vietnam and European Communities signed textile agreement.

1995: Vietnam and European Community signed Vietnam – EC framework cooperation agreement.

1996: European Commission set up its Permanent Delegation to Vietnam.

1997: Vietnam joined ASEAN – EU cooperation agreement.

2003: Vietnam – EU human rights dialogue was launched.

2004: First Vietnam – EU Summit in Hanoi.

2005: Vietnam adopted a Master Plan and Action plan

in developing Vietnam – EU relations towards 2010 and orientations towards 2015.

2008: the negotiation on Framework Agreement on Comprehensive Partnership and Cooperation (PCA) was launched.

2010: Vietnam – EU PCA was initialled.

2012: Vietnam – EU PCA was officially signed and negotiation of Vietnam – EU Free Trade Agreement (FTA) was launched.

Since the establishment of diplomatic relations, and building on the bilateral relations of EU member states, Vietnam-EU relations have developed rapidly and vigorously. The EU has become one of Vietnam's key partners in many areas, especially economic, trade and investment, contributing actively to Vietnam's socio-economic development and international economic integration.

The Framework Agreement on Comprehensive Partnership and Cooperation (PCA) between Vietnam and EU:

Vietnam – EU relations have developed rapidly and vigorously, setting out the need to build a new cooperation framework in order to reflect the strongly developing partnership and create a new legal framework to replace the 1995 framework agreement.

After 9 rounds of negotiations (from June 2008 to October 2010), on the 4th October 2010, the PCA was initialled on the sidelines of the 8th ASEM Summit in Brussels with Prime Minister Nguyen Tan Dung and EC President Barroso as witnesses.

On 27th June 2012, Minister of Foreign Affairs Pham Binh Minh and EU's High Representative for Foreign and Security

Policy Catherine Ashton officially signed the PCA in Brussels, Belgium.

The Vietnam – EU PCA has marked an important milestone in Vietnam – EU relations, reflecting widening and deepening developments of the Vietnam – EU relations during the past 20 years and creating a legal foundation which ushers the bilateral relations in a new phase of deeper and broader scope of cooperation.

I. Political field:

1.1. Meetings and exchanges of high-level visits

On the Vietnamese side:

7/1993: Prime Minister Vo Van Kiet visited the EC.

2/1995: National Assembly Chairman Nong Duc Manh visited the European Parliament (EP).

1/1996: Deputy Prime Minister Tran Duc Luong visited the EC.

4/1998: Prime Minister Phan Van Khai visited the EC.

9/2002: Prime Minister Phan Van Khai visited the EC.

3/2004: General Secretary Nong Duc Manh visited the EC.

3/2005: Chairman of the National Assembly Nguyen Van An visited the EP.

9/2006: Prime Minister Nguyen Tan Dung visited the EC.

4/2010: Prime Minister Nguyen Tan Dung met with President of the European Council Herman Van Rompuy on the sidelines of the Nuclear Security Summit in Washington, USA.

7/2010: Vice Chairwoman of the National Assembly Tong Thi Phong visited the EP.

10/2010: Prime Minister Nguyen Tan Dung visited the EC.

6/2011: Deputy Prime Minister and Foreign Minister Pham Gia Kiem met with EU High Representative for Foreign Affairs and Security Policy Catherine Ashton on the sidelines of the FMM 10 in Hungary.

12/2011: Chairman of the National Assembly Nguyen Sinh Hung visited the EP.

3/2012: Prime Minister Nguyen Tan Dung met with President of the European Council Herman Van Rompuy and the EC President Barroso on the sidelines of the Nuclear Summit in Seoul, Republic of Korea.

4/2012: Foreign Minister Pham Binh Minh met with EU's High Representative for Foreign and Security Policy Catherine Ashton on the sidelines of the AEMM-19 in Brunei.

6/2012: Foreign Minister Pham Binh Minh visited the EU and officially signed the Vietnam – EU PCA. EU Trade Commissioner Karel De Gucht and Vietnamese Minister for Industry and Trade Vu Huy Hoang officially launched negotiations for a FTA between the EU and Vietnam in Brussels.

On the EU side:

7/1994: EC commissioner in charge of foreign affairs Hans van den Broek visited Vietnam.

9/1995: EC Vice-President Manuel Marin visited Vietnam.

1/2004: Member of the EC in charge of Food Safety, Public Health and Consumer Protection David Byrne visited Vietnam.

7/2004: EU Special Representative in charge of ASEM Hans van den Broek paid a working visit to Vietnam.

10/2004: EC President Romano Prodi and EC Trade Commissioner Pascal Lamy paid a working visit to Vietnam.

4/2005: EC Trade Commissioner Peter Mandelson paid a working visit to Vietnam.

10/2005: Director General for External relations of EC Eneko Landaburu visited Vietnam.

11/2005: EC Commissioner in charge of Food Safety, Public Health and Consumer Protection M. Kyprianou visited Vietnam.

4/2006: EC Commissioner in charge of foreign affairs Benita Ferrero-Waldner visited Vietnam.

5/2006: Chairman of the Committee on Civil Liberties, Justice and Home Affairs and Chairman of the EP's Delegation to the Southeast Asia and ASEAN Mr Harmut Nassauer visited Vietnam.

11/2007: EC President José Manuel Barroso officially visited Vietnam (the first official visit of the President of the EC since the two sides established diplomatic relations).

5/2009: EC Commissioner in charge of foreign affairs Benita Ferrero-Waldner met with Prime Minister Nguyen Tan Dung.

2/2010: EC Trade Commissioner Karel de Gucht paid a working visit to Vietnam.

3/2010: European Parliament delegation visited Vietnam.

2/2012: David O'Sullivan, The Chief Executive Officer of the European External Action Service (EEAS) visited Vietnam and

carried out for the first time political consultations at the level of Deputy Minister of Foreign Affairs with Vietnam.

3/2012: EC Commissioner in charge of Development Cooperation Andris Piebalgs visited Vietnam.

10/2012: President of the European Council Herman Van Rompuy visited Vietnam.

1.2. Dialogue and cooperation mechanism:

The Vietnam – EC Joint Commission (based on the 1995 Framework Agreement) contains:

- Vietnam – EC Working-Group on Trade and Investment.
- Vietnam – EC Working group on Development Co-operation.
- The EC - Vietnam Sub-committee on Cooperation in the areas of institution building, administrative reform, governance and human rights.
- EC-Vietnam Sub-committee on Scientific and Technological Cooperation.

1.3. Co-operation in multilateral and regional forums

Vietnam and EU also cooperate at multilateral fora and international organizations, especially in the framework of ASEAN – EU cooperation and of ASEM and the UN in many areas. The two sides also work together in addressing global issues such as climate change, sustainable development, energy security, fighting terrorism, non - proliferation of weapons of mass destruction, illegal migration, etc.

II. Economic fields:

The EU is one of the leading investment and trading partners of Vietnam. Trade has been increasing rapidly - and most EU member states have invested in Vietnam.

Trade is one of the important pillars in Vietnam – EU relations. Within the period 2000 – 2010, bilateral trade increased 4.3 times, from \$4.1 billion in 2000 up to \$17.75 billion in 2010¹, reaching \$24,29 billion in 2011, a 36.88% increase compared to 2010. In 2011, Vietnam exports to the EU reached \$16.55 billion, (a 45.32% increase) while imports from the EU reached \$7.75 billion (a 21.79% increase in comparison with 2010). Two-way trade in the first 7 months of 2012 reached \$15.47 billion, increasing by 20.39% in comparison to the same period of 2011 -Vietnam exports to the EU reached \$10.91 billion, increasing by 23.73% while imports from the EU reached \$4.56 billion, a 13.07% increase. At present, the EU is one of Vietnam's biggest trading partners, the second biggest export market (after the US) and a relevant market for key products of Vietnam such as leather, shoes, textiles, green bean coffee, wood products, seafood, etc. Vietnam imports mainly machines, equipments, pharmaceuticals products, fertilizer and transport vehicles from the EU member states. Bilateral trade is complementary. Vietnam's exports to the EU have been shifting from lower quality goods and raw agricultural products to higher quality products.

In the field of investment: EU is one of the leading investors in Vietnam. Until June 2012, 20 out of 27 EU member states have invested in Vietnam with 1.188 valid projects with a total registered capital over \$18 billion. Vietnamese businessmen have also invested in at least 12 EU member states (Belgium, Bulgaria, Czech Republic, France, Germany, Greece, Italy,

Netherlands, Poland, Spain, Sweden and, U.K) with a total registered capital of \$35.9 million.

Development cooperation (ODA): EU is the second largest bilateral donor of Vietnam and the biggest in term of grant development aid with a total committed ODA of more than \$11 billion between 1996 – 2010 (disbursement of over \$5 billion), making positive contributions to Vietnam's economic and social development progress.

Sectoral cooperation: The EU and its member states have close cooperation ties with Vietnam in various prioritized sectors for Vietnam and the EU such as institutional assistance, science and technology, education, law, health, banking and credit, agriculture, culture and tourism, etc.

Ministry of Foreign Affairs

1 In 2006, Vietnam – EU trade reached \$10.2 billion, about 2.5 times the trade in 2000, 5.1 times in comparison with 1999 and 7.39 times in comparison with 1995.

INTRODUCTION TO THE EUROPEAN UNION

The European Union (EU) is a unique economic and political partnership between 27 European countries (28 from 1 July 2013)¹ that together cover much of the continent.

It was created in the aftermath of the Second World War. The first steps were to foster economic cooperation: the idea being that countries that trade with one another become economically interdependent and so more likely to avoid conflict. Since then, the EU has developed into a huge single market, with the euro as its main common currency. What began as a purely economic union has evolved into an organisation spanning all policy areas, from development aid to environment.

The EU has delivered half a century of peace, stability, and prosperity, helped raise living standards, and launched a single European currency. Thanks to the abolition of border

¹ Member states of the European Union: Austria, Belgium, Bulgaria, Cyprus, Czech Republic, Denmark, Estonia, Finland, France, Germany, Greece, Hungary, Ireland, Italy, Latvia, Lithuania, Luxembourg, Malta, Netherlands, Poland, Portugal, Romania, Slovakia, Slovenia, Spain, Sweden and United Kingdom. Croatia is expected to join the EU in July 2013 while other candidate countries include the Former Yugoslav Republic of Macedonia, Iceland, Montenegro, Serbia and Turkey.

controls between EU countries, people can travel freely throughout most of the continent. And it's also become much easier to live and work abroad in Europe.

The EU is based on the rule of law. This means that everything that it does is founded on treaties, voluntarily and democratically agreed by all member countries. These binding agreements set out the EU's goals in its many areas of activity.

Human dignity, freedom, democracy, equality, the rule of law and respect for human rights: these are the core values of the EU. Since the 2009 signing of the Treaty of Lisbon, the EU's Charter of Fundamental Rights brings all these rights together in a single document. The EU's institutions are legally bound to uphold them, as are EU governments.

The single market is the EU's main economic engine, enabling most goods, services, money and people to move freely. With over 500 million inhabitants, the EU accounts for more than a quarter of the world's gross domestic product, is the largest source of foreign direct investment in the global economy and represents a fifth of global trade, a key instrument for economic development. Europe is the world's largest exporter of manufactured goods and services, and is itself the biggest export market for more than one hundred countries.

The Union has a unique institutional set-up. The EU's broad priorities are set by the European Council, which brings together national and EU-level leaders. Directly elected Members represent European citizens in the European Parliament, while the interests of the EU as a whole are promoted by the European Commission, whose members are nominated by national governments in consultation with the Commission President, after approval by the European Parliament. Finally, governments defend their own countries' national interests in the Council of the European Union.

Among many other institutions and inter-institutional bodies, two play vital roles: the Court of Justice upholds the rule of European law and the Court of Auditors checks the financing of the EU's activities.

As it continues to grow, the EU remains focused on making its governing institutions more transparent and democratic. More powers are being given to the directly elected European Parliament, while national parliaments are being given a greater role, working alongside the European institutions. In turn, European citizens have an ever-increasing number of channels for taking part in the political process in any of the EU's 23 official languages.

The European Union also plays an important role in international affairs through diplomacy, trade, investment, development aid and global organisations, with increasing regional and global security interests and responsibilities to match. In particular, it shows solidarity by providing more than half of all international development aid and is the world's biggest donor of humanitarian assistance. The EU is increasingly active in conflict prevention, crisis management and peace building, through EU-led crisis management missions, as well as through EU crisis response and stabilisation instruments. Moreover, the EU is committed to supporting the multilateral system and its reform, global negotiations on trade and climate change, as well as the global governance agenda.

The EU maintains diplomatic relations with nearly all countries in the world. It has strategic partnerships with key international players, is deeply engaged with emerging powers around the globe, and has signed bilateral Association Agreements with a number of states in its vicinity. Abroad, the Union is represented by a number of EU Delegations, which have a similar function to those of an embassy. The European External Action Service (EEAS) assists the High Representative

of the Union for Foreign Affairs and Security Policy, who chairs the Foreign Affairs Council of Member States Foreign Ministers and conducts the common foreign and security policy, ensuring the consistency and coordination of the EU's external action.

Finally, the EU is recognisable by several symbols, the most well-known being the European flag, a circle of 12 yellow stars on a blue background that symbolises the ideals of unity, solidarity and harmony among the peoples of Europe. Europe Day is celebrated on 9 May, to commemorate the ideas behind the European Union that were first put forward on that date in 1950 by French foreign minister Robert Schuman. The melody of the European anthem comes from the Ninth Symphony composed in 1823 by Ludwig Van Beethoven, while "United in diversity" is the motto of the European Union. It signifies how Europeans have come together, in the form of the EU, to work for peace and prosperity, while at the same time being enriched by the continent's many different cultures, traditions and languages.

Delegation of the European Union to Vietnam